

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NGUYỄN THỊ MINH SANG

**QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI
CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NGUYỄN THỊ MINH SANG

**QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI
CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ SỐ: 60 34 04 10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS ĐINH VĂN SƠN**

HÀ NỘI, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn “**Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương**” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi, chưa từng sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Các số liệu và kết quả sử dụng trong bài luận văn là hoàn toàn trung thực và có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Minh Sang

LỜI CẢM ƠN

Trong khoảng thời gian thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế, tôi đã gặp nhiều khó khăn trong việc chuẩn bị tài liệu, thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của bản thân và sự giúp đỡ tận tình các thầy cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp, tôi đã hoàn thành luận văn của mình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô trong Ban Giám hiệu trường Đại học Thương mại, Khoa sau Đại học đã động viên và tạo mọi điều kiện để tôi có thể yên tâm với công việc nghiên cứu.

Hơn hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy GS.TS. Đinh Văn Sơn - người đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ công nhân viên các Bộ, Ban ngành gồm: Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, Cục thuế tỉnh Hải Dương, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Kho bạc tỉnh Hải Dương, Các phòng, ban chức năng của Chi cục thuế thành phố Hải Dương... đã hỗ trợ cung cấp tài liệu để tôi có cơ sở thực tiễn bổ sung vào bài viết.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thành nội dung nghiên cứu bằng tất cả năng lực và sự nhiệt tình của bản thân, tuy nhiên luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và đồng nghiệp để tôi hoàn thiện hơn nữa nhận thức của mình.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ.....	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích nghiên cứu đề tài	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	5
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	6
7. Kết cấu luận văn.....	7
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI.....	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân	8
1.1.1. Khái niệm.....	8
1.1.2. Đặc điểm	10
1.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng.....	11
1.2.1. Thuế giá trị gia tăng là nguồn thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước.....	12
1.2.2. Thuế giá trị gia tăng là công cụ điều tiết sản xuất và tiêu dùng.....	12
1.2.3. Thuế giá trị gia tăng là công cụ kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh.	13
1.3. Những vấn đề cơ bản về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân.....	13
1.3.1. Khái niệm, vai trò, đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân	13
1.3.2. Khái niệm quản lý thuế, quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân	15

1.3.3. Nội dung quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân	17
1.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân	30
1.4 Cơ sở thực tiễn về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân.....	33
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế thị xã Phú Thọ.....	33
1.4.2. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường.....	35
1.4.3. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế quận Hoàng Mai Hà Nội	35
1.4.4. Bài học về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương	37
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG.....	40
2.1. Đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hải Dương	40
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên - kinh tế - xã hội	40
2.1.2. Tình hình phát triển của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	42
2.1.3. Bộ máy quản lý thu thuế của Chi cục thuế thành phố Hải Dương.....	43
2.2. Thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương giai đoạn 2013 – 2015.....	51
2.2.1. Thực trạng nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	51
2.2.2. Các thủ tục hành chính về thuế giá trị gia tăng	52
2.2.3. Giám sát việc tuân thủ pháp luật về thuế giá trị gia tăng	53
2.2.4. Thực trạng quản lý quy trình thu thuế giá trị gia tăng	55
2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương.....	71

2.3.1. <i>Kết quả đạt được</i>	71
2.3.2. <i>Một số mặt hạn chế</i>	73
2.3.3. <i>Nguyên nhân hạn chế</i>	75
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG	81
3.1. Phương hướng và mục tiêu về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Hải Dương đến năm 2020	81
3.1.1. <i>Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Dương đến năm 2020</i>	81
3.1.2. <i>Định hướng hoàn thiện tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương</i>	82
3.2. Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương đến năm 2020	84
3.2.1. <i>Nhóm giải pháp hoàn thiện các thủ tục hành chính thuế giá trị gia tăng</i>	84
3.2.2. <i>Nhóm giải pháp tăng cường việc giám sát tuân thủ pháp luật thuế giá trị gia tăng</i>	87
3.2.3. <i>Nhóm giải pháp hoàn thiện quy trình quản lý thuế giá trị gia tăng</i>	88
3.2.4. <i>Nhóm giải pháp nâng cao trình độ của cán bộ thuế</i>	97
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương	100
3.3.1. <i>Kiến nghị với Nhà nước</i>	100
3.3.2. <i>Kiến nghị với các đơn vị liên quan</i>	101
KẾT LUẬN	106
TÀI LIỆU THAM KHẢO	108

DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn trong ba năm 2013 - 2015	42
Bảng 2.2: Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về thuế giá trị gia tăng.....	54
Bảng 2.3: Tình hình nộp tờ khai của các doanh nghiệp tư nhân tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương.....	58
Bảng 2.4: Số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng cho các loại hình doanh nghiệp tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương giai đoạn 2013-2015	64
Bảng 2.5: Tình hình nợ thuế giá trị gia tăng từ năm 2013 đến năm 2015	67
Bảng 2.6: Tổng kết tình hình kiểm tra đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh từ năm 2013 đến năm 2015	68

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức Chi cục thuế thành phố Hải Dương.....	44
Sơ đồ 2.2: Quy trình quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng của Tổng cục Thuế	63
Sơ đồ 2.3: Quy trình quản lý thu nợ thuế của Tổng cục Thuế	65
Sơ đồ 2.4: Quy trình cưỡng chế nợ thuế của Tổng cục Thuế	66

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
2	ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	KBNN	Kho bạc nhà nước
5	KK-KTT-TH	Kê khai - Kế toán thuế - Tin học
6	NNT	Người nộp thuế
7	NSNN	Ngân sách nhà nước
8	TT-HT	Tuyên truyền - Hỗ trợ
9	QLT	Quản lý thuế
10	QLNN	Quản lý nhà nước
11	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu, lâu dài và là bộ phận quan trọng nhất của ngân sách nhà nước, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu quan trọng của mỗi quốc gia là xây dựng được một hệ thống thuế có hiệu lực và hiệu quả cao. Điều này không chỉ phụ thuộc vào chính sách thuế hợp lý mà còn phụ thuộc rất lớn vào công tác quản lý thuế của nhà nước. Lịch sử càng phát triển, các hệ thống thuế khoá, các hình thức thuế khoá và pháp luật thuế ngày càng đa dạng. Đồng thời, sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế làm cho môi trường kinh tế ngày càng phức tạp và gia tăng cạnh tranh. Trong điều kiện đó Nhà nước có vai trò hoàn thiện và thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, tạo sự bình đẳng giữa các cá nhân tham gia trong nền kinh tế, nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước (NSNN) phục vụ cho các mục tiêu kinh tế quốc gia.

Thuế GTGT là một sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế nước ta. Việc áp dụng thuế GTGT thay cho thuế doanh thu sẽ đảm bảo tập trung một số thu lớn cho NSNN. Hơn nữa, trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay, do nhu cầu chi tiêu phát triển kinh tế rất lớn nên đã xảy ra tình trạng thiếu hụt ngân sách. Do vậy chúng ta phải tìm mọi biện pháp để tăng thu ngân sách Nhà nước. Trong những năm qua, việc quản lý thu thuế nói chung và thuế Doanh thu nói riêng đối với khu vực kinh tế tư nhân còn rất nhiều thiếu sót, dẫn đến kết quả cuối cùng là thất thu thuế, Nhà nước bị chiếm dụng vốn gây tác động xấu đối với nền kinh tế. Việc áp dụng thuế GTGT thay thế cho thuế Doanh thu sẽ tạo ra khả năng kiểm tra, kiểm soát tốt hơn đối với công tác quản lý. Tuy nhiên do thuế GTGT đòi hỏi phải thay đổi một thói quen vốn đã ăn sâu trong cách nghĩ và cách làm của mỗi người đó là: Mua bán hàng không cần hoá đơn, linh hoạt đến mức tùy tiện trong ghi chép chứng từ, sổ kế toán, tính thuế trên tổng doanh thu, không phân biệt giữa doanh nghiệp có nhiều và doanh

nghiệp có ít giá trị tăng thêm. Hơn nữa thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm nên để bảo đảm mức động viên ngang bằng với Thuế doanh thu thì thuế suất thuế GTGT phải cao hơn thuế suất thuế doanh thu. Điều này dễ gây tâm lý cho rằng Nhà nước tăng thuế và dẫn đến tác động làm tăng giá, cho nên cùng với việc giải thích, cần áp dụng biện pháp quản lý chặt chẽ và phải có các biện pháp kinh tế để kiểm chế, ngăn ngừa lợi dụng tăng giá.

Trong điều kiện phát triển kinh tế toàn cầu như vũ bão, xu thế hội nhập quốc tế cùng sự đa dạng của nền kinh tế thị trường đã đẩy mạnh phát triển tất cả các thành phần kinh tế trong xã hội. Nếu như thành phần kinh tế quốc doanh chiếm vai trò chi phối nền kinh tế, thì thành phần kinh tế tư nhân nói riêng và thành phần kinh tế ngoài quốc doanh nói chung, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nhưng càng ngày càng phát triển và chiếm một vị trí xứng đáng trong nền kinh tế quốc dân. Khu vực kinh tế này không những chiếm một khối lượng sản phẩm tương đối trong tổng sản phẩm xã hội mà nguồn thu từ thành phần kinh tế này cũng chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong tổng thu Ngân sách Nhà nước. Đồng thời còn thu hút một lực lượng lao động lớn mà thành phần kinh tế quốc doanh chưa đảm bảo hết.

Với đường lối đổi mới kinh tế tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng phát triển, cùng bình đẳng trước pháp luật thì việc quản lý khu vực kinh tế nào cũng quan trọng. Thành phần kinh tế ngoài quốc doanh nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng lại đang phát triển cả về qui mô và số lượng, khả năng thu nhập tăng nhanh thì việc tăng cường quản lý thu thuế khu vực kinh tế này là rất cần thiết.

Vì vậy, đảm bảo sự công bằng xã hội là một yêu cầu đặt ra với chính sách thuế và bản thân với chính sách thuế cũng phải đảm bảo sự công bằng xã hội, vì có công bằng xã hội thì mới có thể động viên số thu lớn nhất trong thời gian ngắn nhất. Tăng cường quản lý thuế Giá trị gia tăng đối với kinh tế tư nhân một cách chặt chẽ chính là biện pháp để đảm bảo tính công bằng xã hội, từ đó sẽ giảm tối đa hiện tượng trốn lậu thuế, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế.

Những yếu tố nêu trên đặt ra một yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện công tác quản lý thu thuế nói chung, hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng nói riêng. Đã

có nhiều công trình cấp địa phương, trung ương nghiên cứu về vấn đề quản lý thu thuế, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương. Với thời gian công tác tại Chi cục Thuế thành phố Hải Dương từ năm 2013 đến nay, qua thực tế đã công tác tại đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học, có cơ hội tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý thu thuế trên địa bàn, tôi đã chọn đề tài ***“Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đề tài, tôi đã có cơ hội tiếp cận, tham khảo một số công trình khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài như sau:

- Ths. Bùi Văn Luyến (năm 2004), *Nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Gia Lâm*, luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Kinh tế quốc dân. Tài liệu này tác giả đã hệ thống cơ sở lý luận về quản lý thu thuế giá trị gia tăng với đối tượng quản lý là doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tác giả nghiên cứu tiếp cận quản lý theo các nội dung: đối tượng nộp thuế, căn cứ tính thuế, quản lý việc thu nộp thuế, công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Đồng thời tác giả đã phân tích đánh giá thực trạng quản lý thu thuế GTGT đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Gia Lâm. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý này.

- Ths. Lương Thành Vinh (năm 2005), *Thực trạng quản lý thuế của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Thái Nguyên. Luận văn đánh giá được tình hình quản lý thu thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các DN trên địa bàn quản lý của tỉnh theo đối tượng, căn cứ vào khâu thu nộp tiền thuế đảm bảo nguồn thu NSNN.

- Ths. Phạm Ngọc Dũng (năm 2013), *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn của Cục thuế tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Thương mại. Luận văn đã tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

- Ths. Nguyễn Thị Mai (năm 2015), *Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, trường Đại học Thương mại. Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế trong công tác quản lý quản lý thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Cùng với các công trình nghiên cứu trên, tác giả tham khảo thêm các văn bản pháp luật quy định của Chính phủ về hướng dẫn thực hiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng.

Tóm lại, từ các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở trên, có thể thấy một số vấn đề lý luận liên quan đến việc quản lý thuế nói chung và thuế giá trị gia tăng nói riêng đã được hệ thống đầy đủ và được vận dụng để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện công tác thực hiện tại một số đơn vị. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay chưa có công trình nghiên cứu về: “*Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương*”. Chính vì thế việc nghiên cứu đề tài này là cấp thiết và có tính mới, không trùng với những nghiên cứu trước đó.

3. Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương.

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu nói trên, đề tài thực hiện được 3 nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân.

- Phân tích thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương. Từ đó, đánh giá thành tựu đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân hạn chế;

- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: Luận văn nghiên cứu quản lý thu thuế giá trị gia tăng trong phạm vi địa bàn thành phố Hải Dương, có đối chiếu so sánh với một số địa phương trong nước.

Phạm vi thời gian: Luận văn phân tích thực trạng trong 3 năm gần đây (2013 - 2015), đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương đến năm 2020.

- Phạm vi nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu quản lý Nhà nước đối với hoạt động thu thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp tư nhân dưới sự quản lý của Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, nên trong bài viết, tác giả nghiên cứu trong phạm vi giới hạn chủ thể quản lý là Chi cục Thuế thành phố Hải Dương.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nói trên, luận văn dựa trên phương pháp thu thập thông tin, phương pháp phân tích dữ liệu, nghiên cứu thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp.

Dữ liệu được tìm kiếm, thu thập từ các đề tài của các sách, giáo trình, luận án, luận văn, bài báo khoa học,... là những dữ liệu có nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đối với hoạt động thu thuế, thuế giá trị gia tăng, thu thuế giá trị gia tăng,... Những dữ liệu này sẽ được dùng để làm cơ sở lý luận cho đề tài như: khái niệm quản lý nhà nước, khái niệm thuế giá trị gia tăng, quản lý thu thuế,... sử dụng viết cho chương 1 của đề tài. Đồng thời, tác giả còn thu thập dữ liệu từ các văn bản pháp luật quy định luật thuế, luật quản lý thuế, luật thuế giá trị gia tăng,... Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã liên hệ với Đội quản lý thuế, Đội Khai - Kế toán thuế - Tin học, các Đội chức năng liên quan để thu thập các số liệu về tình hình thu thuế, kê khai thuế giá trị gia tăng, hoàn thuế, cưỡng chế nợ thuế giá trị gia tăng,... của Chi cục thuế thành phố Hải Dương thông qua bảng báo cáo các năm và hồ sơ theo dõi. Các số liệu này được dùng để viết chương 2, đánh giá thực trạng của hoạt động

quản lý thu thuế GTGT đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương của Chi cục thuế thành phố Hải Dương.

Đề tài cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan đồng thời dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về quản lý thu ngân sách nhà nước và hỗ trợ phát triển kinh tế làm tư liệu tham khảo viết chương 3.

Phương pháp phân tích thống kê: phương pháp này được sử dụng để đưa ra các số liệu, các thông tin cần thiết trong phạm vi thời gian nghiên cứu đề tài nhằm tìm ra bản chất và tính quy luật của hiện tượng nghiên cứu.

Phương pháp tổng hợp dữ liệu: phương pháp này được sử dụng để tổng hợp các kết quả điều tra, quan sát, các tài liệu thu thập được từ nhiều nguồn để đưa ra các kết luận, đánh giá phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài. Dựa vào các số liệu đã thu thập được ở trên tiến hành tổng hợp dưới dạng văn bản word, bảng excel, xây dựng các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ...

Phương pháp so sánh: phương pháp này được thực hiện thông qua việc đối chiếu giữa các sự vật, hiện tượng với nhau để thấy được những điểm giống và khác nhau giữa chúng. Phương pháp này được thực hiện trong việc nghiên cứu đề tài là so sánh thực trạng thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường khác nhau để đưa ra được các kết luận cần thiết.

Phương pháp đánh giá: Dựa trên các số liệu đã phân tích để đưa ra nhìn nhận, đánh giá đối với thực trạng vấn đề nghiên cứu. Từ đó đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý của Nhà nước, tìm được nguyên nhân, phương pháp hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý này.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về khoa học: Đề tài đã góp phần hệ thống quản lý thu thuế giá trị gia tăng, vai trò, đặc điểm của thuế giá trị gia tăng, nội dung quản lý nhà nước về thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân; đúc kết kinh nghiệm quản lý nhà nước với hoạt động thu thuế giá trị gia tăng và bài học kinh nghiệm cho các Chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Về thực tiễn: Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo có giá trị cho công tác đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể đóng góp kinh nghiệm cho các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân ở Hải Dương và các địa bàn khác.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về thuế giá trị gia tăng và quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Chương 3: Một số giải pháp về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm thuế

Thuế xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước và sự phát triển tồn tại của nền kinh tế hàng hoá tiền tệ. Nhà nước sử dụng thuế như một công cụ để phục vụ cho việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Ngay từ khi ra đời thuế với vai trò đầu tiên là phương tiện huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước và trở thành nguồn thu có tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN). Đồng thời, thuế còn có vai trò là công cụ hữu hiệu điều tiết nền kinh tế vĩ mô cho Chính phủ các quốc gia. Theo Các Mác, “thuế là cơ sở kinh tế của bộ máy nhà nước, là thủ đoạn đơn giản để kho bạc thu được tiền hay tài sản của người dân để dùng vào việc chi tiêu của nhà nước” [13.,36]. Theo cách tiếp cận của các nhà kinh tế hiện đại thì thuế được định nghĩa là “một hình thức động viên bắt buộc của nhà nước theo luật định, thuộc phạm trù phân phối, nhằm tập trung một bộ phận thu nhập của các thể nhân và pháp nhân vào NSNN để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của nhà nước và phục vụ lợi ích công cộng” [2.,13]. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất thuế là một khoản nộp bằng tiền mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện theo luật đối với Nhà nước; không mang tính chất đổi khoản, không hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế và dùng để trang trải cho các nhu cầu chi tiêu công cộng.

Nhằm thực hiện được 2 chức năng chính là huy động nguồn lực tài chính và công cụ điều tiết nền kinh tế vĩ mô, Nhà nước xây dựng hệ thống các sắc thuế đối với từng đối tượng riêng biệt nhằm sử dụng công cụ thuế một cách hiệu quả nhất.

1.1.1.2. Khái niệm thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm

của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam.

Giá trị tăng thêm hay giá trị gia tăng là phần giá trị mới tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, việc thu thuế trên GTGT ở từng giai đoạn tương đương với số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Đối tượng nộp thuế GTGT là tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt nam, và các tổ chức, cá nhân có nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT.

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ và thuế suất của chính loại hàng hóa, dịch vụ đó. Giá tính thuế được phân biệt cụ thể trong từng trường hợp khác nhau. Thuế suất được quy định có ba mức là 0%, 5% và 10%.

Thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp khấu trừ thuế hoặc phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Phương pháp khấu trừ thuế: đối tượng áp dụng là tất cả các đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng.

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT: đối tượng áp dụng là các cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hóa đơn, chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế GTGT là một sắc thuế ưu việt đối với nhiều quốc gia, chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN từ thuế. Ngày 10/05/1997, Luật thuế GTGT được Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/1999. Trong thời gian đầu thực hiện, Luật thuế GTGT còn một số điểm chưa phù hợp với tình hình thực tế Việt Nam. Để khắc phục tình trạng này, Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2004. Ngày 03/06/2008, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua Luật thuế giá trị gia tăng có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009. Ngày 19/06/2013, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT có hiệu lực thi hành từ 01/01/2014.

1.1.2. Đặc điểm

1.1.2.1. Thuế giá trị gia tăng là sắc thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp.

Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh nhưng chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của mỗi giai đoạn. Tổng số thuế thu được của tất cả các giai đoạn đúng bằng số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Đặc điểm này thể hiện tính ưu việt tránh việc đánh thuế trùng lặp giữa các khâu, đảm bảo cho việc tính đúng và tính đủ, tránh thất thu thuế, thuận lợi cho công tác quản lý. Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm là gây khó khăn cho công tác quản lý trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ.

1.1.2.2. Thuế giá trị gia tăng có tính trung lập kinh tế.

Thuế GTGT không phải là yếu tố chi phí mà đơn thuần là yếu tố cộng thêm ngoài giá bán của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Thuế GTGT không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế; sản phẩm được luân chuyển qua nhiều hay ít các giai đoạn thì tổng số thuế GTGT phải nộp của tất cả các giai đoạn không thay đổi.

1.1.2.3. Thuế giá trị gia tăng là một sắc thuế thuộc loại thuế gián thu.

Thuế gián thu là loại thuế mà Nhà nước đánh vào thu nhập hay tài sản của người chịu thuế nhưng gián tiếp thông qua hàng hóa, dịch vụ mà họ tiêu thụ. Loại thuế này được cấu thành vào giá của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế, người tiêu dùng phải trả gánh nặng thuế một cách gián tiếp khi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho người bán. Đối với loại thuế này, người nộp thuế và người chịu thuế không đồng thời là một. Người nộp thuế là người sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, còn người chịu thuế là người tiêu dùng cuối cùng hàng hóa, dịch vụ đó.

Thuế GTGT đánh vào hành vi tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ, là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa và dịch vụ. Điều này có nghĩa là người sản xuất, bán hàng hóa bao giờ cũng gián tiếp thu thuế cho Nhà nước thông qua giá bán. Chính vì thuế GTGT được “che đậy” trong giá bán hàng hóa nên người chịu thuế ít có cảm

giác mình bị đánh thuế. Vì vậy loại thuế này cũng ít gây ra những phản ứng từ phía người chịu thuế mỗi khi Chính phủ có chủ trương tăng thuế.

1.1.2.4. Thuế giá trị gia tăng là loại thuế có tính lũy thoái so với thu nhập.

Thuế GTGT đánh vào hàng hóa, dịch vụ chịu thuế, người tiêu dùng phải trả gánh nặng thuế GTGT khi tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đó. Do vậy, người tiêu dùng phải trả gánh nặng thuế theo mức độ tiêu dùng của mình chứ không dựa vào khả năng, điều kiện, hoàn cảnh của họ. Chính vì vậy, nếu cùng mức tiêu dùng như nhau thì những người có thu nhập cao sẽ chịu một tỉ lệ điều tiết thực tế của thuế GTGT thấp hơn so với tỷ lệ này của người có thu nhập thấp. hay nói cách khác, khi thu nhập của người chịu thuế tăng lên thì tỷ lệ điều tiết thực tế của thuế GTGT so với thu nhập của họ sẽ giảm xuống. Đây chính là tính lũy thoái của thuế GTGT.

1.1.2.5. Thuế giá trị gia tăng có tính lãnh thổ.

Đối tượng chịu thuế là người tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Như vậy, thuế GTGT là loại thuế có những đặc điểm khác biệt so với loại thuế gián thu khác, có khả năng đem lại số thu ổn định cho NSNN vì trong điều kiện nào thì nhu cầu tiêu dùng của con người, của xã hội luôn diễn ra và có xu hướng ngày càng phát triển, đa dạng và phong phú hơn. Do vậy, thuế GTGT phụ thuộc vào mức tiêu dùng của xã hội và xu thế xã hội ngày càng phát triển thì nguồn thu từ thuế GTGT ngày càng cao hơn.

1.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng

Trong nền kinh tế hiện đại, thuế không chỉ là công cụ thu ngân sách mà còn là công cụ quan trọng của Nhà nước để quản lý, kiểm soát, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, nó ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước. Nhà nước sử dụng thuế nhằm hướng dẫn, điều tiết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thực hiện chính sách phân phối và phân phối lại, điều tiết thu nhập, giải quyết công bằng xã hội... Trong đó, thuế GTGT là một khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu ngân sách của Nhà Nước, do đó thuế GTGT có vai trò rất to lớn, tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Có thể khái quát các vai trò đó thành ba vai trò cơ bản như sau:

1.2.1. Thuế giá trị gia tăng là nguồn thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước.

Thuế GTGT là công cụ tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Thuế GTGT tập trung thu ngay từ khâu đầu (sản xuất hoặc nhập khẩu), được tính và thu vào từng khâu, từng giai đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh nên đảm bảo huy động kịp thời cho ngân sách Nhà nước. Nguồn thu từ thuế GTGT có đặc điểm là chỉ phụ thuộc vào quy mô sản xuất và tiêu dùng của xã hội, vì thế, cơ sở tính thuế thường lớn, ổn định và không ngừng tăng lên. Thuế GTGT là một sắc thuế tiêu dùng do vậy nó có phạm vi đánh thuế rất rộng, đánh vào hầu hết các giao dịch mua, bán phát sinh trong nền kinh tế. Với cơ sở tính thuế rộng, chỉ cần tăng thuế suất ở một mức nhỏ có thể đưa lại cho Nhà nước một số thu rất lớn. Ở nhiều nước trên thế giới, thuế GTGT chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong tổng thu của NSNN. Ở Việt Nam, tỷ trọng thuế tiêu dùng những năm gần đây chiếm khoảng trên 30% đến 40% số thuế thu được hàng năm. Mặt khác, nguồn thu thuế GTGT không phụ thuộc vào kết quả SXKD do đó mang tính chất là nguồn thu ổn định.

1.2.2. Thuế giá trị gia tăng là công cụ điều tiết sản xuất và tiêu dùng

Luật thuế GTGT quy định đánh thuế hoặc không đánh thuế, đánh thuế với thuế suất cao hay thấp vào các mặt hàng cụ thể, thông qua đó mà tác động và làm thay đổi mối quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường, tác động tới việc lựa chọn những hàng hoá, dịch vụ để sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Do đó, thông qua thuế GTGT, Nhà nước có thể khuyến khích sản xuất đối với những mặt hàng cần thiết hoặc giảm khó khăn cho người tiêu dùng có thu nhập thấp. Điều này được thể hiện bằng việc Nhà nước không đánh thuế GTGT vào một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (Các sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; phân bón; một số loại thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản...), ngoài ra Nhà nước còn đánh thuế với thuế suất thấp (5%) đối với một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thực phẩm tươi sống ở khâu kinh doanh thương mại, đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập...). Thông qua thuế GTGT nhà nước còn giúp điều chỉnh cầu tiêu dùng bằng cách điều chỉnh thuế suất thuế GTGT.

Tuy vậy, thuế GTGT có tác động rất nhanh đến giá cả hàng hóa, dịch vụ; điều đó đòi hỏi Nhà nước luôn phải thận trọng khi thay đổi thuế suất thuế GTGT.

1.2.3. Thuế giá trị gia tăng là công cụ kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thuế GTGT góp phần lành mạnh hóa nền kinh tế, tạo nên sự cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể khi nó bắt buộc các chủ thể phải sử dụng hệ thống hóa đơn chứng từ. Qua đó thuế GTGT giúp nhà nước kiểm soát được hoạt động, sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa bằng việc kiểm soát hệ thống hóa đơn, chứng từ, khắc phục được nhược điểm của thuế doanh thu.

Để thu được thuế và đảm bảo thực hiện đúng luật thuế, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan phải bằng mọi biện pháp kiểm tra, kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của các cơ sở kinh tế, đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước. Ngoài ra, thuế GTGT còn thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện chế độ hạch toán, kế toán, phát triển và minh bạch quan hệ thanh toán. Việc quy định điều kiện để doanh nghiệp được phép khấu trừ thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào cùng với việc thực hiện hoàn thuế GTGT của Nhà nước đã buộc doanh nghiệp phải ghi chép, quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ, thúc đẩy việc hoàn thiện công tác hạch toán, kế toán tại đơn vị. Ngoài ra, thuế GTGT góp phần phát triển hệ thống thanh toán. Việc thuế GTGT đòi hỏi những doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng thì mới được hoàn thuế đã thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện thanh toán qua hệ thống ngân hàng, góp phần phát triển hệ thống thanh toán. Cuối cùng, bằng những hoạt động kiểm soát của mình, cơ quan thuế còn cung cấp cho công tác nghiên cứu, thống kê những số liệu kinh tế quan trọng.

1.3. Những vấn đề cơ bản về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân

1.3.1. Khái niệm, vai trò, đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

Nói đến doanh nghiệp, ta có thể hiểu doanh nghiệp là một khái niệm rộng, bao hàm những khái niệm hẹp hơn như doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn,... Ngoài những điểm chung của doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân còn

có những nét đặc thù nhất định, mà qua đó, ta có thể phân biệt được doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác. Việc này có ý nghĩa vô cùng quan trọng để có thể khẳng định được vị trí và vai trò của doanh nghiệp tư nhân bên cạnh các loại hình doanh nghiệp khác. Điều 141 Luật doanh nghiệp năm 2005 đã đưa ra khái niệm về doanh nghiệp tư nhân như sau: “Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào; Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân”.

Loại hình doanh nghiệp tư nhân có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân đầu tư vốn thành lập và làm chủ. Bởi vậy, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền quyết định toàn bộ những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

Thứ hai, Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân bởi vì tài sản của doanh nghiệp không tách bạch rõ ràng với tài sản của chủ doanh nghiệp. Tài sản là do chủ doanh nghiệp tự bỏ ra, đầu tư vào doanh nghiệp.

Thứ ba, Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân có đặc điểm là số lượng lao động ít, trình độ không cao, nhu cầu về vốn đầu tư nhỏ nhưng tỷ suất vốn cao và nhu cầu hoàn vốn nhanh.

Nước ta là nước đang phát triển nên sản xuất nhỏ là phổ biến nên các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, manh mún, mang nặng tính gia đình, ít liên kết với nhau hoặc với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể.

Đa số các doanh nghiệp tư nhân đều mới thành lập, thiếu kiến thức kinh doanh, chưa quen với thị trường, trình độ quản lý còn rất hạn chế, tồn tại nhiều tiêu cực.

Bên cạnh những nhược điểm còn tồn tại cũng cần ghi nhận trong vài năm trở lại đây, so sánh với các loại hình doanh nghiệp khác thì khu vực doanh nghiệp tư nhân có số lượng tăng ấn tượng về mặt số lượng và quy mô vốn chủ sở hữu. Doanh

ng nghiệp tư nhân là khu vực tạo ra nhiều việc làm đặc biệt với một nước có cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động phổ thông dồi dào như nước ta.

“Trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2011-2015) và hội nhập kinh tế, các DN Việt Nam, trong đó, số lượng lớn là DN tư nhân và kinh tế tư nhân đã có những đóng góp lớn vào thành tựu phát triển kinh tế đất nước”-PGS, TS Vũ Đình Hòe-Phó Tổng biên tập Thời báo kinh tế Việt Nam. Ngoài việc huy động nguồn vốn trong xã hội, DNTN còn cung cấp một khối lượng sản phẩm dịch vụ không lồ và có mặt trên hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế, giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, gìn giữ và phát triển các làng nghề truyền thống, đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thu hút một nguồn vốn dồi dào từ trong khu vực dân cư. Vì vậy, đối với tổng nguồn thu ngân sách, DNTN có vị trí và ý nghĩa quan trọng góp phần tăng thu ngân sách nhà nước và lành mạnh hóa môi trường kinh doanh.

1.3.2. Khái niệm quản lý thuế, quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân

1.3.2.1. Khái niệm quản lý thuế

Với mỗi cách tiếp cận khác nhau, “quản lý” được định nghĩa theo các góc độ khoa học khác nhau. Theo các nhà kinh tế học hiện đại, quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát để đạt được mục tiêu đã đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động. Theo giáo trình Khoa học quản lý của Nguyễn Hoàng Toàn (2007) của trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội: "Quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý một cách liên tục, có tổ chức, liên kết các thành viên trong tổ chức hành động nhằm đạt tới mục tiêu với kết quả tốt nhất". Xét trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân thì chủ thể quản lý đó là bộ máy quản lý Nhà nước, thống nhất từ trung ương đến địa phương, thực hiện quản lý trên mọi mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội.... Đối tượng bị quản lý (đối tượng quản lý) là con người và cộng đồng người đang và sẽ tham gia vào các quan hệ xã hội.

Nhìn chung các khái niệm về quản lý đều thống nhất rằng, đã nói đến quản lý là nói đến hoạt động của con người nhằm thực hiện những mục tiêu đã định thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, phân phối, kiểm soát và thúc đẩy hoạt động của những con người trong tổ chức đó.

Như vậy quản lý thuế là một hệ thống những quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu đảm bảo thu thuế đúng, đủ và công bằng trên cơ sở quy định của pháp luật thuế, bao gồm các hoạt động thu nhận hồ sơ khai thuế, tính toán số thuế phải nộp, đôn đốc thu nộp thuế và tuyên truyền, tư vấn cho người nộp thuế. Từ quan điểm trên có thể hiểu quản lý thuế dưới ba góc độ: Quản lý thuế là quá trình vận dụng bản chất, chức năng của thuế để hoạch định chính sách (chính sách điều tiết qua thuế và chính sách quản lý); Là quá trình xây dựng tổ chức bộ máy ngành thuế và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; Là việc vận dụng các biện pháp tác động tới quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế gồm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra thuế...

1.3.2.2. Khái niệm về quản lý thu thuế giá trị gia tăng

Quản lý thu thuế có thể được hiểu là các hoạt động của nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, phối hợp, kiểm soát và thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm thực thi tốt nhất hệ thống chính sách thuế. Trong đó, chủ thể quản lý thu thuế có thể được hiểu theo phạm vi rộng là tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong xã hội có tham gia vào hoạt động quản lý thuế hoặc được hiểu theo phạm vi hẹp là các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế (cơ quan thuế).

Quản lý thu thuế GTGT là hoạt động quản lý Nhà nước của cơ quan thuế tác động đến các đối tượng nộp thuế GTGT để đảm bảo thực thi pháp luật về thuế GTGT với mục đích thu đúng, thu đủ, thu kịp thời thuế GTGT cho NSNN.

Chủ thể của quản lý thu thuế GTGT là Nhà nước, bao gồm cơ quan lập pháp với vai trò là người nghiên cứu, xây dựng hệ thống pháp luật thuế; cơ quan hành pháp với tư cách là người điều hành trực tiếp công tác thu và nộp thuế GTGT; hệ thống các cơ quan chuyên môn giúp việc cho cơ quan hành pháp (cơ quan thuế, cơ quan hải quan) thay mặt cho Nhà nước tổ chức và thực hiện thu thuế GTGT.

Đối tượng quản lý thu thuế GTGT là các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước (người nộp thuế).

1.3.3. Nội dung quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân

1.3.3.1 Hoạch định quy trình quản lý thu thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng là một sắc thuế ưu việt đối với nhiều quốc gia, chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu ngân sách Nhà nước từ thuế. Ở Việt Nam, hoạch định và xây dựng quy trình là hoạt động đầu tiên của công tác quản lý. Đối với quản lý thu thuế GTGT, hoạt động hoạch định chính là việc chủ thể quản lý, ở đây là cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và hệ thống các cơ quan chuyên môn xây dựng một hệ thống pháp luật về thuế. Nhà nước quản lý thu thuế bằng việc ban hành Luật thuế, các văn bản hướng dẫn đi kèm và các quy trình thực hiện hoạt động thu thuế. Trong hệ thống pháp luật thuế, thuế GTGT được quy định chi tiết trong Luật thuế GTGT được Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 3 thông qua và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2004. Ngày 03/06/2008, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua Luật thuế giá trị gia tăng có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009. Ngày 19/06/2013, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT có hiệu lực thi hành từ 01/01/2014. Đi kèm Luật thuế GTGT, Chính phủ ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn việc thực hiện thu thuế GTGT như: Nghị định số 209/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế GTGT sửa đổi; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ban hành ngày 13/08/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ban hành ngày 27/02/2015 về thuế giá trị gia tăng có hiệu lực từ 01/01/2015.

Đồng thời, nhằm hướng dẫn một cách cụ thể và đồng nhất, Tổng cục thuế còn ban hành các quy trình hướng dẫn thực hiện quản lý thu thuế GTGT. Cụ thể, quản lý thu thuế GTGT được thực hiện theo 5 quy trình, có hướng dẫn cụ thể trong các văn bản luật sau:

+ Quy trình quản lý đăng ký thuế: quy định chi tiết tại Quyết định số 329/QĐ-TCT ban hành ngày 27/3/2014

+ Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kê toán thuế: quy định chi tiết tại Quyết định số 879/QĐ-TCT ban hành ngày 15/5/2015

+ Quy trình Quản lý thu nộp tiền thuế: quy định chi tiết tại Quyết định số 422/QĐ-TCT ban hành ngày 22/04/2008

+ Quy trình quản lý nợ thuế: quy định chi tiết tại Quyết định số 1401/QĐ-TCT ban hành ngày 28/7/2015

+ Quy trình Hoàn thuế: quy định chi tiết tại Quyết định số 905/QĐ-TCT ban hành ngày 01/7/2011

Những chính sách thuế trên là tiền đề cơ sở cho việc thực hiện quản lý thu thuế GTGT diễn ra thuận lợi, kịp thời và hiệu quả. Đồng thời, việc kiểm tra, giám sát và đánh giá quản lý thu thuế lại tác động trở lại công tác hoạch định, nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về quản lý thuế.

Không chỉ dừng lại ở việc xây dựng hệ thống pháp luật về thuế, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế hàng năm còn xây dựng các chỉ tiêu thu NSNN tới các Cục thuế địa phương, từ đó Cục thuế có cơ sở giao chỉ tiêu thu ngân sách về các Chi cục thuế và Đội thuế. Đây là công tác có vai trò quan trọng trong hoạt động thu NSNN, mà dựa vào nó, các cơ quan chuyên môn liên quan có cơ sở xây dựng kế hoạch thu cụ thể đối với từng sắc thuế, từng đối tượng nộp thuế, tránh tình trạng thất thu và nợ đọng ngân sách nhà nước.

1.3.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế giá trị gia tăng

Cơ quan thuế các cấp là tổng thể các cơ quan hành chính có quan hệ hữu cơ với nhau trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quan hệ công tác được quy định để tổ chức thực thi các luật thuế. Tổng cục Thuế là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước, bao gồm: thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN (gọi chung là thuế); tổ chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Thuế ở địa phương bao gồm Cục Thuế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thuế) và Chi cục Thuế ở các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chi cục Thuế):

Cục Thuế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thuế) là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

Chi cục Thuế ở các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chi cục Thuế) là tổ chức trực thuộc Cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

Tổ chức bộ máy quản lý thuế GTGT cấp Chi cục thuế bao gồm các bộ phận như sau: Lãnh đạo Chi cục thuế, các đội Quản lý thu, đội Kế khai - Kế toán thuế - Tổng hợp (KK-KTT-TH), đội Tuyên truyền - Hỗ trợ, đội Kiểm tra thuế, đội NVT, đội Quản lý ấn chỉ. Tuy nhiên tùy điều kiện của từng địa phương mà mỗi Chi cục thuế có thể có hoặc không có đội Tuyên truyền - Hỗ trợ. Khi đó đội KK-KTT-TH sẽ thực hiện công việc của đội Tuyên truyền - Hỗ trợ. Mỗi bộ phận có những chức năng nhiệm vụ riêng trong quản lý thu thuế GTGT, cụ thể:

- Lãnh đạo cơ quan:

+ Chi cục trưởng: lãnh đạo, chỉ đạo chung và toàn diện các nhiệm vụ quản lý thuế GTGT của Chi cục cũng như của ngành. Đồng thời chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ các cấp Đảng ủy, chính quyền và Tổng cục thuế.

+ Các Phó chi cục trưởng: trực tiếp phụ trách các đội về quản lý thuế GTGT; Thay mặt Chi cục trưởng điều hành một số mặt quản lý thuế GTGT của Chi cục thuế khi Chi cục trưởng đi vắng; Ký các quyết định bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ khi được Chi cục trưởng ủy quyền.

- Đội hành chính quản trị

+ Làm công tác văn thư về thuế GTGT; tiếp nhận công văn đến và chuyển công văn đi, vào sổ sách theo dõi công văn, lưu trữ công văn, quản lý và sử dụng con dấu.

+ Làm công tác tổng hợp: tiếp nhận và thẩm định chứng từ, văn bản về thuế GTGT của các bộ phận, trình lãnh đạo ký duyệt, chuyển các giấy tờ đã được ký tới các bộ phận liên quan. Soạn thảo các văn bản, báo cáo về thuế GTGT theo yêu cầu của lãnh đạo.

Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, theo dõi tình hình sử dụng tài sản, quản lý tài sản; phục vụ hội nghị, tập huấn của ngành, tiếp khách đến liên hệ công tác tại cơ quan về thuế GTGT.

- Các đội quản lý thu:

Các đội này có trách nhiệm phối hợp với Đội KK – KTT – TH để xây dựng dự toán thu thuế GTGT thuộc đối tượng do đội quản lý. Trực tiếp quản lý thu thuế GTGT với các doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ do đội quản lý. Theo dõi tình hình biến động về ĐTNT để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở. Tiếp nhận tờ khai, kiểm tra, phân loại và chuyển cho đội KK – KTT – TH để ra thông báo thuế. Xem xét, kiểm tra và giải quyết các trường hợp miễn, giảm thuế. Đội quản lý thu có trách nhiệm hướng dẫn ĐTNT các thủ tục đăng ký thuế, kê khai nộp thuế, lập hồ sơ miễn, giảm, hoàn thuế và quyết toán thuế. Tiếp nhận các đơn thư tố cáo của nhân dân về thuế GTGT trong phạm vi của đội. Chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp các đội tổ chức thực hiện quản lý thu thuế GTGT. Tham mưu, đề xuất với ban lãnh đạo các biện pháp quản lý thu thuế GTGT. Thực hiện ấn định thuế GTGT với các ĐTNT không nộp hoặc nộp chậm tờ khai, lập danh sách cần thanh tra, kiểm tra và xử lý.

- Đội Kiểm kê - Kế toán thuế - Tin học

Đội Kiểm kê - Kế toán thuế - Tin học có trách nhiệm dựa trên các số liệu thống kê để lập kế hoạch thu và phân bổ chi tiêu cho các đội quản lý thu. Lập bộ thuế, nhận các tờ khai đăng ký thuế, tờ khai nộp thuế, các biên bản xác định doanh thu của các cán bộ chuyên quản. Đội KK – KTT – TH quản lý hệ thống cấp mã số thuế, nhận giấy nộp tiền của ĐTNT từ kho bạc, kiểm tra tính hợp pháp của các tài

liệu, tham mưu cho lãnh đạo Chi cục về khai thác nguồn thu, bồi dưỡng nguồn thu và các biện pháp chỉ đạo thu. Thực hiện công tác kế toán, thống kê, quyết toán thuế theo chế độ quy định. Đội còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển tin học, tiếp nhận chương trình ứng dụng tin học và các trang thiết bị tin học của ngành, triển khai thực hiện cho toàn chi cục.

- Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ

Đội tuyên truyền hỗ trợ có nhiệm vụ cập nhật và phổ biến những chính sách mới, thay đổi trong chính sách thuế, luật thuế tới ĐTNT. Đầu năm tài chính, đội tuyên truyền – hỗ trợ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn pháp luật thuế theo định kỳ thường xuyên và triển khai thực hiện. Đồng thời, khi có chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung trong pháp luật thuế, đội có trách nhiệm xây dựng chương trình tập huấn, phổ biến. Các công văn, thắc mắc của người nộp thuế được gửi về Đội tuyên truyền hỗ trợ để trả lời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc cho ĐTNT.

- Đội Kiểm tra thuế:

Xây dựng kế hoạch kiểm tra các đối tượng nộp thuế GTGT và kiểm tra nội bộ ngành một cách thường xuyên, chủ động. Hướng dẫn công tác kiểm tra cho các đội, hỗ trợ các đội thu trong công tác quản lý, đôn đốc thu nộp thuế GTGT. Kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật về thuế GTGT, chấp hành chế độ thu nộp thuế GTGT của các thành phần kinh tế cũng như nội bộ ngành. Quản lý thu nộp, xét ưu đãi, miễn giảm, khấu trừ và hoàn thuế. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật thuế GTGT của các đối tượng để có chế tài xử lý kịp thời, tránh thất thu ngân sách nhà nước. Đồng thời, Đội có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của các ĐTNT.

- Đội Nghiệp vụ thuế:

Đội nghiệp vụ thuế có chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, biện pháp triển khai quản lý thuế ở địa phương; Hướng dẫn, chỉ đạo và tập huấn cho các đội về nghiệp vụ thuế và chính sách thuế GTGT. Đội nghiệp vụ phối hợp với các đội để hoàn thành tốt các quy trình nghiệp vụ thuế GTGT, tham gia với các ngành, các cấp

về thực hiện chủ trương, biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế địa phương, chống buôn lậu, chống kinh doanh trái phép. Đội có nhiệm vụ bảo quản, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ và các văn bản pháp quy của Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của đội theo đúng quy định của ngành. Đội nghiệp vụ thuế tham mưu cho lãnh đạo Chi cục trong công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thu ngân sách và triển khai thực hiện các luật, pháp lệnh, chính sách về thuế GTGT.

- Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế có chức năng nhiệm vụ xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ dựa trên số liệu thống kê từ những năm trước và báo cáo từ các đội quản lý thu. Tổng hợp, cung cấp thông tin về tình hình nợ thuế, thông tin của ĐTNT còn chây ì nợ thuế. Lập hồ sơ đề nghị cưỡng chế và đề xuất biện pháp thực hiện cưỡng chế thu tiền nợ thuế trình lãnh đạo Chi cục ra quyết định.

- Đội Nghiệp vụ - dự toán

Đội có chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế cho các bộ phận, công chức thuế, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh và các biến động ảnh hưởng đến kết quả thu NSNN, đánh giá, dự báo khả năng thu NSNN, tiến độ thực hiện dự toán thu thuế của Chi cục thuế. Đội xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền và tham mưu cho lãnh đạo Chi cục thuế giao dự toán thu ngân sách cho các đội.

- Đội Kiểm tra nội bộ

Đội kiểm tra nội bộ tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về thuế và các văn bản pháp luật thuế có liên quan của các bộ phận và công chức thuế trong Chi cục thuế, kiểm tra tính liêm chính của cán bộ thuế trong việc thực hiện quản lý thuế, quản lý chi tiêu hành chính, quản lý ấn chỉ trong nội bộ Chi cục thuế.

Tổ chức phúc tra, kiểm tra các đội kiểm tra thuế theo chỉ đạo của Chi cục trưởng hoặc khi có đơn tố cáo, khiếu nại về hoạt động kiểm tra thuế của Chi cục. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ, đề xuất sửa đổi các quy định, quy trình nghiệp vụ, các biện pháp nâng cao chất lượng của đội ngũ công chức thuế, kiến nghị việc đánh giá khen thưởng của cơ quan thuế, công chức thuế.

- Đội Quản lý ấn chỉ

Đội có nhiệm vụ theo dõi việc bảo quản, cấp phát sử dụng ấn chỉ và bán các loại ấn chỉ thuế GTGT cho các đơn vị sử dụng hóa đơn, ấn chỉ thuế theo đúng thẩm quyền và các quy định về quản lý ấn chỉ. Thực hiện và hướng dẫn các đơn vị sử dụng ấn chỉ thuế thực hiện tốt các chế độ về kế toán ấn chỉ, thanh toán, hủy ấn chỉ thuế; xử lý các vi phạm về ấn chỉ thuế. Đội tổ chức in ấn, phát hành các loại sổ, sách, biểu mẫu, hóa đơn, biên lai ...phát sinh ở địa phương được cấp có thẩm quyền ủy nhiệm.

1.3.3.3. Thực hiện các hoạt động quản lý thu thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, quản lý người nộp thuế

Để huy động được nguồn thu ngân sách thì cần phải quản lý người nộp thuế bởi thông qua công tác này sẽ giúp cho cơ quan thuế thống kê được các đơn vị sản xuất kinh doanh về cả số lượng lẫn ngành nghề kinh doanh, hình thức kinh doanh cũng như về quy mô, sự thay đổi... để xác định chính xác, đầy đủ các chủ thể nộp thuế, có các giải pháp cần thiết để huy động kịp thời, đầy đủ số thuế từ các chủ thể này cho ngân sách nhà nước.

Quản lý người nộp thuế thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

- Quản lý số lượng doanh nghiệp: số lượng các doanh nghiệp là rất lớn, tăng lên nhanh chóng, nhất là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Do đó, cơ quan thuế cần nắm rõ số lượng doanh nghiệp thuộc diện quản lý thu thuế tại từng thời điểm nhất định, tránh trường hợp bỏ sót đối tượng hay các trường hợp gian lận, gây thất thu cho ngân sách nhà nước và mất công bằng giữa các doanh nghiệp.

- Quản lý về ngành nghề của doanh nghiệp: các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, có doanh nghiệp hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Điều này cũng dẫn đến những điểm lưu ý khác nhau trong quản lý thu thuế nói chung, thuế GTGT nói riêng. Do đó, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp cần phải được cơ quan thuế nắm bắt rõ, kịp thời để có cách thức quản lý hiệu quả nhất.

- Quản lý về quy mô doanh nghiệp: nhìn chung các doanh nghiệp có quy mô rất khác nhau, có các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài với quy mô lớn, nhưng cũng không ít các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) có quy mô nhỏ do vốn ít. Quy mô khác nhau cũng dẫn đến nghĩa vụ thuế cũng như tầm ảnh hưởng đến sổ thu ngân sách cũng khác nhau. Việc nắm bắt được quy mô kinh doanh của các doanh nghiệp giúp cho quản lý thu thuế nói chung, thuế GTGT nói riêng sẽ sát thực hơn và hiệu quả cao hơn.

- Quản lý sự thay đổi, phát sinh, chấm dứt kinh doanh của các doanh nghiệp: Khi có sự thay đổi, phát sinh, cơ quan thuế yêu cầu các doanh nghiệp giải trình làm rõ nguyên nhân để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để xác định lại nghĩa vụ thuế chính xác hơn.

Quản lý đối tượng nộp thuế là khâu đầu tiên của quá trình quản lý thu thuế. Chính vì vậy, yêu cầu việc quản lý phải đầy đủ, kịp thời, đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ hai, quản lý căn cứ tính thuế

Quản lý căn cứ tính thuế luôn là vấn đề phức tạp, nan giải. Vì đứng trên lợi ích của doanh nghiệp thì căn cứ tính thuế sẽ quyết định số thuế phải nộp là nhiều hay ít, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của họ. Còn ở góc độ quản lý, căn cứ tính thuế là căn cứ quan trọng để đảm bảo số thu đúng, đủ, kịp thời vào NSNN. Hiện nay, thực hiện cơ chế “Tự kê khai, tự tính, tự nộp” nên quản lý căn cứ tính thuế càng trở nên quan trọng, nếu không kiểm soát, nắm bắt được tình hình thì sẽ là lỗ hổng để doanh nghiệp luôn lách, gian lận thuế. Quản lý căn cứ tính thuế thể hiện ở các khía cạnh:

- Quản lý giá tính thuế: Cơ quan thuế tổ chức quản lý theo dõi doanh nghiệp áp giá tính thuế có đúng thực tế không, có thực hiện đúng luật thuế GTGT không.

- Quản lý việc áp dụng thuế suất: Hàng hóa, dịch vụ mà các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh là rất phong phú, đa dạng. Điều đó đã tạo ra sự khó khăn và cũng là kẽ hở khiến các doanh nghiệp này vô tình hoặc cố tình áp sai thuế suất đối với các nhóm hàng, mặt hàng, gây khó khăn trong quản lý thu thuế.

Thứ ba, quản lý khai thuế, nộp thuế

- *Quản lý việc khai thuế GTGT*: là quản lý về thời hạn nộp tờ khai thuế và chất lượng tờ khai:

+ Thời hạn nộp tờ khai: Yêu cầu đặt ra là tất cả các hồ sơ khai thuế phải được khai đầy đủ các chỉ tiêu, nộp đầy đủ các loại hồ sơ, chứng từ và nộp đúng thời hạn theo quy định. Do vậy, cơ quan thuế cần quản lý tốt vấn đề này để có sự nhắc nhở, xử lý kịp thời các trường hợp không nộp hoặc nộp chậm, nộp thiếu hồ sơ khai thuế, đảm bảo hiệu quả quản lý thu thuế.

+ Chất lượng tờ khai thuế GTGT: Chất lượng tờ khai thuế thể hiện ở tính đầy đủ, chính xác, sát thực của các số liệu kê khai với thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo tất cả các hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp đều đảm bảo chất lượng đòi hỏi cơ quan thuế phải thực hiện rà soát, kiểm tra, thanh tra đầy đủ, đúng đối tượng, đồng thời có sự xử lý kịp thời các trường hợp sai sót, gian lận trong kê khai thuế.

- *Quản lý việc nộp thuế GTGT*: là quản lý về thời hạn nộp thuế và tính chính xác của số thuế đã nộp.

+ Thời hạn nộp thuế GTGT: Theo quy định hiện nay, thời hạn nộp thuế cũng chính là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Do đó, cơ quan thuế cần theo dõi, hạch toán kịp thời các trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế, xác định được các trường hợp dây dưa, nợ đọng thuế để nhắc nhở, xử lý kịp thời, đảm bảo số thuế được nộp vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn quy định.

+ Tính chính xác của số thuế đã nộp: Cơ quan thuế chủ động lập kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế để có thể phát hiện ra tính thiếu chính xác của các tờ khai, qua đó xử lý vi phạm và xác định chính xác số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, đảm bảo không còn tình trạng gian lận, tình trạng nợ đọng tiền thuế của các doanh nghiệp.

Thứ tư, quản lý hoàn thuế

Hoàn thuế GTGT là một trong những nội dung rất quan trọng của Luật thuế GTGT, góp phần phát huy tác động tích cực của sắc thuế này trong việc khuyến khích và thúc đẩy các cơ sở kinh doanh xuất khẩu, khuyến khích đầu tư, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, giải quyết khó khăn về vốn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Khâu hoàn thuế GTGT là một khâu rất dễ xảy ra các gian lận để chiếm đoạt.

Do vậy, công tác hoàn thuế phải được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo vừa hoàn thuế đúng, kịp thời cho các đối tượng được hoàn, vừa phải kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và ngăn ngừa sự chiếm đoạt tiền thuế của NSNN. Nếu cơ quan thuế và các doanh nghiệp không chấp hành tốt các quy định trong công tác hoàn thuế, một mặt, sẽ không đáp ứng được các mục đích của hoàn thuế, mặt khác sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế xã hội như Nhà nước thất thoát nguồn thu, doanh nghiệp không được trả vốn kịp thời làm trì trệ sản xuất, ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh, tạo đà cho các hành vi gian dối của đối tượng nộp thuế... Do vậy, để thực hiện tốt việc hoàn thuế GTGT, trước hết, cần có quy trình hoàn thuế rõ ràng, cụ thể; tăng cường phối kết hợp kiểm tra, thanh tra trong nội bộ ngành thuế, nâng cao trình độ trách nhiệm của cán bộ làm công tác hoàn thuế...

Thứ năm, thanh tra, kiểm tra

Khi thực hiện quy trình tự khai, tự tính và nộp thuế vào NSNN đã nâng cao tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Tuy nhiên trong thực tế, mọi doanh nghiệp không phải lúc nào cũng thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế của mình. Việc trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong kê khai, tính và nộp thuế phải đi đôi với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ.

Cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, đối chiếu nội dung trong hồ sơ thuế với sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu liên quan và tình trạng thực tế trong phạm vi của cơ quan thuế. Quá trình kiểm tra đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng, hạn chế gian lận. Khi có vi phạm cần giải quyết nghiêm minh, đảm bảo công bằng cho các đối tượng kiểm tra.

Thứ sáu, quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế

- Nội dung của quản lý nợ thuế: Để đảm bảo thu đủ số thuế phải nộp của NNT vào NSNN theo quy định của pháp luật thì quản lý nợ thuế phải thực hiện những nội dung sau:

+ Thống kê và nắm bắt đầy đủ tình hình nợ thuế của NNT, số thuế phải nộp, số thuế đã nộp của NNT.

+ Phân tích đánh giá thực trạng nợ thuế thông qua việc phân loại nợ thuế, phân tích các nguyên nhân nợ thuế.

+ Thực hiện đối chiếu thuế với doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tình trạng nợ do nhầm lẫn chờ xử lý.

+ Thực hiện các biện pháp nhắc nhở, đôn đốc nộp tiền thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý.

- Nội dung của cưỡng chế nợ thuế:

+ Thông báo cho NNT biết trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ thuế và những hậu quả có thể phải chịu nếu không thực hiện nghĩa vụ thuế.

+ Sử dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật để buộc NNT phải thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc cưỡng chế chuyển tài sản do NNT đang nắm giữ vào tay Nhà nước để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT.

Thứ bảy, tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Kế hoạch tuyên truyền về thuế được chia ra: kế hoạch tuyên truyền thường xuyên và kế hoạch tuyên truyền trọng điểm.

Cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan, bộ phận liên quan tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn và giải đáp vướng mắc về pháp luật thuế với mục tiêu nâng cao tính chủ động, tự giác, tự khai, tự nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật cho người nộp thuế. Cụ thể: Tuyên truyền nội dung Luật thuế GTGT, các văn bản, chính sách thuế mới, tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính thuế...

Tổ chức các lớp tập huấn cho các doanh nghiệp và các tổ chức về kê khai quyết toán thuế GTGT, hướng dẫn thực hiện các quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Trực tiếp hỗ trợ qua điện thoại cho người nộp thuế những vướng mắc trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.

Các nội dung trong quản lý thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp nói trên đều có vai trò, vị trí quan trọng như nhau. Cơ quan thuế cần phải coi trọng tất cả các nội dung quản lý đó, nắm rõ nội dung, mục tiêu, yêu cầu đối với từng công việc cụ thể để có các giải pháp cụ thể đối với từng nội dung cũng như toàn bộ quá trình

quản lý để hoàn thiện hơn nữa quản lý thu thuế nói chung, thuế GTGT nói riêng đối với các doanh nghiệp.

1.3.3.4. Kiểm tra, giám sát tình hình thu thuế giá trị gia tăng

Kiểm tra thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế theo mô hình chức năng. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai, tự nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Kiểm tra thuế là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy Nhà nước mà đại diện là cơ quan thuế luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời để phát hiện các hành vi vi phạm của họ. Hệ thống bộ phận kiểm tra thuế bao gồm:

Bộ phận kiểm tra thuộc cơ quan Tổng cục Thuế gồm các: ban, bộ phận kiểm tra được Tổng cục Thuế giao nhiệm vụ.

Bộ phận kiểm tra thuộc cơ quan Cục Thuế gồm: bộ phận kiểm tra thuộc cơ quan Cục Thuế (các phòng, tổ làm chức năng kiểm tra doanh nghiệp thuộc cơ quan Cục Thuế).

Bộ phận kiểm tra thuộc Chi cục Thuế (các Đội làm chức năng kiểm tra thuộc Chi cục Thuế).

Kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét. Xét về chủ thể thì phạm vi chủ thể tiến hành hoạt động kiểm tra có thể là Nhà nước hoặc cũng có thể là một chủ thể phi nhà nước, chẳng hạn như hoạt động kiểm tra của một tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ...), hoạt động kiểm tra trong nội bộ một doanh nghiệp: kiểm tra của

Giám đốc đối với các phòng, ban, kiểm tra của quản đốc đối với người lao động. Trên một bình diện rộng hơn nữa, kiểm tra có thể là sự xem xét thực tế để đánh giá, nhận xét của bất kỳ một cá nhân nào trong xã hội trong bất cứ hoạt động nào. Theo nghĩa hẹp kiểm tra là hoạt động của chủ thể nhằm tiến hành xem xét, xác minh việc gì đó của đối tượng bị quản lý xem có phù hợp

hay không phù hợp trạng thái đã quy định trước. Chủ thể kiểm tra có thể áp dụng một chế tài pháp lý nhất định như áp dụng xử phạt vi phạm hành chính hoặc buộc phải thực hiện một số biện pháp ngăn chặn hành chính. Khái niệm kiểm tra nằm trong khái niệm thanh tra tổ chức thanh tra là công cụ đặc lực của đảng của chính quyền trong việc kiểm tra sự chấp hành đường lối chính sách của đảng, pháp luật, kế hoạch của nhà nước. Pháp lệnh thanh tra năm 1990 quy định Thanh tra bộ, ủy ban nhà nước hướng dẫn, kiểm tra thủ trưởng các cơ quan đơn vị thuộc quyền quản lý.

Như vậy kiểm tra thuế là “hoạt động xem xét tình hình thực tế của đối tượng được kiểm tra để đánh giá, nhận xét và xử lý của cơ quan thuế đối với việc thực hiện pháp luật thuế của người nộp thuế và công tác quản lý, hành thu, kiểm tra của cán bộ thuế” (Lê Xuân Trường, 2010).

Kiểm tra thuế là một trong những biện pháp chống thất thu thuế hữu hiệu nhất. Luật thuế có những quy định thông thoáng nên các đối tượng nộp thuế dễ dàng lợi dụng sơ hở này để cố tình lách luật, trục lợi cá nhân gây thất thu cho Ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, việc tăng cường công tác kiểm tra thuế đối với các đối tượng nộp thuế một cách thường xuyên sẽ hạn chế được tình trạng vi phạm pháp luật về thuế. Ngoài ra, thông qua hoạt động công tác kiểm tra thuế để thực hiện các mục tiêu sau:

Giúp đỡ, hướng dẫn các đối tượng nộp thuế thực hiện đúng chính sách, chế độ của Nhà nước thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý thu thuế theo quan điểm “Thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào Ngân sách Nhà nước”. Thông qua công tác kiểm tra thuế cơ quan thuế thấy được những thiếu sót trong chính sách thuế giữa các ngành với các địa phương để từ đó đề ra biện pháp xử lý, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ngày càng hiệu quả và hợp lý hơn.

Qua công tác kiểm tra thuế thì cán bộ thuế nắm được quy trình kiểm tra, quy trình quản lý đối tượng nộp thuế; từ đó, cán bộ thuế có thể nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân mình.

1.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân

1.3.4.1. Các yếu tố khách quan

Thứ nhất, các chính sách quản lý của Nhà nước nói chung và chính sách thuế GTGT nói riêng.

Các cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế GTGT trên cơ sở nội dung, chính sách thuế GTGT. Nếu Nhà nước xây dựng các chính sách của luật thuế GTGT đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện thì công tác quản lý được thuận lợi; ngược lại nếu các chính sách đó phức tạp thì sẽ gây khó khăn trong quản lý, thậm chí còn tạo ra nhiều kẽ hở để kẻ xấu lợi dụng chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước. Ngoài các chính sách về thuế GTGT, các chính sách quản lý khác của Nhà nước cũng ảnh hưởng rất lớn đến quản lý thuế GTGT.

Các quy định, chính sách quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế bằng pháp luật hay các chính sách phân cấp quản lý thu của Trung ương đều ảnh hưởng đến quản lý thuế GTGT một cách gián tiếp hoặc trực tiếp. Việc phân cấp quản lý thu nếu không phù hợp với khả năng của từng cấp, từng bộ phận sẽ gây khó khăn, làm giảm hiệu quả trong công tác quản lý. Có những trường hợp, việc phân cấp quản lý vượt quá năng lực nên các bộ phận không hoàn thành được nhiệm vụ, tuy nhiên nếu phân cấp dưới năng lực thì sẽ gây nên sự trì trệ, không phát huy hết hiệu quả trong công tác.

Các chính sách phát triển kinh tế như chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh, thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư nếu không phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội sẽ hạn chế nền kinh tế phát triển, làm giảm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Thứ hai, trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành luật thuế của người dân.

Trình độ nhận thức về thuế GTGT cũng như ý thức chấp hành pháp luật thuế của người dân và các thành phần kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thuế GTGT. Bất kỳ công việc gì nếu không có sự ủng hộ của nhân dân thì không thể thành công được, muốn được nhân dân ủng hộ và có ý thức chấp hành các chính

sách, chế độ đó thì trước hết phải làm cho họ hiểu. Nếu nhân dân không hiểu hoặc luôn tìm cách để gian lận, trốn lậu thuế thì công tác quản lý thuế sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Ý thức của nhân dân phụ thuộc vào các chính sách tuyên truyền, giáo dục của những người làm công tác quản lý, nếu Nhà nước có những chính sách thích đáng để khuyến khích nhân dân tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế thì công tác quản lý thuế chắc chắn sẽ đạt hiệu quả cao. Do đó, các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hoá thông tin, y tế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cũng ảnh hưởng đáng kể đến quản lý thuế GTGT. Công tác giáo dục đào tạo, văn hoá thông tin nếu phát triển sẽ góp phần nâng cao công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về thuế, nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của ĐTNT.

Thứ ba, tình hình kế toán, tài chính, quan hệ thanh toán.

Công tác hạch toán, kế toán và quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thuế GTGT. Bởi vì hoá đơn, chứng từ là căn cứ pháp lý thực hiện việc kê khai, tính thuế GTGT, do đó, việc ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ, thống nhất, sử dụng hoá đơn, chứng từ đúng quy định sẽ tạo điều kiện thu thuế đầy đủ, tránh nhầm lẫn, chống thất thu thuế, giúp cho quy trình tự kê khai, tự tính thuế của đơn vị giảm được sai sót, hạn chế được tình trạng gian lận. Việc thực hiện chế độ hoá đơn, chứng từ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân có thể coi là điều kiện tiên quyết để thực hiện thuế GTGT, vì muốn xác định được GTGT của hàng hoá, dịch vụ thì doanh nghiệp phải thực hiện ghi chép đầy đủ để xác định được đầu ra, đầu vào và phải có đầy đủ hoá đơn, chứng từ để chứng minh các số liệu đó.

Trình độ phát triển của quan hệ thanh toán trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng đến quản lý thuế GTGT. Việc thanh toán bằng tiền mặt như hiện nay đang gây khó khăn, chậm trễ cho công tác thu thuế, nếu hình thức thanh toán không dùng tiền mặt phát triển thì việc thu nộp thuế sẽ đơn giản và hiệu quả hơn nhiều. Khi đó, ĐTNT có thể nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước thông qua các ngân hàng, còn cán bộ quản lý thuế sẽ dễ dàng xác định được các hoạt động cũng như doanh thu và chi phí của ĐTNT thông qua hệ thống tài khoản của họ ở ngân hàng, điều đó sẽ làm giảm thời

gian thu ngân sách, tránh được tình trạng chây ỳ của ĐTNT, hạn chế được tình trạng thất thu do bỏ sót khi tính thuế và hạn chế được tình trạng gian lận trong kê khai tính thuế của ĐTNT.

Thứ tư, điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất kỹ thuật.

Thuế GTGT là sắc thuế của nền kinh tế phát triển. Khi nền kinh tế phát triển ổn định thì hàng hoá cũng thường xuyên ổn định, vì thế sẽ đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của xã hội phát triển, giá cả ở khâu sau luôn cao hơn khâu trước, khi đó thuế GTGT đầu ra luôn lớn hơn thuế GTGT đầu vào, tạo nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách Nhà nước, giảm các trường hợp khấu trừ thuế, hoàn thuế.

Một nền kinh tế phát triển không chỉ làm tăng nguồn thu cho ngân sách mà còn tạo điều kiện phát triển công nghệ, cải tiến trang thiết bị kỹ thuật... Cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển sẽ làm giảm thời gian và chi phí trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý. Trình độ khoa học kỹ thuật, sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại và trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là trang thiết bị tin học ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quản lý thuế GTGT. Đặc biệt, việc áp dụng công nghệ tin học vào quản lý sẽ giúp cho cơ quan thuế quản lý chặt chẽ doanh số, tình hình hoạt động và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của ĐTNT, hạn chế được tình trạng gian lận trốn thuế. Việc quản lý thuế trên máy tính sẽ giảm đáng kể khối lượng công việc thủ công trước đây, làm giảm thời gian cho công tác quản lý và đẩy nhanh công tác thu nộp thuế. Việc nối mạng vi tính trong toàn ngành thuế sẽ rút ngắn thời gian chuyển phát tài liệu, số liệu trên phạm vi cả nước làm tăng hiệu quả quản lý thuế, cấp trên có thể theo dõi tình hình hoạt động của cấp dưới dễ dàng, nhanh chóng để kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục khó khăn và uốn nắn các sai sót cho cấp dưới...

Các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế như cơ cấu của nền kinh tế, tính ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các ĐTNT... cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả thu thuế GTGT. Nếu các yếu tố đó không thuận lợi thì nền kinh tế sẽ không phát triển được thậm chí có thể bị suy yếu, vì vậy sẽ làm giảm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

1.3.4.2. Các yếu tố chủ quan

Thứ nhất, năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của cán bộ thuế.

Năng lực là yếu tố quyết định trong mọi hoạt động, trên mọi lĩnh vực. Nếu đội ngũ nhân lực không đủ khả năng về trình độ, thể lực... thì không thể hoàn thành được nhiệm vụ được giao. Do đó, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ ngành thuế có vai trò quyết định đến thành công trong việc thực hiện luật thuế GTGT, đó là yếu tố hết sức quan trọng. Nếu người quản lý mà không nắm vững các quy định, chính sách, quy trình nghiệp vụ thì quản lý không thể đạt kết quả cao. Cán bộ thuế phải là người trực tiếp phổ biến, hướng dẫn cho nhân dân, ĐTNT về các chính sách, quy định về thuế để mọi người hiểu và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế thì quản lý thuế mới có thể đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, công tác tổ chức bộ máy quản lý của cơ quan thuế.

Công tác tổ chức bộ máy quản lý có vai trò rất quan trọng trong quản lý thuế GTGT. Dù có chính sách đúng đắn, hợp lý nhưng việc tổ chức bộ máy quản lý không phù hợp với trình độ chuyên môn, bộ máy tổ chức chồng chéo... thì quản lý không thể đạt hiệu quả cao được. Do đó quản lý thuế đòi hỏi cơ quan thuế phải luôn luôn kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý thuế GTGT.

Nhìn chung quản lý thuế chịu sự tác động trực tiếp của rất nhiều các yếu tố khác nhau, cả những yếu tố khách quan và chủ quan, cả những yếu tố trên địa bàn thành phố cũng như trên phạm vi cả nước. Trong đó có những yếu tố tác động tích cực làm tăng nguồn thu cho ngân sách, nhưng cũng có những yếu tố lại tác động tiêu cực làm giảm kết quả thu ngân sách Nhà nước.

1.4 Cơ sở thực tiễn về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế thị xã Phú Thọ

Chi cục Thuế thị xã Phú Thọ là một trong bốn huyện thị được áp dụng thí điểm cơ chế "tự khai tự nộp" từ năm 2006. Các nội dung công việc thực hiện cụ thể bao gồm:

Về tổ chức bộ máy: thành lập đội thực hiện cơ chế "tự khai, tự nộp", cơ cấu như sau: Đội Tuyên truyền - Nghiệp vụ & hỗ trợ ĐTNT; Đội kê khai - Kế toán thuế - Tin học; Đội Thuế xã, phường; Đội quản lý nợ & cưỡng chế nợ thuế. Các khâu công việc trong quy trình quản lý thuế: tuyên truyền hỗ trợ ĐTNT; xử lý tờ khai và tổng hợp; đơn đốc thu nợ và cưỡng chế thuế, kiểm tra thuế. Kết quả triển khai thực hiện cơ chế "tự khai, tự nộp" đã đạt được các mục tiêu như: nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của các DN; đảm bảo số thu NSNN đạt dự toán và tăng hơn so với cùng kỳ; cơ quan thuế thực hiện được cải cách thủ tục hành chính, bộ máy quản lý thuế được sắp xếp và hoạt động theo chức năng chuyên sâu của ngành thuế. Từ ngày 01/7/2007, cơ chế "tự khai - tự nộp" được thực hiện chính thức theo Luật Quản lý thuế. Chi cục thuế thị xã Phú Thọ đã thực hiện cơ chế này với các nội dung:

Tổ chức lại bộ máy quản lý thuế: gồm 6 Đội và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Quản lý thu thuế đối với DN theo chức năng cơ bản, bao gồm: tuyên truyền hỗ trợ, kê khai và kế toán thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kiểm tra thuế.

Chi cục thuế đã đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế như tích cực phối hợp với Ban Tuyên giáo Thị Ủy, các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình nhằm tuyên truyền về thuế với mục tiêu nâng cao sự hiểu biết về chính sách pháp luật thuế cho cộng đồng xã hội, nâng cao tính chủ động, tự giác, tự khai, tự nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Tích cực tuyên truyền các luật thuế mới như Luật Thuế TNCN, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN... nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ người nộp thuế bằng việc hướng dẫn, trả lời đúng chế độ chính sách thuế, đảm bảo thời gian quy định; duy trì tốt hoạt động của kiốt điện tử và hộp thư thoại tự động hỗ trợ người nộp thuế; đưa bộ phận "một cửa" tại Chi cục thuế đi vào hoạt động để tiếp nhận, hướng dẫn và giải quyết các thủ tục hành chính về thuế. Tăng cường công tác quản lý kê khai và kế toán thuế: Đẩy mạnh các biện pháp thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về thuế; phòng và chống các hành vi phạm tội phạm trốn thuế, gian lận về thuế, phát hiện và truy thu các khoản thuế trốn, gian lận nộp vào NSNN.

1.4.2. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường

Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường có số thu lớn, hàng năm Chi cục luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu NSNN với số thu năm sau cao hơn năm trước, góp phần quan trọng động viên nguồn lực phục vụ cho phát triển, đóng góp tăng trưởng kinh tế.

Chi cục thuế Vĩnh Tường tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính với mục tiêu đơn giản, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế, phù hợp với việc đổi mới công tác quản lý, xây dựng mối quan hệ người bạn đồng hành giữa cơ quan thuế và người nộp thuế cùng nhau thực hiện tốt chính sách thuế của Nhà nước. Một số công việc cụ thể được Chi cục thuế Vĩnh Tường thực hiện như sau:

- + Thiết lập các đường dây nóng, tổ chức đối thoại với các DN, kịp thời giải đáp, xử lý những vướng mắc; giải đáp thắc mắc qua điện thoại, qua phương tiện thông tin đại chúng.

- + Thực hiện cơ chế “một cửa” trong quản lý thu thuế.

- + Ứng dụng CNTT vào quản lý thuế.

Những biện pháp đó đã góp phần làm cho Chi cục thuế Vĩnh Tường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành dự toán Cục thuế giao.

1.4.3. Kinh nghiệm quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục thuế quận Hoàng Mai Hà Nội

Để hạn chế chống thất thu thuế, tăng thu cho NSNN thì trong những năm qua Chi cục Thuế quận Hoàng Mai Hà Nội đã có những bước chuyển biến đáng kể trong công tác thu ngân sách cụ thể tăng thu từ hoạt động kiểm tra thuế.

Chi cục Thuế đã thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra tại trụ sở Cơ quan thuế, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại trụ sở DN. Quan tâm xây dựng cơ sở dữ liệu DN và lập kế hoạch kiểm tra đối với các phòng kiểm tra và các Chi cục Thuế trong quản lý rủi ro. Tăng cường đào tạo, tự đào tạo cho cán bộ kiểm tra thuế, đi đôi với kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyên giá.

Để phấn đấu thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách đạt mức cao nhất, Chi cục Thuế quận Hoàng Mai chú trọng triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế của Thành phố, các Ban chỉ đạo quận, huyện, thị xã nhằm triển khai thực hiện tốt công tác chống thất thu và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

Hai là, tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và giải quyết nợ xấu nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nuôi dưỡng và tạo nguồn cho ngân sách.

Ba là, phối hợp với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tăng cường rà soát, nắm bắt nguồn thu, thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các Tổng công ty, Tập đoàn lớn để khai thác tăng thu ngân sách.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế: Tập trung lực lượng, đổi mới phương pháp, nâng cao kỹ năng kiểm tra, phân tích rủi ro để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở Cơ quan Thuế; tập trung lực lượng, triển khai công tác thanh, kiểm tra tại trụ sở NNT, đôn đốc triệt để các doanh nghiệp nộp ngay vào ngân sách các khoản nợ thuế và tiền phạt xử lý sau thanh tra, kiểm tra; tiếp tục kết hợp thanh, kiểm tra thuế với thanh, kiểm tra việc quản lý, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp tăng cường công tác chống thất thu ngân sách, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, mua bán hóa đơn, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Năm là, tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, đôn đốc thu nợ: tăng cường đôn đốc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế được gia hạn đến hạn nộp, đặc biệt là tiền sử dụng đất; phối hợp tốt với chính quyền địa phương, kiến nghị Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ thuế các cấp chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành phối hợp tốt với cơ quan thuế trong công tác chống thất thu ngân sách,

đôn đốc thu nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế; thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ đến từng đối tượng nợ thuế để có biện pháp xử lý theo quy định, phối hợp với các cơ quan báo đài công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng danh sách các tổ chức, cá nhân cố tình dấy nợ thuế.

Sáu là, tăng cường đẩy mạnh công tác Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách thuế, đặc biệt là triển khai các Luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức tập huấn về các chính sách thuế mới cho cán bộ công chức và NNT trên địa bàn Thành phố; kịp thời giải đáp, hướng dẫn, trả lời vướng mắc của NNT.

Bảy là, tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kỷ cương kỷ luật trong việc thực thi công vụ: tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ, thường xuyên chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, ứng xử văn hóa trong hoạt động công vụ tới toàn thể CBCC trong ngành.

1.4.4. Bài học về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Qua kinh nghiệm thực tế quản lý thuế giá trị gia tăng ba huyện, thị nói trên, có thể rút ra các yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới công tác quản lý thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

Cần phải tổ chức bộ máy quản lý thuế địa phương hiệu lực, hiệu quả nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý thuế theo Luật quản lý thuế. Cơ quan quản lý thuế cần nghiêm chỉnh thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật để xử lý nghiêm minh các sai phạm của người nộp thuế.

Cơ quan quản lý thuế muốn hoạt động chuyên nghiệp thì cần phải đổi mới liên tục. Ứng dụng công nghệ thông tin là bước đi quan trọng bậc nhất giúp cơ quan quản lý thuế trở thành cơ quan thuế hiện đại. Để được như vậy, cán bộ công chức ngành thuế cần liên tục trau dồi kinh nghiệm, để nắm bắt được ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc.

Với sứ mệnh hỗ trợ mọi tổ chức, cá nhân thực hiện tốt pháp luật thuế. Cơ quan thuế cần liên tục cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ.

Thực tế đã chứng minh, yếu tố con người luôn đóng vai trò quan trọng nhất trong mọi công việc, mọi tổ chức. Vì vậy việc sắp xếp, bố trí hợp lý, phân bổ nguồn nhân lực là một bài toán khó cho lãnh đạo cơ quan quản lý thuế, nhằm phù hợp với cách thức quản lý thuế đổi mới liên tục phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Từ các yếu tố quan trọng trong thực tế quản lý thuế, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với quản lý thu thuế GTGT trên địa bàn như sau:

Thứ nhất, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần thực hiện tốt các nội dung Luật quản lý thu thuế, sử dụng chế tài đủ mạnh để xử lý các vi phạm, tạo khuôn khổ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế trong cơ chế tự khai tự nộp. Nhờ đó, đối tượng nộp thuế có ý thức nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ của mình, cơ quan thuế tập trung thực hiện tốt các chức năng của mình trong cách thức quản lý mới.

Thứ hai, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế, đặc biệt là cập nhật ứng dụng CNTT vào quản lý. Phải từng bước hiện đại hoá trang thiết bị công cụ quản lý thuế, trong đó trang bị hệ thống máy vi tính là quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế nói chung, và thuế GTGT nói riêng. Việc hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế có tác dụng nâng cao năng lực quản lý thuế, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế nhờ cung cấp thông tin kịp thời, nắm sát ĐTNT, chuẩn hoá các quy trình quản lý thuế.

Thứ ba, Chi cục thuế cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” liên thông. Việc cải cách thủ tục hành chính theo hướng đổi mới bộ máy, đổi mới cán bộ, đổi mới các quy trình, quy định, theo hướng công khai, minh bạch vừa nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các ĐTNT thực hiện nghĩa vụ thuế.

Thứ tư, cần bố trí và sắp xếp lực lượng cán bộ thuế hiệu lực hiệu quả. Khi chuyển sang quản lý theo cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, lực lượng cán bộ thuế chủ

yếu tập trung thực hiện vào hai chức năng chính là hỗ trợ người nộp thuế và chức năng thanh tra, kiểm tra thuế. Do vậy, để thực hiện tốt cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, Chi cục thuế thành phố Hải Dương cũng cần xây dựng kế hoạch cụ thể về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và phân bổ cán bộ để tương ứng với cách thức quản lý thuế mới. Đồng thời với việc tổ chức lại bộ máy quản lý thuế theo chức năng và sắp xếp lại cán bộ làm việc theo chức năng, các vị trí công việc và tiến hành đào tạo lại cán bộ chuyên sâu, liên tục học tập và nâng cao kiến thức, chấp hành nghiêm túc văn hoá ứng xử, thân thiện với người nộp thuế.

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên - kinh tế - xã hội

Thành phố Hải Dương nằm ở vị trí trung tâm tỉnh, phía bắc giáp huyện Nam Sách, phía đông giáp các huyện Kim Thành và Thanh Hà, phía tây giáp huyện Cẩm Giàng, phía nam giáp huyện Gia Lộc, phía đông nam giáp hai huyện Thanh Hà và Tứ Kỳ. Thành phố Hải Dương nằm cách Thủ đô Hà Nội 57 km về phía đông, cách thành phố Hải Phòng 45 km về phía tây. Diện tích thành phố là 7.138,60 ha. Các sông lớn chảy qua thành phố có sông Thái Bình đi qua giữa thành phố, ở phía nam có sông Sắt, chi lưu sông Thái Bình. Sông Kinh Thầy ở phía đông phân định xã Ái Quốc (TP Hải Dương) và xã Lai Vu (Kim Thành). Ngoài ra, còn có các hồ điều hòa: Bạch Đằng và Bình Minh, là những hồ lớn của thành phố.

Thành phố Hải Dương hiện có 21 đơn vị hành chính bao gồm 17 phường: Ái Quốc, Bình Hàn, Cẩm Thượng, Hải Tân, Lê Thanh Nghị, Ngọc Châu, Nguyễn Trãi, Nhị Châu, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Tân Bình, Thạch Khôi, Thanh Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Tứ Minh, Việt Hòa và 4 xã: An Châu, Nam Đồng, Tân Hưng, Thượng Đạt.

Thành phố Hải Dương là trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ của tỉnh, đồng thời là một trong những trung tâm về công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thành phố Hải Dương hiện là 1 đô thị trong vùng Thủ đô Hà Nội. Cùng với các thành phố Thái Nguyên, Việt Trì, thành phố Hải Dương sẽ được đầu tư để trở thành một trong 3 đô thị cấp trung tâm vùng (đô thị cấp 1) và là một trung tâm công nghiệp của toàn vùng. Các đô thị phía Tây sẽ là nơi phát triển dịch vụ và công nghệ cao. Các đô thị phía Đông Bắc và phía Bắc như Phủ Lý, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh, thị xã Chí Linh, thành phố Vĩnh Yên, Hưng Yên... sẽ là các đô thị vệ tinh, đảm bảo cho vùng thủ đô phát triển hài hoà.

Sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng về không gian và kết cấu hạ tầng đô thị

đã tạo ra động lực to lớn, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của TP Hải Dương đóng góp tỉ trọng lớn trong GDP chung của tỉnh với mức tăng trưởng kinh tế trong nhiều năm liên đều đạt bình quân hơn 14%/năm, nằm trong tốp các địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực. Trong cơ cấu kinh tế chung của TP, công nghiệp, thương mại, dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Hiện tại, ngành công nghiệp - xây dựng đã chiếm tỷ lệ 55,5%; thương mại dịch vụ 40,3%; nông nghiệp thủy sản chỉ còn 4,2%. TP đã quy hoạch xây dựng được 30 điểm chợ, siêu thị, trung tâm thương mại với 5.800 hộ kinh doanh.

Ngành thương mại phát triển tương đối đồng đều tại các phường, xã. Trong đó, hàng hóa chủ yếu được lưu thông qua hệ thống bán lẻ.

Thành phố Hải Dương có các tuyến phố thương mại chính như Đồng Xuân, Đại lộ Hồ Chí Minh, Ngân Sơn, Phạm Hồng Thái, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Thống Nhất, Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Tuy An, Tuy Hòa, Đoàn Kết, Xuân Đài... Ngoài ra, còn có các phố chợ Bắc Kinh, Chi Lăng, Chợ Con, Mạc Thị Bưởi, Trần Phú... Một số chợ, siêu thị lớn như: Chợ Phú Yên, Chợ Kho Đỏ, chợ Bắc Kinh, chợ Ngô Quyền, chợ Thanh Bình, chợ Hải Tân, chợ Ngọc Châu; Siêu thị Big C, Siêu thị Intimex Hải Dương, Siêu thị Hải Dương Vinatex, Siêu thị Vật liệu xây dựng và Nội thất Minh Hải Plaza, Siêu thị Điện máy Phương Đông, Siêu thị Sách Giáo dục Siêu thị Thế giới di động, Siêu thị Viễn thông A, Siêu thị Thế giới số Trần Anh, Siêu thị Điện máy HC Hải Dương, Siêu thị Ocean Mart Hải Dương. Hiện trên địa bàn TP Hải Dương có 23 chi nhánh ngân hàng thương mại, đã phát hành trên 18.000 thẻ, lắp đặt 314 máy POS tại 138 điểm chấp nhận thẻ tập trung tại các siêu thị, khách sạn, nhà hàng, phòng vé máy bay và các cửa hàng bán hàng lưu niệm cho khách du lịch quốc tế. Hệ thống ngân hàng Hải Dương đã hoàn thành kết nối liên thông POS từ năm 2011. Đây là một trong những điều kiện thúc đẩy kinh tế thành phố Hải Dương ngày một phát triển hiện đại, văn minh.

Hệ thống giao thông của thành phố Hải Dương rất đa dạng và phong phú gồm hệ thống đường bộ với nhiều tuyến phố chính, được xây dựng, tu tạo khang trang, thuận tiện; hệ thống đường thủy thuận lợi với hệ thống sông Thái Bình xuôi ra cảng

Hải Phòng. Hệ thống đường sắt Hà Hải đi qua địa phận thành phố Hải Dương khoảng 13 km kết nối với các tỉnh thành khác tại Nhà ga Hải Dương - đầu mối giao thông đường sắt của toàn tỉnh.

Với những điều kiện trên, Hải Dương là thành phố có nhiều khả năng đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, không chỉ khuyến khích nền kinh tế khu vực quốc dân mà còn tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực tư nhân.

2.1.2. Tình hình phát triển của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Cùng với sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp trong địa bàn thành phố Hải Dương, số lượng doanh nghiệp tư nhân cũng tăng dần qua các năm. Mặc dù mức độ gia tăng chưa cao, nhưng với chính sách khuyến khích phát triển kinh tế khu vực tư nhân của chính phủ, ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân được thành lập. Dưới đây là bảng số liệu thể hiện tình hình doanh nghiệp tư nhân trong tổng số doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh đang hoạt động trên địa bàn trong 3 năm 2013 - 2015:

**Bảng 2.1: Tình hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn
trong ba năm 2013 - 2015**

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Loại hình	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh	
				2014/2013	2015/2014
<i>Công ty cổ phần</i>	650	870	890	33,84%	2,29%
<i>Công ty TNHH</i>	1020	1220	1320	19,6%	8,19%
<i>Doanh nghiệp tư nhân</i>	380	550	650	44,73%	18,18%
Tổng số DN NQD	2050	2640	2860	28,78%	8,33%

(Nguồn: Chi cục thuế thành phố Hải Dương)

Theo bảng trên có thể thấy doanh nghiệp tư nhân có tỷ lệ gia tăng khá cao. Sau giai đoạn khủng hoảng 2008 – 2013, nền kinh tế đã dần phục hồi, các doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh có xu hướng gia tăng, nhiều nhất là công ty TNHH.

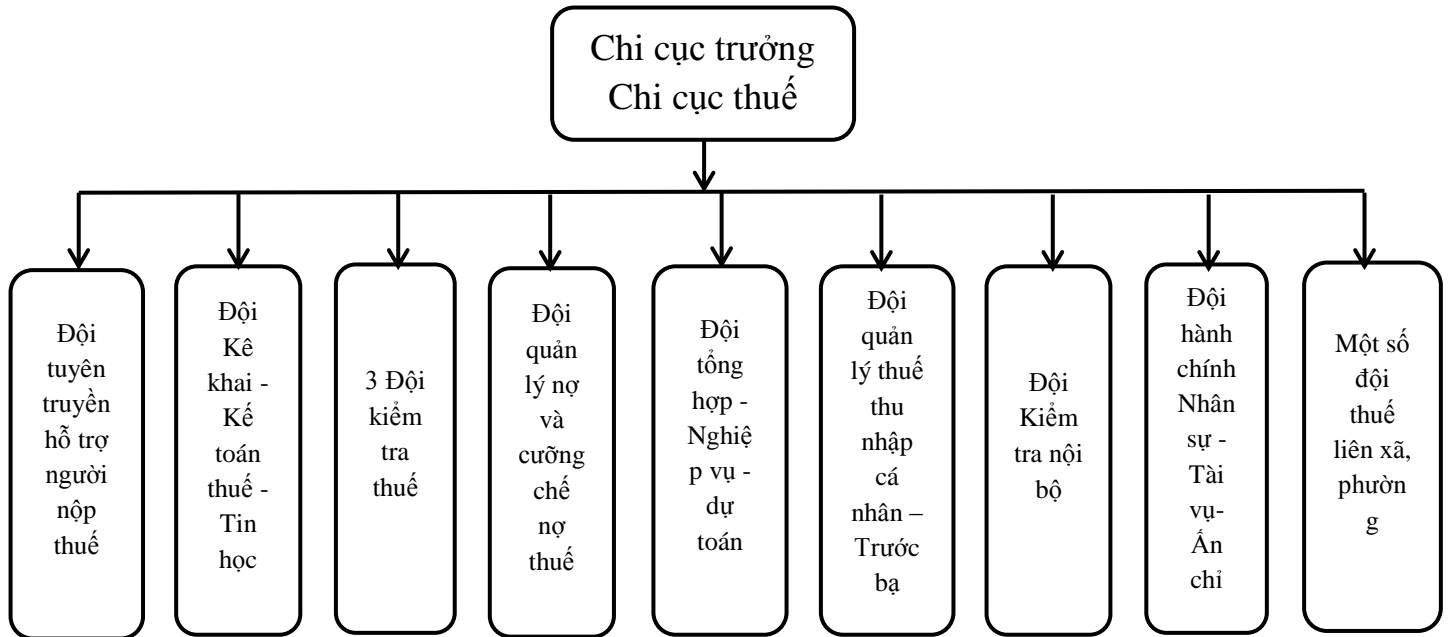
Doanh nghiệp tư nhân là loại hình doanh nghiệp còn chưa phát triển mạnh trong xu hướng kinh tế mới, dự đoán rằng đây sẽ là loại hình doanh nghiệp sẽ phát triển nhiều trong tương lai. Tại địa bàn thành phố Hải Dương, số lượng doanh nghiệp tư nhân còn chưa nhiều, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, có vốn đăng ký dưới 20 tỷ, vì vậy đa phần đều thuộc phạm vi quản lý của Chi cục thuế thành phố Hải Dương.

2.1.3. Bộ máy quản lý thu thuế của Chi cục thuế thành phố Hải Dương

Năm 1997, cùng với việc tái lập tỉnh Hải Dương, Cục thuế tỉnh Hải Hưng được chia tách và đổi tên thành Cục thuế tỉnh Hải Dương với tổng số cán bộ trên 900 người được bố trí công tác tại 11 phòng thuộc Văn phòng Cục và 12 chi cục. Cùng với sự ra đời của Cục thuế tỉnh, Chi cục Thuế TP Hải Dương được thành lập ngày 01/01/1997, trực thuộc Cục Thuế tỉnh Hải Dương. Từ khi thành lập cho đến nay, Chi cục Thuế TP Hải Dương đã có rất nhiều thay đổi về cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động. Tuy nhiên, về cơ bản bộ máy tổ chức vẫn là: đứng đầu là Chi cục trưởng Chi cục Thuế, các Phó chi cục trưởng giúp việc cho Chi cục trưởng và phụ trách các phòng ban khối văn phòng và các đội thuế xã, phường Chi cục Thuế Thành phố Hải Dương được thành lập thực hiện các chức năng về tổ chức quản lý thu thuế, phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố. Chi cục thuế Thành phố Hải Dương và các Chi cục thuế khác đều có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho Bạc Nhà Nước theo quy định của Pháp luật. Cụ thể:

Bộ máy tổ chức của Chi cục thuế Thành phố Hải Dương

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức Chi cục thuế thành phố Hải Dương



(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Hải Dương)

Về tổ chức bộ máy hành thu:

Chi cục Thuế TP Hải Dương bao gồm 16 đội (123 người, trong đó có 9 đội văn phòng và 7 đội thuế liên xã, phường).

Bộ phận lãnh đạo Chi cục bao gồm:

01 Chi cục trưởng: Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chung và toàn diện các nhiệm vụ công tác của Chi cục Thuế TP Hải Dương, chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Cục Thuế tỉnh và Thành ủy, HĐND, UBND TP Hải Dương về công tác thuế trên địa bàn, cụ thể:

- Theo dõi và chỉ đạo các lĩnh vực công tác: Tổ chức cán bộ, đào tạo và thi đua khen thưởng, công tác tài vụ, công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

04 Phó chi cục trưởng: quản lý các khối văn phòng và các đội thuế liên xã, phường theo sự phân công như sau:

01 Phó chi cục trưởng: giúp Chi cục trưởng chỉ đạo và điều hành các công việc thuộc các lĩnh vực: Công tác kiểm tra thuế; Thu tiền thuế đất; Quản lý nợ và

cưỡng chế nợ thuế; Kiểm tra nội bộ; Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai trên địa bàn.

- Trực tiếp phụ trách các Đội: Kiểm tra thuế số 1, Kiểm tra thuế số 3, Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Kiểm tra nội bộ và Đội thuế liên phường: Trần Phú - Phạm Ngũ Lão; Thanh Bình - Tân Bình.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng Chi cục Thuế giao.

01 Phó chi cục trưởng: giúp Chi cục trưởng chỉ đạo và điều hành các công việc thuộc các lĩnh vực: Hành chính - Quản trị - Ấn chỉ. Phụ trách hoạt động của các Đoàn thể gồm: Công tác Nữ công, Công đoàn, Dân quân tự vệ, Đoàn TNCSHCM.

- Trực tiếp phụ trách các đội: Hành chính - Nhân sự - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ và Đội thuế liên phường, xã: An Châu - Ái Quốc - Nam Đồng - Thượng Đạt; Cẩm Thượng - Tứ Minh - Việt Hòa.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng Chi cục Thuế giao.

01 Phó chi cục trưởng: Là người phát ngôn của Chi cục Thuế TP Hải Dương. Giúp Chi cục trưởng chỉ đạo và điều hành các công việc thuộc các lĩnh vực: Công tác tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế; Kiểm tra thuế các khối Công ty TNHH.

- Trực tiếp phụ trách các Đội: Tuyên truyền-hỗ trợ NNT; Kiểm tra thuế số 2 và Đội thuế liên phường, xã: Nguyễn Trãi - Bình Hàn - Nhị Châu; Lê Thanh Nghị - Hải Tân - Thạch Khôi - Tân Hưng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng Chi cục Thuế giao.

01 Phó chi cục trưởng: Giúp Chi cục trưởng chỉ đạo và điều hành công việc thuộc các lĩnh vực: Công tác Kê khai, kế toán thuế và tin học; Công tác Quản lý thuế đối với Hộ kinh doanh (bao gồm cả hoạt động xây dựng tư nhân); Tổng hợp - nghiệp vụ - dự toán; Công tác thu lệ phí trước bạ và thu khác; Thu tiền sử dụng đất; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế SD ĐNN và SD ĐPNN; Công tác quản lý Phí và lệ phí;

- Trực tiếp phụ trách các Đội: Kê khai - Tổng hợp; Trước bạ - Quản lý thuế TNCN và thu khác và Đội thuế liên phường Trần Hưng Đạo - Quang Trung - Ngọc Châu.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng Chi cục Thuế giao.

Căn cứ nhiệm vụ được Chi cục trưởng phân công, các đồng chí Phó Chi cục trưởng có trách nhiệm chủ động nghiên cứu và có biện pháp cụ thể để chỉ đạo các Đội thuế (bộ phận) được phân công triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo đúng chế độ, chính sách và quy định của Ngành. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phải báo cáo kịp thời với Chi cục trưởng để thống nhất xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Chi cục trưởng trước ngày 05 hàng tháng.

Các Đội chức năng thuộc Văn phòng Chi cục thuế và Đội thuế phường, xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm tham mưu giúp Lãnh đạo Chi cục thuế chỉ đạo, điều hành công tác có hiệu quả.

Mỗi đội thuế lại đảm nhiệm những chức năng khác nhau trong quy trình quản lý thu thuế. Cụ thể là:

- Đội Kiểm tra nội bộ:

Giúp chi cục trưởng tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của Chi cục Thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ Chi cục, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của Chi cục, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế TP.

Ngoài ra, đội kiểm tra nội bộ còn chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh tại các phường, xã của thành phố.

- Đội Kiểm tra thuế số 1:

Giúp Chi cục trưởng kiểm tra, giám sát kê khai thuế, chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu, xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra đối với khối công ty cổ phần thuộc Chi cục Thuế TP quản lý.

- Đội Kiểm tra thuế số 2:

Giúp Chi cục trưởng kiểm tra, giám sát kê khai thuế, chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu, xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra đối với khối công ty trách nhiệm hữu hạn thuộc Chi cục Thuế TP quản lý.

- Đội Kiểm tra thuế số 3:

Giúp Chi cục trưởng kiểm tra, giám sát kê khai thuế, chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu, xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra đối với khối doanh nghiệp tư nhân, xí nghiệp, hợp tác xã thuộc Chi cục Thuế TP quản lý.

- Đội Kê khai - tổng hợp:

Giúp Chi cục trưởng thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế đối với người nộp thuế thuộc Chi cục quản lý.

Giúp Chi cục trưởng trong việc hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thu thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu NSNN; đề xuất các giải pháp và tổ chức chỉ đạo thực hiện các giải pháp hoàn thành vượt mức dự toán thu thuế trên địa bàn; theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán thu thuế.

Ngoài ra, bộ phận này còn giúp Chi cục trưởng tổ chức quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế của Chi cục; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ quản lý thu thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo cán bộ thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong quản lý thu thuế.

- Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:

Giúp Chi cục trưởng tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đơn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong vi phạm quản lý. Trực tiếp theo dõi nợ, lập danh sách đối tượng nợ thuế và thực hiện phân loại nợ thuế theo quy định.

- Đội thuế trước bạ - Quản lý thuế TNCN:

Giúp Chi cục trưởng quản lý thu lệ phí trước bạ, phí, lệ phí khác, các khoản thu từ đất...đối với người nộp thuế thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý;

Giúp Chi cục trưởng triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân; tổ chức thực hiện dự toán thu thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện chính sách thuế, các thủ tục hành chính thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn.

- Đội Hành chính - nhân sự - tài vụ - ấn chỉ:

Giúp Chi cục trưởng chỉ đạo, triển khai thực hiện các công tác hành chính văn thư, lưu trữ, công tá quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản trị nhân lực; quản lý ấn chỉ thuế.

7 đội thuế liên xã, phường:

Giúp Chi cục trưởng trong việc quản lý thu thuế các hộ kinh doanh theo quy trình quản lý thu thuế khối hộ kinh doanh.

Về đội ngũ cán bộ:

- Về số lượng và trình độ: Hiện nay số cán bộ của Chi cục Thuế thành phố là 123 cán bộ trong đó cán bộ nữ là 68 người. Trong đó số người có trình độ cao học là 19 người, đại học có 87 người, trung cấp có 17 người. Có 09 đang theo học cao học. Trong những năm qua, Chi cục Thuế TP đã coi trọng việc nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ thuế. Hàng năm Chi cục đều có kế hoạch bố trí cho CBCC được đi đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Từ đó tạo thuận lợi cho quản lý thu thuế trên địa bàn thành phố. Hiện nay, hầu hết các cán bộ thuế đều đảm nhận và hoàn thành khá tốt các nhiệm vụ được giao.

- Về độ tuổi và kinh nghiệm:

Đội ngũ cán bộ công chức của Chi cục ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành thuế. Nếu như các năm trước, cán bộ thuế của Chi cục Thuế TP Hải Dương là bộ đội chuyển ngành, là cán bộ của ti thuế trước kia thì hiện nay đã được bổ sung một lực lượng cán bộ trẻ, được đào tạo đúng chuyên ngành và được trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng tin học để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công nghệ thông tin trong quản lý thuế. Nhiều cán bộ thuế là những người công tác lâu năm trong ngành có kinh nghiệm và trình độ chuyên sâu trong quản lý thuế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn tồn tại những hạn chế liên quan đến trình độ của đội ngũ cán bộ thuế. Mặc dù với chủ trương trẻ hóa đội ngũ ngành thuế nhưng số lượng cán bộ thuế có độ tuổi trung bình khá cao vẫn nhiều, một số là những cán bộ chuyển ngành khác sang nên vẫn có những hạn chế trong việc tiếp cận những tiến bộ kỹ thuật trong quản lý thu thuế hiện đại, đặc biệt là việc sử dụng công nghệ tin học.

Ngoài ra, ở lớp cán bộ trẻ mới được bổ sung tuy được trang bị kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm hoạt động trong đội ngũ cán bộ thuế của Chi cục để đảm bảo về công tác chuyên môn và kinh nghiệm nhằm mục tiêu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

Với một bộ máy hành thu được tổ chức, phân bổ chức năng rõ ràng và đội ngũ cán bộ thuế ngày càng được tinh giản, có trình độ, hàng năm Chi cục Thuế TP Hải Dương đều đảm bảo hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao. Trong năm 2012, số thu về cho NSNN của toàn Chi cục là 319 tỷ 762 triệu đồng, năm 2013 là 387 tỷ 124 triệu đồng, năm 2014 tăng lên 407 tỷ 549 triệu đồng, năm 2015... Số thu về cho NSNN tăng qua mỗi năm đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu của cả ngành thuế nói chung và của cán bộ công chức Chi cục Thuế TP Hải Dương nói riêng.

- 01 Chi cục trưởng: Có nhiệm vụ chỉ đạo chung và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục thuế tỉnh Hải Dương và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục thuế.

- 04 Chi cục phó: Chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Thực hiện luật quản lý thuế, bộ máy quản lý thuế ở cơ quan thuế các cấp được cải cách theo hướng tổ chức tập trung theo 4 chức năng nhằm chuyên môn hoá, nâng cao năng lực quản lý thuế ở từng chức năng, gồm: Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Theo dõi, xử lý việc kê khai thuế; Đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thuế; Kiểm tra thuế.

Để đảm bảo hoạt động thu NSNN được hiệu quả, dựa theo phân công nhiệm vụ của Cục thuế tỉnh Hải Dương, Chi cục thuế Hải Dương đã phân công từng nhiệm vụ, chức năng cụ thể cho các đội thuế, nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong công tác hoạt động toàn Chi cục. Cụ thể nhiệm vụ của các đội như sau:

- Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ: Đội có chức năng giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý công chức, biên chế, tiền lương, đào tạo công chức và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ Chi cục Thuế; công tác hành chính, văn thư,

lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Chi cục Thuế. Thực hiện công tác quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế trong phạm vi được phân cấp; thực hiện in, cấp phát, bán hóa đơn, ấn chỉ thuế cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế, đơn vị trong và ngoài ngành thuế; hướng dẫn, quản lý hoạt động tạo, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn của các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

- Đội Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế trong phạm vi Chi cục thuế quản lý.

- Đội Thuế thu nhập cá nhân - Trước bạ: Kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế trước bạ nhà đất, phương tiện vận tải và các tài sản khác.

- Đội Tổng hợp Nghiệp vụ - dự toán: Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế trong việc chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước; thực hiện công tác pháp chế về thuế và công tác quản lý các khoản thu từ đất trên địa bàn Chi cục Thuế quản lý.

- Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý. Xử lý gia hạn nộp thuế, xóa nợ thuế.

- Đội Kê khai và kế toán thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Chi cục Thuế quản lý. Quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo công chức thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý.

- Đội Kiểm tra thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Chi cục Thuế quản lý.

- Đội kiểm tra nội bộ: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển

khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Chi cục trưởng Chi cục thuế.

- 07 Đội thuế liên xã: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý hộ cá thể kinh doanh trên địa bàn trong phạm vi đội quản lý.

2.2. Thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương giai đoạn 2013 – 2015

2.2.1. Thực trạng nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Mặc dù số lượng doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố nhiều, chiếm gần 80% là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (quy mô vốn nhỏ hơn 10 tỷ đồng – theo quy định của Nhà nước). Trong số đó, chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ: tỷ lệ DN có quy mô vốn dưới 2 tỷ chiếm tới 81,5% và quy mô lao động sử dụng trung bình trong các doanh nghiệp trên địa bàn là dưới 30 người. Quy mô nhỏ vừa là yếu tố thuận lợi nhưng cũng là yếu tố thách thức đối với quản lý thu thuế của thành phố. Thuận lợi vì công tác ấn định, kiểm tra thuế đơn giản nhưng khó khăn là hoạt động của các doanh nghiệp này không ổn định làm cho nguồn thu cũng không ổn.

Số thu thuế từ các doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng số thu thuế của toàn thành phố, trung bình chiếm gần 26% tổng thu (năm 2013 là 19%, năm 2014 là 21% và năm 2015 là 26,1%). Mặc dù vậy, nguồn thu từ các doanh nghiệp tư nhân vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành dự án thu thuế hàng năm của thành phố Hải Dương.

Nhìn chung trong 3 năm từ 2013 - 2015, do ảnh hưởng của hậu suy thoái kinh tế, các đơn vị sản xuất kinh doanh mặc dù đã có những dấu hiệu hồi phục nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn chỉ đạt ở mức thấp. Để góp phần giảm bớt khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp, nhưng cũng đảm bảo chặt chẽ và

đúng quy trình hạn chế tình trạng gian lận chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước, công tác hoàn thuế giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp tư nhân của Chi cục Thuế thành phố Hải Dương đã được triển khai nhanh hơn, hiệu quả hơn...

2.2.2. Các thủ tục hành chính về thuế giá trị gia tăng

Các thủ tục hành chính về thuế nói chung và các thủ tục hành chính về thuế giá trị gia tăng nói riêng bao gồm: đăng ký thuế, khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế, các thủ tục về hóa đơn, nộp thuế, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và khiếu nại về thuế.

Tại điểm 3.3 Mục 3 Phần I Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 17/8/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế quy định: “ Người nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi đăng ký thuế cho đến khi không còn tồn tại. Mã số thuế được dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế mà người nộp thuế phải nộp, kể cả trường hợp người nộp thuế kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn khác nhau... Riêng mã số thuế đã cấp cho người nộp thuế là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh hoặc một cá nhân không thay đổi trong suốt cuộc đời của cá nhân đó, kể cả trường hợp đã ngừng hoạt động kinh doanh sau đó kinh doanh trở lại”. Căn cứ các quy định nêu trên, đối với người nộp thuế là DNTN cơ quan thuế đang thực hiện cấp một mã số thuế duy nhất để chủ DNTN kê khai, nộp thuế cho DNTN; đồng thời kê khai, nộp thuế TNCN của chủ DNTN (đối với những thu nhập khác không liên quan đến hoạt động của DNTN). Việc này dẫn đến không tách biệt được nghĩa vụ kê khai thuế TNCN của bản thân chủ DNTN với nghĩa vụ kê khai khấu trừ thuế TNCN cho người lao động thuộc doanh nghiệp khi thực hiện quyết toán thuế theo quy định của Luật thuế TNCN.

Xuất phát điểm của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương là từ hộ kinh doanh đi lên, sản xuất nhỏ là phổ biến, các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, manh mún, mang nặng tính gia đình, ít liên kết với nhau hoặc với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể.

Đa số các doanh nghiệp tư nhân đều mới thành lập, thiếu kiến thức kinh doanh, chưa quen với thị trường, trình độ quản lý còn rất hạn chế, tồn tại nhiều tiêu cực. Mặt khác các doanh nghiệp tư nhân thiếu kế toán chuyên trách nắm chắc các quy định, các thủ tục hành chính về thuế. Do vậy mà việc thực hiện các thủ tục hành chính về thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp tư nhân còn nhiều hạn chế.

2.2.3. Giám sát việc tuân thủ pháp luật về thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp tư nhân với đặc điểm là tư hữu về tư liệu sản xuất và mục đích chính là lợi nhuận do đó ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao. Các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương chủ yếu là những doanh nghiệp có số vốn đăng ký thấp, quy mô kinh doanh nhỏ. Một số doanh nghiệp còn thiếu bộ phận kế toán chuyên trách mà do nhân viên hành chính văn phòng hoặc kinh doanh đảm nhiệm. Vì vậy, việc hiểu biết luật thuế GTGT cũng như chế độ kế toán bị hạn chế dẫn đến nhiều sai sót trong quá trình thực hiện luật thuế GTGT. Qua quá trình thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế phát hiện những lỗi vi phạm cơ bản mà các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh trong từng lĩnh vực khác nhau thường mắc phải.

Đối với các DN xây dựng thường kê khai sai niên độ phát sinh doanh thu hoặc kê khai doanh thu theo số tiền thực thu mà không khai theo giá trị quyết toán công trình. Doanh nghiệp thường hạch toán và tính vào chi phí một số loại vật tư chính, nhân công với số lượng cao hơn hoặc không có trong quyết toán công trình nhằm đẩy cao chi phí. Một số khác thường sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc mua hóa đơn để hợp thức chi phí mua đất nhằm trốn thuế.

Các doanh nghiệp sản xuất chế biến thì kê khai thiếu doanh thu, thuế đầu ra của doanh thu bán phế liệu; kê khai hàng xuất khẩu nhưng không có chứng từ thanh toán theo quy định. Một số doanh nghiệp tư nhân lại kê khai sai thuế suất đầu ra; kê khai hóa đơn đầu vào quá hạn quy định và không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng; Phân bổ thuế GTGT đầu vào không đúng quy định; Xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu quá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề; Không khai hoặc kê khai chưa đầy đủ thuế nhà thầu...

Bên cạnh việc theo dõi tình hình hoạt động của NNT theo các quy trình của Tổng cục Thuế, Chi cục thuế thành phố Hải Dương cũng đã quan tâm đến việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo các hành vi để từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thuế của NNT được cao hơn, tránh làm thất thoát tiền thuế cho NSNN trong hoạt động kinh doanh có hành vi gian lận của NNT. Dưới đây là bảng kết quả xử lý những vi phạm pháp luật về thuế GTGT.

Bảng 2.2: Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về thuế giá trị gia tăng

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung xử lý vi phạm	Kết quả xử lý		
		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Chậm nộp hồ sơ khai thuế	235,756,000	285,965,000	686,258,000
2	Khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ	569,685,000	1,777,569,000	1,963,051,000
3	Tròn thuế, gian lận thuế	798,365,000	1,285,258,000	2,387,152,000
4	Các hành vi vi phạm hành chính khác	968,255,111	1,105,344,006	2,560,311,526
Tổng cộng		2,572,061,111	4,454,136,006	7,596,772,526

(Nguồn: Chi cục thuế thành phố Hải Dương)

Nhìn qua bảng 2.2 có thể thấy việc xử lý vi phạm hành chính về thuế GTGT được Chi cục thuế thành phố Hải Dương triển khai theo các hành vi. Tuy nhiên, việc xử lý vi phạm này ở từng hành vi còn chưa được triệt để, việc xử lý chỉ dừng lại ở hình thức chưa mang tính chất răn đe. Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế, năm 2013 Cục Thuế tỉnh Hải Dương phạt được 235.756.000 đồng, năm 2014 là 285.965.000 đồng, năm 2015 là 686.258.000 đồng. Đây là con số khá khiêm tốn do hành vi vi phạm này thường xuyên xảy ra trong các kỳ nộp hồ sơ khai thuế. Tuy nhiên do số lượng tờ khai nhiều, cán bộ làm công tác kê khai lại ít vì vậy việc xử lý vi phạm pháp luật ở hành vi này vẫn chưa được các Chi cục thuế ở các huyện nói chung và Chi cục thuế thành phố Hải Dương nói riêng xử lý triệt để.

Theo quy định của Luật quản lý thuế: Hành vi khai không đúng, không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 31 của Luật quản lý thuế (trừ trường hợp người nộp thuế được khai bổ sung theo quy định) bị phát hiện sau thời hạn quy định nộp hồ sơ khai thuế. Tuy nhiên tại Chi cục Thuế chỉ có 35% số hồ sơ bị xử lý vi phạm; Theo quy định: Phạt đối với hành vi nộp chậm hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày thì chỉ có 15% số hồ sơ bị xử lý vi phạm. Chủ yếu tất cả các DNTN có hành vi trốn thuế, gian lận thuế qua kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT đều được xử lý.

Qua số liệu trên ta thấy được công tác xử lý vi phạm pháp luật về thuế chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, triệt để. Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế GTGT chủ yếu được xử lý sau khi cơ quan thuế đi thanh tra kiểm tra tại đơn vị của NNT. Những hành vi vi phạm phát sinh tại chi cục thuế như chậm nộp hồ sơ khai thuế chưa được xử lý kịp thời. Nguyên nhân của việc bỏ sót này là do hệ thống phần mềm hỗ trợ cán bộ trong việc xử lý vi phạm không có dẫn đến việc thực hiện xử lý hành vi vi phạm này gặp khó khăn

2.2.4. Thực trạng quản lý quy trình thu thuế giá trị gia tăng

2.2.4.1. Quản lý đối tượng nộp thuế:

Quản lý đối tượng nộp thuế là khâu đầu tiên rất quan trọng và là cơ sở để xây dựng chỉ tiêu thu thuế, tránh thất thu ngân sách nhà nước. Nhận thức được tầm quan trọng của quản lý đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã thống nhất chủ trương: Đảm bảo xác định đầy đủ các đối tượng chịu thuế, không để thất thu thuế, đồng thời gắn với việc quản lý chặt chẽ, thường xuyên các đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế, tránh tình trạng chây ì, nợ đọng thuế, không thu được thuế do đối tượng nộp thuế bỏ trốn... Bên cạnh đó, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cam kết đảm bảo quyền lợi cho đối tượng nộp thuế, chỉ thu đúng, thu đủ, không để xảy ra tình trạng lạm thu, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế.

Trong quá trình quản lý ĐTNT, Chi cục thuế đã tăng cường hỗ trợ tuyên truyền, hướng dẫn chính sách thuế GTGT cho các ĐTNT, tổ chức tốt công tác kê

khai đăng ký thuế, cấp mã số thuế, đôn đốc các đối tượng chấp hành chế độ kê khai nộp thuế, báo cáo quyết toán thuế. Chi cục thuế đã tổ chức kiểm tra, xác minh cụ thể trước khi ra quyết định đối với những doanh nghiệp xin tạm nghỉ kinh doanh. Qua kiểm tra đã phát hiện một số DN ra kinh doanh nhưng không khai báo, một số trường hợp báo nghỉ kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh, các trường hợp đó đã bị xử phạt hành chính và truy thu thuế. Năm 2014 đã truy thu 55 doanh nghiệp có đơn nghỉ kinh doanh nhưng vẫn kinh doanh số tiền là 15 triệu đồng. Đây là hạn chế do ý thức thực hiện các quy định của Luật thuế của một số DN còn yếu kém, làm giảm thu NSNN trên địa bàn. Ngoài ra còn phải kể đến một số đối tượng nộp thuế GTGT bỏ trốn, số doanh nghiệp tư nhân bỏ trốn có xu hướng tăng dần qua các năm, cụ thể thông qua việc xác minh thực tế trên địa bàn: năm 2013, số doanh nghiệp bỏ trốn là 67 DN, năm 2014 phát hiện 87 DN và đến năm 2015 con số này lên đến 94 DN – đây thường là những cơ sở kinh doanh tồn tại không có trụ sở rõ ràng, khi xác minh gặp trường hợp này trên địa bàn quản lý thì cán bộ lập biên bản đối tượng nộp thuế GTGT không tồn tại trên địa bàn để đóng cửa mã số thuế. Thực tế trên địa bàn năm 2014, Chi cục Thuế Thành phố Hải Dương đã phát hiện, xử lý và tiến hành đóng mã số thuế của hơn 55 đối tượng nộp thuế là các đơn vị kinh doanh không tiếp tục SXKD, đóng thuế và việc xác minh địa chỉ thực tế gặp nhiều khó khăn do đối tượng nộp thuế thường xuyên thay đổi trụ sở và nơi thực hiện hoạt động SXKD.

Để việc quản lý đối tượng nộp thuế được hiệu quả thì công tác cấp mã số thuế cho ĐTNNT phải được thực hiện kịp thời, nhanh chóng đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi để tập thể cá nhân được cấp mã số thuế. Vì thực chất việc quản lý ĐTNNT là quản lý bằng mã số thuế. Đối với đối tượng nộp thuế GTGT không đăng ký thuế, không xin cấp mã số thuế khi cán bộ phát hiện sẽ xử phạt hành chính và hướng dẫn đối tượng nộp thuế GTGT làm thủ tục đăng ký thuế. Đồng thời, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã kết hợp chặt chẽ với sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong quản lý đối tượng nộp thuế, với sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương giúp cho việc nắm bắt thông tin trên địa bàn tốt hơn

rất nhiều, do vậy có thể nắm bắt tốt hơn đối tượng ngừng hoạt động, đối tượng di chuyển địa bàn hoạt động, đối tượng giải thể để thực hiện việc quyết toán thuế, thu hồi hóa đơn, ngăn chặn kịp thời tiêu cực xảy ra, đồng thời lập danh sách các đối tượng nộp thuế GTGT không tìm thấy để kiến nghị với các ngành có biện pháp thu hồi đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên việc phối kết hợp giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương chưa thực sự hiệu quả và kịp thời.

Trong giai đoạn 3 năm 2013 – 2015, số lượng các doanh nghiệp đăng kí mới trên địa bàn có xu hướng tăng. Vì vậy việc quản lý số lượng doanh nghiệp ngày càng phải được tăng cường. Quản lý được số lượng doanh nghiệp là việc đầu tiên để tiến hành triển khai công tác thu thuế, có quản lý được doanh nghiệp thì các công việc tiếp theo để triển khai công tác thu thuế mới tiến hành được tốt, thông qua công tác này giúp cho cơ quan thuế nắm bắt được số lượng doanh nghiệp đăng ký, kê khai nộp thuế, giúp Lãnh đạo Chi cục nắm bắt được tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, các chỉ tiêu kinh tế - tài chính cơ bản của doanh nghiệp, từ đó có thể quản lý thu thuế một cách có hiệu quả nhất trong quản lý thuế.

Thực tế quản lý thu thuế trên địa bàn Thành phố Hải Dương cho thấy số đối tượng nộp thuế GTGT đăng kí kinh doanh lớn hơn số đối tượng nộp thuế GTGT thực tế kinh doanh. Nguyên nhân là do khi đăng ký kinh doanh đối tượng nộp thuế chưa bước vào kinh doanh ngay mà xin tạm ngừng hoạt động để được xét giảm thuế, miễn thuế. Cũng có một số đối tượng nộp thuế GTGT nghỉ kinh doanh để chuyển hướng kinh doanh hay khi đối tượng nộp thuế GTGT chuyển đổi ngành nghề kinh doanh hoặc chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh nên khó quản lý, nếu cơ quan thuế phát hiện họ mới chịu kê khai đăng ký thuế. Tuy nhiên, vẫn có những đối tượng nộp thuế GTGT xin ngừng kinh doanh để không phải nộp thuế nhưng thực tế đối tượng nộp thuế GTGT đó vẫn tiến hành kinh doanh bình thường, đặc biệt là các đối tượng nộp thuế GTGT có trụ sở ở xa nên rất khó quản lý. Đến kỳ nộp hồ sơ khai thuế đội quản lý kê khai gửi thông báo điện thoại nhắc nhở qua số điện thoại đã đăng kí với cơ quan thuế nhưng không liên lạc được, chính vì vậy đã gây khó khăn và làm thất thoát nguồn thu cho NSNN.

2.2.4.2. Công tác quản lý kê khai thuế giá trị gia tăng

Chi cục thuế thành phố Hải Dương thực hiện quản lý kê khai thuế GTGT trên cơ sở hướng dẫn của QĐ 879/QĐ – TCT về quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế, kê toán thuế thay thế quyết định số 1864/QĐ – TCT của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kê toán thuế. Về công tác quản lý kê khai thuế, Chi cục thuế thành phố Hải Dương phân công trách nhiệm chính cho Đội Kê khai - Kê toán thuế - Tổng hợp chịu trách nhiệm theo dõi và kiểm soát các hồ sơ kê khai thuế, kiểm soát về mặt thời hạn, số lượng tờ khai và cả chất lượng tờ khai. Bảng dưới đây thể hiện tình hình kê khai thuế của các doanh nghiệp tư nhân tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương.

Bảng 2.3: Tình hình nộp tờ khai của các doanh nghiệp tư nhân tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương

(Đơn vị tính: Doanh nghiệp)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số tờ khai thuế GTGT phải nộp	4675	2625	2887
Số tờ khai thuế GTGT đã nộp	4551	2505	2772
Đúng hạn	4240	2321	2638
Nộp chậm	311	184	134
Số tờ khai thuế GTGT chưa nộp	124	120	115

(Nguồn số liệu: Phòng KK-KTT-TH Chi cục thuế Thành phố Hải Dương)

Nhìn vào bảng trên ta thấy, từ năm 2013 đến năm 2015 số lượng tờ khai thuế giá trị gia tăng phải nộp giảm xuống mặc dù số lượng doanh nghiệp tư nhân ngày càng tăng. Việc doanh nghiệp mà Chi cục thuế Thành phố quản lý tăng lên nhưng số tờ khai thuế GTGT lại giảm đi là do áp dụng khai thuế theo quý đối với người nộp thuế GTGT có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 20 tỷ đồng trở xuống từ quý III năm 2013 (Theo thông tư số 156/2013/TT-BTC), không kê khai theo tháng như trước. Ngày 10/10/2014, Bộ tài chính tiếp tục ban hành thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi bổ sung thông tư số 156/2013/TT-BTC: “Khai thuế theo quý áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng

doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống” (Áp dụng từ quý IV năm 2014). Vì vậy, số tờ khai thuế GTGT phải nộp qua các năm giảm dần từ năm 2013 đến năm 2015. Tỷ trọng số tờ khai thuế đã nộp so với số tờ khai thuế phải nộp tương đối cao: năm 2012 là 96,8%; năm 2013 là 97,3%, năm 2014 là 95,4%, năm 2015 là 96%.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hải Dương đều nộp tờ khai đúng hạn, đúng mẫu biểu quy định của pháp luật về thuế GTGT. Trong thời gian đầu tỷ lệ các doanh nghiệp trên địa bàn nộp tờ khai đúng hạn, đúng biểu mẫu còn chưa cao, do việc tập hợp hóa đơn lên bảng kê chưa kịp thời, do đó phản ánh số thuế đầu ra, đầu vào thiếu chính xác; ngoài ra, NNT còn hay mắc phải những sai sót số học trên tờ khai như áp dụng thuế suất sai, tính toán sai, có sự chênh lệch giữa tờ khai và bảng kê hay khai thiếu chỉ tiêu hoặc sai mẫu tờ khai. Đến năm 2008 Chi cục thuế cung cấp miễn phí phần mềm Hỗ trợ kê khai (HTKK) cho các doanh nghiệp làm giảm thời gian kê khai hàng tháng của doanh nghiệp, làm cho chất lượng tờ khai tăng lên rõ rệt, giảm thiểu rất nhiều sai sót về lỗi số học trên tờ khai và bảng kê do phần mềm HTKK có tính năng cảnh báo sai sót về mặt số học. Tuy nhiên cũng đang xảy ra tình trạng nhiều doanh nghiệp chưa tiếp cận kịp thời các quy định của pháp luật về thuế GTGT nên vẫn chưa nộp đầy đủ tờ khai về thuế GTGT bao gồm tờ khai thuế tháng hoặc tờ khai quý cùng với các phụ lục đi kèm tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp quên không nộp tờ khai hoặc cho rằng doanh nghiệp mình không phát sinh hoạt động kinh doanh nên không phải nộp tờ khai.

Hiện nay, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đang trong giai đoạn đẩy mạnh công tác triển khai kê khai thuế qua mạng Internet theo tinh thần của chiến lược cải cách hệ thống thuế trong giai đoạn 2011 – 2020. Triển khai công tác nộp tờ khai thuế qua mạng Internet đã tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều cho các doanh nghiệp trong việc nộp tờ khai. Các doanh nghiệp có thể gửi tờ khai nhiều lần mà không cần đi lại nhiều hoặc gửi nhiều lần qua đường bưu điện. Doanh nghiệp chỉ cần có mạng Internet và chữ ký số hợp lệ là có thể thực hiện kê khai từ bất cứ nơi đâu với 24/24

giờ trong ngày. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện kê khai thuế qua mạng Internet vẫn đang vấp phải một số khó khăn và chưa đủ điều kiện nhân lực và vật lực để đáp ứng. Hơn nữa, đối với doanh nghiệp tư nhân thì việc triển khai kê khai thuế qua mạng còn khá mới mẻ do thiếu kế toán chuyên trách thực hiện tại doanh nghiệp, cơ quan thuế rất khó thuyết phục đối tượng nộp thuế này sử dụng chữ ký số và kê khai thuế qua mạng

Như vậy, công tác quản lý việc kê khai, tính thuế GTGT trên địa bàn Thành phố Hải Dương đã và đang được hoàn thiện theo hướng ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại nhưng chưa đem lại hiệu quả cao đối với đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp tư nhân.

2.2.4.3. Quản lý căn cứ tính thuế

Quản lý căn cứ tính thuế bao gồm quản lý giá tính thuế và mức thuế suất. Đối với doanh nghiệp thì căn cứ tính thuế sẽ quyết định số thuế phải nộp là nhiều hay ít, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp. Còn ở góc độ quản lý thuế, căn cứ tính thuế là cơ sở để đảm bảo thu đúng, đủ và kịp thời thuế vào NSNN. Vì vậy, quản lý căn cứ tính thuế có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý thu ngân sách nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý căn cứ tính thuế Chi cục thuế Thành phố Hải Dương luôn được thực hiện một cách chặt chẽ theo quy định hiện hành của ngành thuế. Cụ thể đối với công tác quản lý giá tính thuế và thuế suất, hiện nay Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đang thực hiện triển khai như sau:

Về giá tính thuế: Giá tính thuế ghi trên hóa đơn là trọng tâm quản lý căn cứ tính thuế. Hóa đơn vừa là chứng từ hợp lý trong các giao dịch, đồng thời là cơ sở để kê khai, nộp thuế một cách trung thực, chính xác đối với Nhà nước trong cơ chế “tự khai, tự nộp”. Vì vậy có thể khẳng định hóa đơn là khâu then chốt quyết định hiệu quả quản lý của các sắc thuế hiện hành nói chung và thuế GTGT nói riêng. Chính vì tính quan trọng của việc quản lý giá tính thuế đối với các đối tượng chịu thuế, trong những năm qua Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã đẩy mạnh công tác quản lý hóa đơn, chứng từ, quản lý doanh thu để đảm bảo xác định căn cứ tính thuế một

cách chính xác, đảm bảo thu đúng, thu đủ, vừa không để thất thu thuế cho ngân sách nhà nước vừa đảm bảo sự công bằng giữa những đối tượng nộp thuế. Tuy nhiên trong thực tiễn thực thi nghĩa vụ thuế GTGT, giá tính thuế được phản ánh trên hóa đơn chứng từ có sự khác biệt so với giá thực, đặc biệt giá tính thuế của hàng tiêu dùng nhưng không có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh vì vậy trong nhiều trường hợp phạm vi mức độ của thuế GTGT không được xác định đúng. Cụ thể năm 2014, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã tiến hành xác minh, phát hiện và xử lý hơn 30 trường hợp ghi sai giá tính thuế trên hóa đơn. Trước những biến động nhanh về kinh tế - xã hội và trước yêu cầu ngày càng cao về hiện đại hóa công tác quản lý thuế, một số quy định của Luật đã bộc lộ những hạn chế, vướng mắc cần phải được sửa đổi, bổ sung. Ngày 19/6/2013, Quốc Hội khoá XIII đã thông qua Luật số 31/2013/QH13. Trong đó bổ sung quy định “ Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế GTGT”. Việc bổ sung quy định này là để bảo đảm đồng bộ trong hệ thống chính sách thuế và phù hợp với nguyên tắc, thông lệ quốc tế về giá tính thuế GTGT là giá bán cuối cùng chưa có thuế GTGT.

Về mức thuế suất: Hiện nay, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương thực hiện việc áp dụng mức thuế suất theo quy định của Nghị định số 209/2013/NĐ – CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế GTGT do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành với quy định rất rõ ràng về các mức thuế suất 0%, 5%, 10% áp dụng cho từng loại hình kinh doanh, dịch vụ và từng ngành nghề, từng loại sản phẩm riêng biệt. Đây là căn cứ để Chi cục xác định mức thuế suất đối với từng đối tượng chịu thuế. Việc quy định nhiều mức thuế suất với nhiều đối tượng áp dụng khác nhau đã gây ra không ít khó khăn cho công tác quản lý và thực thi. Việc phân định danh mục hàng hóa, dịch vụ dựa trên tính năng công dụng và mục đích sử dụng hàng hóa, dịch vụ để xác định mức thuế suất, nên trong nhiều trường hợp cùng một mặt hàng có thể bị áp dụng các mức thuế suất khác nhau. Đơn cử, theo quy định của khoản 5 Điều 5 của thông tư 219/2013/TT-BTC về việc hướng dẫn chi tiết luật thuế GTGT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 các

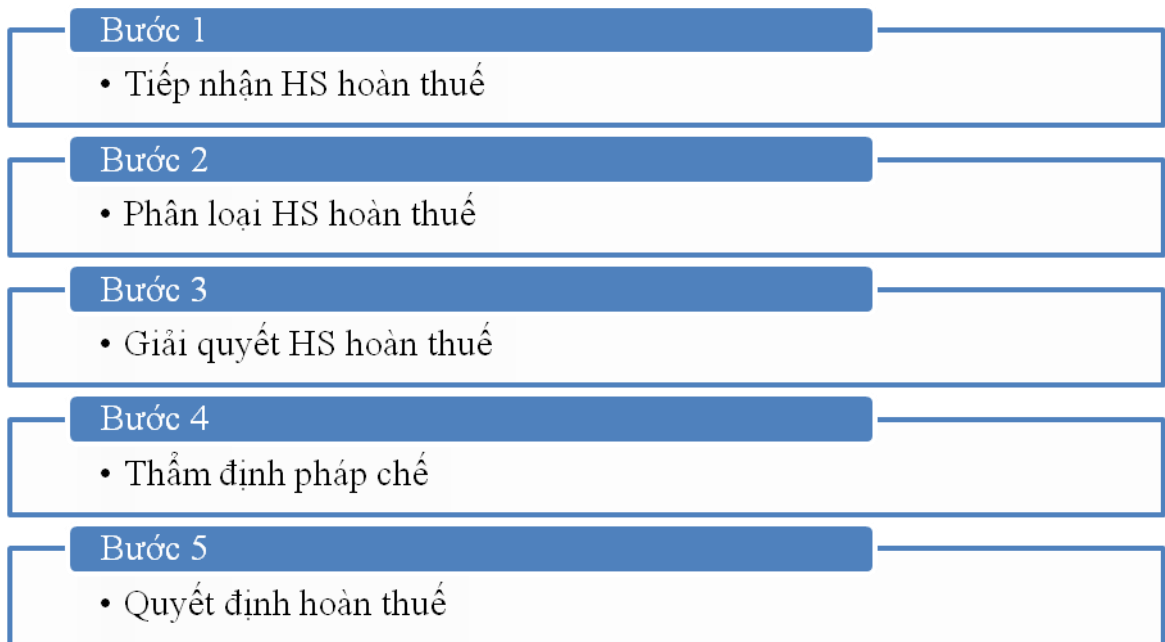
Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT với mức thuế suất 5%. Như vậy, việc quy định nhiều mức thuế suất cho cùng một loại đối tượng chịu thuế đã gây nhiều khó khăn cho Chi cục thuế trong việc áp mức thuế suất, hơn nữa còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện hành vi lách thuế, trốn thuế.

Về cơ bản việc quản lý căn cứ tính thuế trên địa bàn Thành phố Hải Dương trong những năm qua đối với doanh nghiệp tư nhân đã được thực hiện tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn tồn tại để xảy ra những trường hợp gian lận thuế, trốn thuế gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, trong thời gian tới, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần tích cực tăng cường hơn nữa công tác quản lý căn cứ tính thuế, đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế để nâng cao ý thức tự giác về tính trung thực theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế hiện nay.

2.2.4.4. Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng

Trong những năm qua Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã thực hiện quy trình hoàn thuế theo đúng quy trình được ban hành cùng với quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 1/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Quy trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế bao gồm các bước, công việc cụ thể sau đây:



Sơ đồ 2.2: Quy trình quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng của Tổng cục Thuế

Hoàn thuế GTGT là một trong những nội dung quan trọng của luật thuế GTGT, nhằm phát huy tính tích cực của sắc thuế GTGT trong việc khuyến khích và thúc đẩy các cơ sở kinh doanh tiến hành sản xuất kinh doanh, giải quyết khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp. Cơ sở để xác định số thuế GTGT được hoàn là căn cứ vào chứng từ, hóa đơn và số liệu kê khai mà DN cung cấp, được cơ quan thuế kiểm tra. Do vậy, kết quả thực hiện công tác quản lý kê khai như thế nào sẽ tác động lớn đến kết quả hoàn thuế. Nếu công tác quản lý kê khai không được thực hiện tốt sẽ gây thất thu cho NSNN do các DN trốn thuế bằng việc khai sai thuế suất, kê khai thiếu doanh thu,... Và từ việc kê khai sai số thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra, DN không những không phải nộp thuế GTGT mà còn được hoàn thuế. Hiện nay chúng ta vẫn sử dụng chính sách hoàn trước, kiểm tra sau để tạo điều kiện thuận lợi cho DN, cũng như tạo cho DN có cảm giác về một cơ chế thông thoáng. Việc thực hiện hoàn thuế cho các trường hợp được quy định tại luật thuế GTGT đã góp phần giảm bớt khó khăn cho DN, khuyến khích mạnh mẽ cho việc sản xuất hàng hóa, tạo công ăn việc làm cho người lao động dẫn tới tăng thu cho NSNN.

Bảng 2.4: Số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng cho các loại hình doanh nghiệp tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	2013		2014		2015	
	Số hồ sơ	Số tiền hoàn	Số hồ sơ	Số tiền hoàn	Số hồ sơ	Số tiền hoàn
Tổng	74	328,003	83	346,839	92	432,334
Trách nhiệm hữu hạn	32	150,142	35	129,321	37	131,789
Công ty cổ phần	38	176,986	46	215,698	53	298,869
Doanh nghiệp tư nhân	4	875	2	1,820	2	1,676

(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Hải Dương)

Việc hoàn thuế tập trung chủ yếu ở lĩnh vực xuất khẩu, xây dựng. Số hồ sơ hoàn thuế và số tiền hoàn thuế tăng dần theo các năm. Điều này cho thấy nền kinh tế đang dần hồi phục, các doanh nghiệp tư nhân đã tích cực đầu tư vào sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô và hướng tới xuất khẩu hàng hóa. Cụ thể năm 2013 tổng số hồ sơ xin hoàn thuế là 4 với số tiền hoàn thuế là 875 triệu đồng, năm 2014 tổng số hồ sơ xin hoàn thuế của doanh nghiệp tư nhân là 2 với số tiền hoàn thuế là 875 triệu đồng, đến năm 2015 tổng số hồ sơ hoàn thuế là 2 và số tiền hoàn thuế là 1,67 tỷ đồng. Nhờ thực hiện tốt chính sách đổi mới của Nhà nước về hoàn thuế, công tác hoàn thuế đã được triển khai nhanh hơn, hiệu quả hơn góp phần giảm bớt khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp, nhưng cũng đã đảm bảo chặt chẽ và đúng quy trình, hạn chế được tình trạng gian lận chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước. Nhìn chung ĐTNNT đều có ý thức lập và gửi hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định. Tuy nhiên trong những năm qua đối với việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT của Chi cục thuế Thành phố Hải Dương vẫn còn tồn tại một số vấn đề:

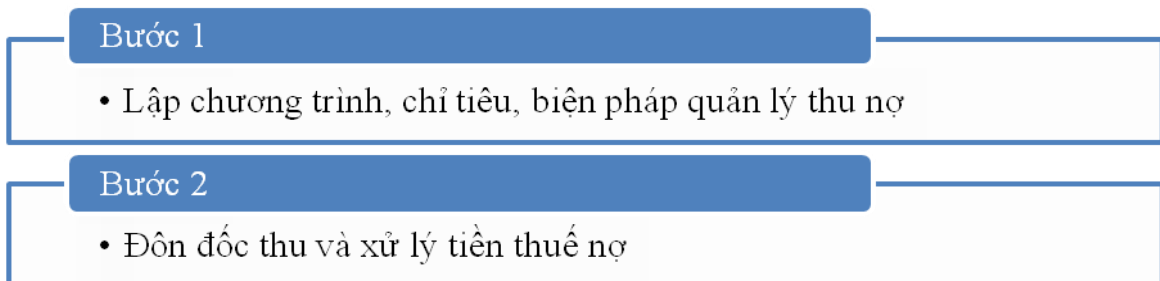
- Xuất hiện tình trạng một số doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở của pháp luật để gian lận trong kê khai hoàn thuế. Chi cục đã tiến hành kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế phát hiện và truy thu hàng trăm triệu đồng tiền thuế GTGT.
- Ngoài ra, trong các doanh nghiệp thuộc diện được hoàn thuế GTGT thì số

hóa đơn chứng từ được xem xét chỉ là giới hạn trong phạm vi có liên quan đến hoàn thuế, còn lại các hóa đơn khác nằm ngoài diện kiểm tra, dù ngoài tầm nhưng nó lại chiếm một tỷ lệ rất lớn, thường thì không bị kiểm tra hoặc kiểm tra không nghiêm ngặt như những hóa đơn, chứng từ có liên quan đến hoàn thuế...tất cả những hình thức trên đã gây khó khăn cho cơ quan thuế và đặc biệt gây ra sự thất thoát cho NSNN vì tiền thuế bị chiếm dụng một cách có bài bản, hệ thống.

2.2.4.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

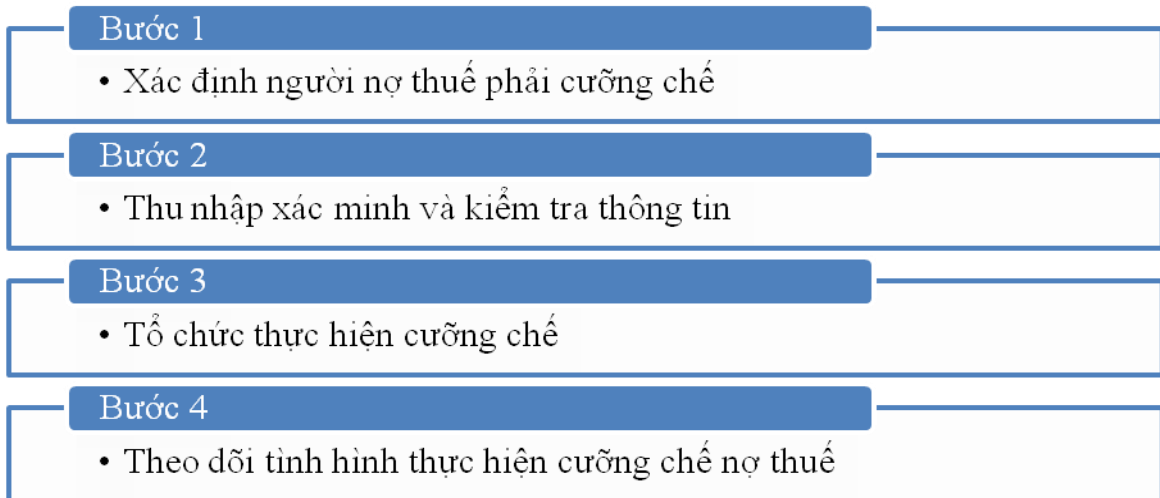
Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm đảm bảo số thuế phải nộp của ĐTNT thực sự được đưa vào NSNN. Công tác này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quản lý thu thuế. Trách nhiệm của cơ quan thuế là đôn đốc, nhắc nhở các ĐTNT thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế GTGT.

Quy trình quản lý nợ được ban hành cùng với quyết định số 2379/QĐ-TCT ngày 22/12/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế thay thế cho quyết định số 1395/QĐ-TCT trước đây. Nội dung như sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.3: Quy trình quản lý thu nợ thuế của Tổng cục Thuế

Quy trình cưỡng chế nợ thuế được ban hành cùng với quyết định số 490/QĐ-TCT ngày 8/5/2009, của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình cưỡng chế nợ thuế. Quy trình này chỉ áp dụng đối với các trường hợp là người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế. Nội dung quy trình gồm 4 bước như sơ đồ 2.4:



Sơ đồ 2.4: Quy trình cưỡng chế nợ thuế của Tổng cục Thuế

Về cơ bản, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế GTGT được tiến hành theo đúng các bước trong quy trình, ngoài ra Chi cục còn thực hiện việc đôn đốc nộp thuế qua bộ phận tiếp nhận tờ khai, bộ phận kiểm tra, đôn đốc bằng điện thoại, thành lập các tổ công tác đôn đốc nợ tại trụ sở của NNT. Ngay từ đầu năm ban lãnh đạo đã tổ chức thực hiện đánh giá công tác năm trước, nêu ra những ưu nhược điểm để đề ra các giải pháp cụ thể cho công tác năm sau.

Công tác đôn đốc thu nộp thuế được triển khai thường xuyên. Đội thu nợ và cưỡng chế nợ thuế đã triển khai lập biên bản vi phạm hành chính đối với các trường hợp nợ đọng, đây dựa theo quy trình từ xử phạt đến phát hành lệnh thu và hoàn tất hồ sơ, chuyển sang cơ quan chức năng khác để tiến hành xử lý. Bên cạnh đó, còn tăng cường rà soát, xác minh hoá đơn nhằm mục tiêu ngăn chặn, phát hiện các trường hợp ghi không đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm chế độ hoá đơn chứng từ. Thực hiện phân loại nợ theo khả năng thu hồi nợ nhằm xác định được nguyên nhân, tình trạng của từng khoản nợ thuế, qua đó có thể áp dụng các biện pháp quản lý thu nợ thuế có hiệu quả. Tình hình nợ thuế GTGT được thể hiện qua bảng 2.6 sau:

Bảng 2.5: Tình hình nợ thuế giá trị gia tăng từ năm 2013 đến năm 2015*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Nợ thuế	Nợ thuế GTGT
2013	78.076	41.417
2014	86.012	45.308
2015	93.001	47.231

(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Hải Dương)

Qua bảng số liệu và biểu đồ trên ta nhận thấy công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ chưa thực sự đạt hiệu quả cao. Tình hình nợ thuế nói chung và nợ thuế GTGT ngày càng tăng. Trong tổng số nợ thuế nói chung thì nợ thuế GTGT chiếm tỷ lệ lớn nhất trên 50% so với các loại nợ thuế khác. Năm 2013 tổng số nợ thuế là 78.076 triệu đồng trong đó số nợ thuế GTGT là 41.417 triệu đồng chiếm 53,04%. Năm 2014 tổng số nợ thuế lên đến 86.012 triệu đồng, số nợ thuế GTGT là 45.308 triệu đồng tăng 9,4% so với năm 2013. Năm 2015, số nợ thuế GTGT là 47.231 triệu đồng, chiếm 50,78%. Tình hình nợ đọng từ chi cục xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan: tình hình kinh tế nói chung mới đang bước ra từ thời kỳ khủng hoảng đã kéo theo sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ cá thể bị trì trệ, gặp nhiều khó khăn nên không đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ thuế cũng là điều dễ hiểu.

Nguyên nhân chủ quan: ý thức của NNT chưa cao, thường tìm cách kéo dài thời gian nhằm chiếm dụng tiền thuế vào những mục đích khác; các biện pháp chế tài xử phạt vi phạm nợ thuế chưa đủ mạnh, quyết liệt, còn diễn ra tình trạng nể nang trong việc xử lý công việc; chưa phối hợp chặt chẽ...

Công tác quản lý nợ và xử lý thu nợ đối với các khoản nợ thuế GTGT khó thu và nợ thuế GTGT chờ xử lý được Chi cục tập trung chú ý. Nhận thấy các khoản nợ thuế GTGT khó thu có tính chất phức tạp nên cán bộ quản lý nợ luôn linh hoạt áp dụng các biện pháp quản lý thích hợp để có thể thu hồi các khoản nợ thuế, phối hợp chặt chẽ với Tòa án trong quá trình xử lý thu hồi nợ đối với DN giải thể, phá sản theo đúng quy định của Nhà nước.

2.2.4.6. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế giá trị gia tăng

Thanh tra, kiểm tra là một trong những hoạt động hết sức quan trọng và không thể thiếu trong quá trình quản lý thu thuế trên địa bàn Thành phố. Công tác thanh tra, kiểm tra đã được Chi cục thuế Thành phố Hải Dương thực hiện theo đúng quy trình gồm: kiểm tra tại cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Xác định công tác thanh tra, kiểm tra là một trong các biện pháp quan trọng trong việc chống gian lận, chống thất thu thuế góp phần nâng cao ý thức thực hiện pháp luật thuế của các doanh nghiệp, nên trong năm qua Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã tiến hành nhiều hoạt động thanh tra, kiểm tra; đưa những cán bộ có đủ năng lực vào đảm nhiệm vị trí quan trọng nhằm phát huy hết vai trò và năng lực của toàn cán bộ, nâng cao hiệu quả quản lý thuế nói chung và hiệu quả quản lý thuế GTGT nói riêng. Việc thanh tra – kiểm tra cũng được tiến hành thường xuyên đối với các ĐTNT thông qua việc kiểm tra tình hình hoạt động, việc thực hiện chế độ kế toán, việc sử dụng hóa đơn, chứng từ...Đối tượng chịu sự thanh tra, kiểm tra của Chi cục thuế là người nộp thuế được giao quyền phân cấp quản lý cho Chi cục.

Bảng 2.6: Tổng kết tình hình kiểm tra đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh từ năm 2013 đến năm 2015

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng số các DNNQD	2050	2640	2860
Số DN được giao kiểm tra trong năm	250	265	272
Số lượt DN được thanh tra, kiểm tra	253	265	273
Tỷ lệ số DN được thanh tra, kiểm tra so với tổng số DNNQD	12,3 %	10,03%	9,5%
Số lượt DN vi phạm	251	260	273
Tỷ lệ số DN vi phạm với số DN được thanh tra, kiểm tra	99%	98%	100%
Số tiền thuế truy thu và phạt (Tỷ đồng)	7,416	8,508	11,288

(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Hải Dương)

Qua bảng số liệu trên cho thấy số doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra tăng lên qua các năm. Tuy nhiên, do số doanh nghiệp mới được thành lập cũng tăng cao theo từng năm nên tỷ lệ số DN được thanh tra, kiểm tra so với tổng số doanh nghiệp có xu hướng giảm. Năm 2012, tỷ lệ này là 12,3% đến năm 2013 tỷ lệ này giảm xuống còn 10,3% và năm 2014 là 9,5%. Điều đáng nói ở đây là hầu hết các doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra hầu hết đều bị phát hiện vi phạm. Để có được kết quả này ngoài việc tăng cường quản lý thanh tra, kiểm tra; đội ngũ cán bộ thuế cũng phải là những người có trình độ chuyên môn cũng như tư cách đạo đức tốt do vậy mà tỷ lệ phát hiện ra số doanh nghiệp vi phạm qua 3 năm luôn cao (xấp xỉ 100%) trong số doanh nghiệp bị kiểm tra, truy thu được một khoản lớn vào NSNN cụ thể năm 2015 số tiền thuế truy thu và phạt là 11,288 tỷ đồng.

Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã sử dụng phần mềm phân tích rủi ro TPR để phát hiện ra những doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao, sau đó cán bộ quản lý tiếp tục rà soát các DN đó theo 5 tiêu chí sau để xác định đối tượng thanh tra, kiểm tra:

- Thứ nhất, doanh nghiệp có lỗi kéo dài (khoảng từ 2 đến 3 năm liên tục).
- Thứ hai, doanh nghiệp có doanh thu phát sinh tăng đột biến qua các năm.
- Thứ ba, doanh nghiệp có thuế GTGT âm liên tục kéo dài (thường là các đối tượng được hoàn thuế nhưng không làm thủ tục hoàn thuế).
- Thứ tư, doanh nghiệp có nhiều nghi vấn trong việc kê khai, nộp thuế.
- Thứ năm, doanh nghiệp vi phạm chế độ quản lý về sử dụng hóa đơn.

Qua công tác kiểm tra, giám sát Chi cục thuế đã đúc rút, nhận dạng về các hành vi vi phạm pháp luật thuế của doanh nghiệp để phổ biến, trao đổi kinh nghiệm trong nội bộ đơn vị cũng như với các bộ phận có liên quan nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của quản lý thuế. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của lãnh đạo chi cục về việc tăng cường quản lý các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt đối với doanh nghiệp kê khai không phát sinh thuế, âm thuế kéo dài phải lập biên bản xác định nguyên nhân, lý do và yêu cầu doanh nghiệp kê khai điều chỉnh thuế, ấn định thuế nếu có đủ điều kiện. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra hầu hết các doanh nghiệp

ngoài quốc doanh bị thanh tra, kiểm tra đều có vi phạm về thuế, thường là các vi phạm như kê khai khấu trừ thuế của hàng hóa, dịch vụ mua vào không liên quan đến việc sản xuất kinh doanh, khấu trừ vượt mức quy định, không đảm bảo điều kiện thanh toán qua ngân hàng; chưa nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu đã kê khai khấu trừ, kê khai khấu trừ trùng hóa đơn, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ không đúng quy định...

Nói chung, tình hình tiến hành công tác thanh tra – kiểm tra đối với các đối tượng nộp thuế của Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cũng đạt yêu cầu. Tuy vậy, công tác thanh tra, kiểm tra vẫn chưa được đặt đúng tầm với thực trạng phát triển tại Thành phố.

2.2.4.7. Công tác tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế

Mục tiêu của bất kỳ cơ quan thuế nào cũng là tối ưu hóa số thuế và các khoản phải thu khác trong điều kiện quy định của pháp luật và nguồn lực hạn chế đồng thời đảm bảo củng cố được niềm tin của ĐTNT vào hệ thống thuế và quản lý thuế. Nền tảng của cơ chế tự khai tự nộp là dựa trên sự tuân thủ tự nguyện của ĐTNT. Việc tăng cường các dịch vụ tuyên truyền và hỗ trợ ĐTNT là một trong những chiến lược lâu dài và hiệu quả làm tăng sự tự giác chấp hành chính sách thuế của ĐTNT nói chung và ĐTNT GTGT nói riêng. Do đó công tác tuyên truyền và hỗ trợ có vai trò rất quan trọng giúp ĐTNT thực hiện nghĩa vụ của mình một cách đúng đắn.

Trong những năm qua Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã tiến hành thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo đài phát thanh, truyền hình cổ động, thi tìm hiểu pháp luật thuế, tuyên truyền giải thích về chính sách thuế... giúp đối tượng nâng cao được ý thức chấp hành nghĩa vụ với NSNN. Thường xuyên mở các cuộc thăm dò các đối tượng nộp thuế để tiếp tục giải đáp hướng dẫn thực hiện luật thuế hoặc hướng dẫn, giải đáp trực tiếp cho NNT ngay tại cơ quan thuế và bằng điện thoại. Nhờ sự nỗ lực của đội tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tinh thần tự giác của ĐTNT ngày càng được nâng cao, tình trạng gian lận, trốn thuế, kê khai sai ngày càng giảm. Đây được coi là một thành tích đáng ghi nhận của Chi cục. Song song với những buổi

tập huấn, tuyên truyền thường xuyên theo kế hoạch 1 quý 1 lần, Chi cục thuế Hải Dương còn triển khai những buổi tập huấn, tuyên truyền đột xuất ngay sau khi Bộ Tài chính và Tổng cục thuế có những chính sách thuế mới. Tuy nhiên, việc tuyên truyền tập huấn chủ yếu dừng lại ở việc tổ chức các buổi hội thảo tại địa điểm do Chi cục thuế thuê trước, còn công tác tuyên truyền tới tận cơ sở của NNT thì chưa thực sự được chú trọng. Mà đối với DNTN với ý thức chấp hành pháp luật thuế còn chưa cao, nên các buổi tập huấn của Chi cục thuế triển khai cũng chưa thực sự tham gia đầy đủ. Đây là một vấn đề mà Chi cục thuế thành phố Hải Dương cần chú ý để có kế hoạch tuyên truyền hỗ trợ hợp lý với đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp tư nhân.

2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

2.3.1. Kết quả đạt được

Quản lý thuế GTGT là tập hợp các công tác khác nhau về thuế GTGT nhằm mục đích cuối cùng là đảm bảo thu đủ, kịp thời số thuế GTGT. Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn của quản lý thuế GTGT, ngay từ đầu Chi cục thuế Thành phố Hải Dương đã chú trọng đẩy mạnh quản lý thuế, có nhiều biện pháp tích cực góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhờ đó quản lý thuế tại Chi cục thuế Thành phố đã được cải tiến và đạt được nhiều kết quả tích cực:

+ Công tác quản lý đối tượng nộp thuế: Chi cục thuế đã quản lý sát sao, hiệu quả các ĐTN có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Chi cục đã tích cực phối hợp với Cục thuế tỉnh Hải Dương và các bộ phận thuộc các ngành có liên quan như Sở kế hoạch và đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân Thành phố... để nắm danh sách các doanh nghiệp mới thành lập hoặc các doanh nghiệp có rủi ro cao được phân cấp quản lý giúp cho việc tìm hiểu, nắm bắt thông tin và theo dõi dễ dàng.

+ Công tác kê khai – kê toán – tin học: được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Chi cục, công tác kê khai – kê toán thuế và tin học đã được chuyển biến tích cực, tỷ lệ các doanh nghiệp đăng ký đúng thời hạn và đúng mẫu biểu ngày càng tăng, thời gian qua Chi cục thuế đã đổi mới và nâng cấp thường xuyên nhiều chương trình ứng

dụng như: VATWIN,HTKK...đội ngũ cán bộ đã được trẻ hóa, bổ sung thêm cán bộ có chuyên môn cao, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo sử dụng trình độ tin học được nâng lên. Công tác cấp mã số thuế cho người nộp thuế được thực hiện kịp thời nhanh chóng, đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho tập thể,cá nhân được cấp MST.

+ Đối với công tác khấu trừ và hoàn thuế: Chi cục đã thực hiện tốt việc khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho doanh nghiệp, đồng thời vẫn đảm bảo chặt chẽ và đúng quy định, hạn chế tình trạng gian lận làm thất thoát thuế.

+ Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Tập trung rà soát, phân loại đối chiếu để xác định số thuế còn nợ đọng của từng doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Giao chỉ tiêu thu nợ cho từng cá nhân thực hiện trong từng tháng, từng quý, năm. Triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý nợ, cưỡng chế và thu hồi nợ đọng. Đôn đốc thu kịp thời các khoản thu mới phát sinh.

+ Công tác kiểm tra và chống thất thu thuế: Đơn vị đã tập trung đẩy mạnh công tác kiểm tra tại bàn và kiểm tra tại doanh nghiệp, kiểm tra thuế kết hợp với kiểm tra giá, kiểm tra buôn bán hàng giả, hàng lậu theo chỉ đạo của ngành, của UBND Thành phố, tập trung vào những lĩnh vực có dấu hiệu thất thu ở các doanh nghiệp lớn nhưng số thu nộp NSNN thấp và các doanh nghiệp chưa được kiểm tra từ 3 năm trở lên, những doanh nghiệp có nhiều rủi ro.

+ Về công tác tổ chức cán bộ: đã tham mưu để lãnh đạo bố trí, sắp xếp cán bộ theo năng lực của từng người vì vậy đã phát huy hiệu quả trong công tác, đã thực hiện luân chuyển, luân phiên cán bộ theo đúng quy định, tiếp nhận cán bộ mới, giải quyết chế độ cho cán bộ đến tuổi về hưu kịp thời.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc ngày càng được đầu tư đổi mới và hoàn thiện. Thời gian qua Chi cục đã nâng cấp hệ thống máy tính, máy điều hòa được trang bị tất cả các phòng nhằm đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho đội ngũ cán bộ.

+ Về công tác ấn chỉ: đã tiếp nhận, cấp phát ấn chỉ kịp thời, đúng chế độ,

không để mất mát, thất thoát ẩn chi.

+ Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp: thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp giải đáp các vấn đề thắc mắc cho ĐTNT giúp người nộp thuế vừa nâng cao ý thức, vừa nâng cao kiến thức pháp luật về thuế.

2.3.2. Một số mặt hạn chế

Mặc dù việc triển khai thực hiện luật thuế GTGT trong những năm qua đã đạt được nhiều thành công đáng khích lệ, nhưng một số khâu trong quản lý thuế GTGT vẫn còn những điểm hạn chế, yếu kém cần khắc phục:

- Kết quả thu thuế GTGT chưa tương xứng với điều kiện và khả năng của Thành phố: Tuy kết quả thu thuế GTGT luôn có xu thế tăng dần qua các năm, nhưng số thu đó vẫn chưa tương xứng với khả năng và điều kiện của thành phố, chưa khai thác hết nguồn thu. Ở một số lĩnh vực, vẫn còn xảy ra tình trạng thất thu cả về doanh thu lẫn ĐTNT và mức thuế. Số thuế GTGT nợ đọng có giảm nhưng vẫn còn lớn. Trong một số lĩnh vực như: Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng... đã được tăng cường quản lý nhưng vẫn còn thất thu lớn. Tình trạng bỏ sót cơ sở kinh doanh chưa lập bộ quản lý thu thuế đã giảm đi rất nhiều nhưng vẫn chưa triệt để.

- Công tác quản lý đối tượng nộp thuế chưa triệt để: Theo quy định hiện nay, việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh cấp, còn mã số thuế do Cục thuế tỉnh cấp, chưa phân cấp cho Chi cục thuế cấp mã số thuế, cho nên gây khó khăn cho công tác quản lý các DN mới thành lập. Thực tế hàng năm còn một số lượng nhỏ DN được Sở KH-ĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký, kê khai nộp thuế. Công tác phối kết hợp giữa cơ quan thuế với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh còn chưa chặt chẽ, sự thông báo phân cấp của Cục thuế cho Chi cục chưa thường xuyên, chưa nắm bắt kịp thời số DN đăng ký kinh doanh mới cho nên dẫn đến hiện tượng một số DN đã hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa thực hiện kê khai, đăng ký thuế nên chưa đưa vào quản lý thu thuế kịp thời. Có nhiều Doanh nghiệp hoạt động trên địa

bàn Thành phố mang tính chất gia đình, việc nắm bắt các văn bản, chính sách thuế còn hạn chế. Một số doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa quen với chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ nên trong quá trình thực hiện còn nhiều sai sót. Nhiều đối tượng không muốn phối hợp với cán bộ thuế để kê khai cấp mã số thuế. Thủ đoạn trốn thuế, gian lận thuế ngày càng tinh vi, phức tạp rất khó để có thể phát hiện và xử lý.

- Công tác quản lý kê khai thuế chưa hiệu quả: Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tốt trong thời gian qua, nhưng vẫn còn tồn tại tình trạng khai sai, khai thiếu thông tin trên tờ khai. Mặt khác, công tác nhận và kiểm tra tờ khai còn gặp một số khó khăn do cán bộ phụ trách thì ít mà ý thức của NNT còn thấp nên hầu hết đến hạn cuối cùng mới tập trung nộp tờ khai, dẫn đến tình trạng khách hàng đông quá nhưng thiếu cán bộ đồng thời rất dễ gây áp lực cho cán bộ thuế và hiệu quả công việc không cao.

Kê khai thuế qua mạng tuy chiếm tỷ trọng lớn trên 90% nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, do doanh nghiệp chưa nắm bắt kịp thời các thông tin, chưa có kinh nghiệm kê khai thuế qua mạng, một tờ khai giống nhau được gửi nhiều lần. Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế được nâng cấp liên tục nhưng doanh nghiệp không tiếp cận kịp thời, nên thường phải sửa đi sửa lại nhiều lần.

- Công tác xác định - ấn định thuế GTGT chưa chính xác: Công tác quản lý ĐTNT tuy tương đối sát sao nhưng việc quản lý cụ thể tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình biến động doanh thu, chi phí chịu thuế vẫn còn yếu kém. Cán bộ quản lý chưa nắm chắc được doanh thu và chi phí mà chỉ dựa vào số liệu kê khai của đối tượng nộp thuế GTGT nên nhiều ĐTNT lợi dụng quy trình tự kê khai, tự tính thuế đã khai không chi phí và không kê khai đầy đủ doanh thu thực tế để trốn thuế mà cơ quan thuế khó có thể phát hiện được. Vì vậy nhiều trường hợp số thuế GTGT phải nộp thường xuyên âm hoặc phát sinh không đáng kể, gây thất thu cho NSNN.

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chưa triệt để và hiệu quả: Số thuế nợ vẫn còn ở mức cao, nợ đọng vẫn còn kéo dài và có chiều hướng gia tăng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế và chậm: Chất lượng phân tích kiểm

tra hồ sơ khai thuế tại Chi cục thuế còn chưa cao, tình trạng gian lận thuế vẫn còn nhiều, tình trạng thất thu vẫn còn xảy ra. Trình độ nghiệp vụ, kỹ năng kiểm tra các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có dấu hiệu chuyên giá, doanh nghiệp lỗ của cán bộ còn hạn chế, thiếu thông tin giao dịch độc lập... Vẫn còn nhiều ĐTNT GTGT có tình vi phạm luật thuế để gian lận trốn thuế, một số ĐTNT chấp hành chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn, báo cáo quyết toán thuế chưa nghiêm, chưa đúng quy định trong khi công tác thanh tra, kiểm tra chưa thể phát hiện kịp thời và triệt để. Có những trường hợp khi phát hiện ra thì doanh nghiệp đã không còn tồn tại nữa, các đối tượng chịu trách nhiệm đã cao chạy xa bay.

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

Các nguyên nhân chủ quan

Một số nguyên nhân chủ quan cơ bản của những hạn chế, yếu kém trong quản lý thuế GTGT là: Công tác lập dự toán chưa sát với thực tế; chức năng, quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế bị bó hẹp và chưa cụ thể; ý thức trách nhiệm và năng lực của một số cán bộ còn kém; sự phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước chưa chặt chẽ, chưa chủ động.

Công tác lập dự toán chưa sát với thực tế: Việc lập dự toán chưa thực sự gắn liền với nền kinh tế, mang nặng thành tích, áp đặt năm sau dự toán thu phải cao hơn năm trước mà không quan tâm tới khả năng thực hiện dự toán đó thế nào. Việc lập dự toán chưa tốt một phần cũng do lối mòn trong quản lý của chúng ta từ trước đến nay. Lúc nào cũng áp đặt năm sau dự toán thu phải cao hơn năm trước mới đúng, mới tốt, lập ra một bản dự toán mà lúc thực hiện cứ vượt dự toán ban đầu nhiều là được biểu dương khen ngợi. Điều này cho thấy một sự lạc hậu của chúng ta so với thế giới trong khâu lập dự toán. Chưa kể đến các chính sách thuế sửa đổi bổ sung trong năm thực hiện dự toán mà dự toán thì được lập từ năm trước. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc quản lý.

Năng lực và ý thức trách nhiệm của một số cán bộ còn kém: ý thức trách nhiệm và năng lực của một bộ phận cán bộ còn kém, còn bàng quan với công việc, xa rời thực tiễn, thụ động trong công tác. Trong khi đó thái độ xử lý của Chi cục

chưa kiên quyết, còn nương nhẹ, do đó công tác quản lý chưa phát huy tối đa năng lực của mỗi cán bộ. Ngoài ra còn do chế độ đãi ngộ chưa thỏa đáng làm ảnh hưởng không nhỏ tới trình độ chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp của cán bộ thuế. Mặc dù đã được làm công tác tư tưởng, được tập huấn trước khi triển khai thực hiện Luật quản lý thuế nhưng cách nghĩ, cách làm của một số công chức chưa theo kịp tiến độ đổi mới, chưa thấy hết tính ưu việt của mô hình tổ chức bộ máy theo chức năng với việc triển khai mạnh mẽ các ứng dụng công nghệ tin học để chuyên môn hóa công việc và liên kết hoá các bộ phận của quy trình quản lý thuế nên hiệu quả chưa đạt như mong muốn. Nhiều cán bộ còn yếu về tin học nên hạn chế trong việc khai thác thông tin, dữ liệu về người nộp thuế.

Cơ quan thuế chưa phát hiện và xử lý triệt để các trường hợp vi phạm: Khi xã hội ngày càng phát triển thì số lượng ĐTNT cố tình vi phạm pháp luật về thuế để gian lận và trốn thuế GTGT ngày càng tăng với thủ đoạn ngày càng tinh vi. Chính vì vậy việc phát hiện ra các trường hợp sai phạm và vi phạm đối với cơ quan thuế ngày càng trở nên khó khăn hơn, chưa thể phát hiện đầy đủ và kịp thời. Có những trường hợp khi phát hiện ra thì đối tượng chịu thuế GTGT không còn tồn tại nữa, các đối tượng chịu trách nhiệm đã cao chạy xa bay.

Chức năng và quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế bị bó hẹp và chưa cụ thể: Công tác kiểm tra hiện tại chỉ được thực hiện qua một khâu, các biên bản kiểm tra về thuế nếu không có khiếu nại, tố cáo thì hầu như không được phúc tra, nên dễ dẫn tới việc buông lỏng quản lý, bỏ sót nguồn thu hoặc tạo điều kiện cho một số cán bộ thông đồng với doanh nghiệp gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Chức năng điều tra các hành vi trốn thuế, gian lận tiền thuế chưa được quy định là một chức năng của cơ quan thuế. Lực lượng thanh tra, kiểm tra thuế ở Chi cục thuế Thành phố Hải Dương vẫn còn hạn chế (chỉ chiếm khoảng 20% trong tổng số cán bộ trong cơ quan) trong khi khối lượng công việc nặng nề, khó khăn. Việc phối hợp quản lý, kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn, chứng từ của các doanh nghiệp giữa các bộ phận trong cơ quan thuế chưa có quy chế cụ thể, chưa đáp ứng được yêu cầu nhanh, chính xác, hiệu quả để phục vụ tốt cho quản lý thuế GTGT.

Việc phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước còn lỏng lẻo, chưa hiệu quả:

Việc phối hợp trong việc quản lý đối tượng đăng ký kinh doanh còn yếu, có trường hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép kinh doanh nhưng doanh nghiệp chưa đến đăng ký nộp thuế mà cơ quan thuế vẫn không biết, cơ quan thuế không theo dõi được tình hình hoạt động của các doanh nghiệp sau khi đăng ký thuế nên có doanh nghiệp đã nghỉ kinh doanh nhưng cơ quan thuế vẫn không biết. Hay có trường hợp ĐTNТ chây ì, chưa nộp thuế vào Kho bạc nhưng cơ quan thuế chưa phát hiện kịp thời. Sự phối hợp giữa cơ quan thuế với Hải quan trong việc quản lý thuế GTGT đối với hàng hoá xuất- nhập khẩu còn hạn chế nên còn dễ xảy ra tình trạng ĐTNТ khai không xuất- nhập khẩu hàng hóa để xin khấu trừ, hoàn thuế GTGT gây thất thu cho Ngân sách Nhà nước. Ngoài ra khi Cục thuế thực hiện cấp mã số thuế cho cơ sở SXKD mới còn chậm tiến hành trong việc phân cấp quản lý cho Chi cục dẫn đến ảnh hưởng đến quá trình quản lý của Chi cục.

Các nguyên nhân khác quan

Quản lý thuế GTGT tại Chi cục thuế thành phố Hải Dương còn tồn tại một số những vấn đề yếu kém. Nguyên nhân của những yếu kém này không phải chỉ từ phía cơ quan thuế mà còn có tác động của một số nguyên nhân khác quan khác như: Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật thuế GTGT còn nhiều hạn chế và kẽ hở; chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế còn nhiều hạn chế; môi trường pháp lý chưa phù hợp; các quy định của Nhà nước chưa phù hợp; nền kinh tế của Thành phố phát triển chưa cao, chưa đồng đều....

Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật thuế GTGT còn nhiều hạn chế và kẽ hở: Qua hơn 15 năm thực hiện, do việc giải quyết những “giải pháp tình thế” bằng các văn bản dưới luật nên cho đến nay hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT đã rơi vào tình trạng chông chéo, chắp vá gây khó khăn cho việc tiếp cận của các DN cũng như việc quản lý của cơ quan thuế. Đã có rất nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và đều có hiệu lực thi hành như nhau, gây nhiều khó khăn, phức tạp trong điều hành, tổ chức và quản lý thuế. Chưa nói đến giữa các văn bản lại phát sinh những vấn đề mâu thuẫn, không

nhất quán, gây khó khăn khi thực hiện. Đồng thời luật thuế GTGT cũng bộc lộ nhiều kẽ hở như: Hiện nay nước ta đang áp dụng 3 mức thuế suất 0%, 5%, 10%. Lúc này muốn tạo ra một sắc thuế thật công bằng thì cơ quan hoạch định chính sách phải xây dựng các tiêu chuẩn phân loại hàng hóa, dịch vụ để từ đó áp vào các mức thuế suất khác nhau. Điều này không phải lúc nào cũng được thực hiện thuận lợi vì sự khác nhau giữa các loại hàng hóa này rất khó phân định. Hơn nữa một loại hàng hóa cũng có thể chịu hơn một mức thuế suất mà ranh giới phân định giữa các mức thuế suất chưa thật sự rõ ràng. Do vậy, lợi dụng điều này các doanh nghiệp có thể trốn thuế gây thất thu cho NSNN. Ngoài ra, một trong những khó khăn vướng mắc lớn nhất trong quá trình thực hiện luật thuế GTGT ở nước ta là hóa đơn, chứng từ. Do đặc điểm của luật thuế GTGT là tăng cường hạch toán kinh tế và thực hiện chặt chẽ nguyên tắc dựa vào hóa đơn mua hàng để khấu trừ số thuế GTGT đã nộp ở khâu trước, tuy nhiên nền kinh tế nước ta hiện nay việc mua bán vẫn chủ yếu là bằng tiền mặt, một số lượng lớn các giao dịch không cần tới hóa đơn nên dẫn tới việc kiểm soát thuế GTGT chưa sát và đúng với thực tế. Chưa kể đến việc thi hành chủ trương khuyến khích xuất khẩu đã giải quyết hoàn thuế nhanh chóng và tương đối thông thoáng cho doanh nghiệp nên nhiều doanh nghiệp cố tình lợi dụng để vi phạm chiếm đoạt tiền thuế GTGT của ngân sách. Hoàn thuế là một thuộc tính ưu việt của thuế GTGT, để khuyến khích xuất khẩu, Nhà nước đã cho áp dụng cơ chế hậu kiểm (hoàn thuế trước, kiểm tra sau) tương đối thông thoáng. Nhưng cũng do tính thông thoáng, thủ tục đơn giản nên đã xảy ra nhiều hiện tượng gian lận trong việc xin hoàn thuế, tạo cơ hội cho kẻ gian lợi dụng để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước.

Chức năng nhiệm vụ của cơ quan thuế còn nhiều hạn chế: Theo quy định của Nhà nước và Luật quản lý thuế hiện hành thì cơ quan thuế không có chức năng điều tra, khởi tố các vi phạm pháp luật thuế mà phải chuyển qua cơ quan công an. Trong khi đó, lực lượng công an gặp rất nhiều khó khăn trong việc điều tra do thiếu thông tin về ĐTNТ; thiếu chuyên môn về quản lý thuế, khi chuyển từ cơ quan thuế sang cơ quan điều tra, việc tiếp cận tài liệu, sổ sách kế toán và các hồ sơ khác có liên quan đến hành vi trốn thuế của DN lại phải bắt đầu lại từ đầu, cho dù đã có những

kết quả sơ bộ sau quá trình thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, công tác điều tra các trường hợp vi phạm về thuế của ĐTNT tiến hành rất chậm và hiệu quả chưa cao.

Môi trường pháp lý chưa phù hợp: Môi trường pháp lý cho kinh doanh đã thay đổi nhưng vẫn chưa phù hợp với yêu cầu của việc thực hiện luật thuế GTGT. Chẳng hạn, còn rất nhiều doanh nghiệp và hộ kinh doanh cố tình không phát hành hoá đơn khi bán hàng, hoặc phát hành hoá đơn khống (không có hàng hoá) bán cho doanh nghiệp khác để được khấu trừ thuế đầu vào nhưng cơ quan thuế chưa kiểm soát được. Luật doanh nghiệp quá thông thoáng, thủ tục thành lập doanh nghiệp đơn giản, không có sự kiểm tra kịp thời sau đăng ký kinh doanh nên có nhiều doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng không khai báo nộp thuế mà cơ quan thuế vẫn không phát hiện ra. Mặt khác cơ quan thuế cũng chưa theo dõi được liên tục tình hình hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký, do vậy nhiều trường hợp doanh nghiệp không kinh doanh hoặc đã bỏ kinh doanh nhưng cơ quan thuế không phát hiện được kịp thời nên vẫn bán hoá đơn trên cơ sở hồ sơ đăng ký kinh doanh đã được cấp. Một số doanh nghiệp đã lợi dụng chủ trương thông thoáng về cấp đăng ký kinh doanh để thành lập doanh nghiệp nhưng không đăng ký thuế hoặc thành lập các doanh nghiệp “ma” để chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước bằng nhiều cách.

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay còn thiếu tính đồng bộ. Sự thiếu thống nhất về chính sách, chế độ đã tạo ra kẽ hở, thậm chí trở nên rất nguy hiểm nếu có sự thông đồng giữa các đối tượng nộp thuế và cán bộ thuế.

Các quy định của Nhà nước chưa phù hợp. Nhà nước chưa quy định bắt buộc các doanh nghiệp kết nối mạng máy tính của doanh nghiệp với cơ quan quản lý Nhà nước, chưa quy định về việc khai thác trên mạng số liệu thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, chưa xây dựng hệ thống các tiêu chí chuẩn về doanh nghiệp để áp dụng quản lý doanh nghiệp thông qua hệ thống máy tính. Do đó, việc áp dụng hệ thống quản lý thuế trên máy tính chưa phát huy hết hiệu quả.

Do chính sách phân cấp quản lý thu của trung ương còn chưa phù hợp, việc phải quản lý tất cả các ĐTNT tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trên địa bàn rộng lớn toàn Thành phố đã gây không ít khó khăn cho công tác quản lý của Chi cục.

Việc thanh toán trong mua, bán hàng hoá vẫn chủ yếu thực hiện bằng tiền mặt và ngân phiếu đang là một thách thức lớn đối với công tác kiểm tra các hoạt động kinh tế, hạn chế công tác quản lý thuế. Hiện nay, Nhà nước chỉ mới quy định các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu nếu muốn được hoàn thuế thì phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng, còn lại các doanh nghiệp chủ yếu vẫn đang duy trì việc thanh toán bằng tiền mặt.

Ý thức chấp hành luật thuế của người nộp thuế còn chưa cao: Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu phấn đấu của các nhà kinh doanh là lợi nhuận tối đa. Do vậy họ luôn tìm cách để tăng lợi nhuận và giảm thiểu chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Với việc cho rằng nộp thuế cho Nhà nước đã làm giảm đi quyền lợi vật chất mà lẽ ra họ được hưởng. Cho nên vì lợi ích trước mắt của riêng mình họ luôn có tư tưởng và hành động không tuân thủ pháp luật về thuế, tìm mọi cách để không phải nộp thuế hoặc nộp thuế với mức thấp nhất so với nghĩa vụ phải nộp theo quy định trong các luật thuế.

**Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA
TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

3.1. Phương hướng và mục tiêu về quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Hải Dương đến năm 2020

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Dương đến năm 2020

Theo Nghị quyết số 31/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương nói chung và Thành phố Hải Dương nói riêng như sau:

Về quan điểm, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với quan điểm phát triển bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân; sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, nguồn tài nguyên, khoáng sản; gìn giữ và bảo vệ môi trường. Gắn kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với quá trình phát triển chung của Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Mục tiêu phát triển tổng quát đến năm 2020, tỉnh Hải Dương phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện, đưa Hải Dương cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp có nền tảng kinh tế công nghiệp hóa, văn hóa - xã hội tiến bộ văn minh, môi trường bền vững, quốc phòng- an ninh vững chắc, trở thành trung tâm kinh tế, đô thị lớn và hiện đại ở Đồng bằng sông Hồng vào năm 2020.

Hội đồng nhân dân Tỉnh chỉ rõ trong Nghị quyết, sau năm 2020 thành phố Hải Dương trở thành vùng đô thị tập trung của tỉnh, là nơi tập trung các trường đại học và khu công nghệ cao, hướng đến trở thành một trung tâm đô thị, thành phố công nghiệp, dịch vụ, du lịch và khoa học - công nghệ ở Đồng bằng sông Hồng vào năm 2030.

Tán thành với việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa – xã hội, bảo vệ môi trường đến năm 2020 cho phù hợp với điểm xuất phát năm 2010 và bối cảnh, điều kiện trong tình hình mới. Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương phấn đấu đạt một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

(1)- Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GDP*) tăng 11% - 11,5%/năm, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,8%/năm, khu vực công nghiệp tăng bình quân 12,6% – 12,8%/năm, khu vực dịch vụ tăng bình quân 12,3% – 12,5%/năm.

(2)- Cơ cấu kinh tế Nông, lâm nghiệp, thủy sản – công nghiệp, xây dựng - dịch vụ năm 2020 là: 13,3% - 50,2% - 36,5%.

(3)- *GDP* bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.400 – 3.500 USD.

(4)- Giá trị xuất khẩu tăng bình quân 16% - 16,5%/năm.

(5)- Huy động ngân sách/*GDP* vào năm 2020 đạt 14 – 15%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 16 – 16,5%/năm.

(6). Vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2011 – 2020 đạt 410 – 420 ngàn tỷ đồng.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

Trong thời gian tới, nước ta chuẩn bị bước vào giai đoạn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020. Đây là giai đoạn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển 10 năm 2011- 2020, với mục tiêu tổng quát đến năm 2020 Việt Nam trở thành nước công nghiệp có trình độ phát triển trung bình. Bên cạnh đó, nước ta ngày càng đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hải Dương là thành phố có mức tăng trưởng kinh tế cao, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước nên công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng trên địa bàn phải đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Quản lý thuế GTGT đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh nói chung và doanh nghiệp tư nhân nói riêng trên địa bàn Thành phố Hải Dương phải tạo môi trường pháp lý bình đẳng, công bằng trong sản xuất, kinh doanh, không phân biệt

các loại hình doanh nghiệp, góp phần thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Kinh tế TP. Hải Dương đã, đang thu được những thành quả tốt, trong tương lai sẽ thay đổi nhiều trong tiến trình phát triển. Số lượng người nộp thuế sẽ tăng lên nhanh chóng. Những thay đổi này sẽ đặt lên vai tổ chức bộ máy quản lý thu thuế trọng trách ngày càng lớn. Công tác quản lý thu thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng theo phương hướng chung hay phương hướng cụ thể đều là đảm bảo nguồn thu cho NSNN. Tuy nhiên đảm bảo nguồn thu không có nghĩa là tận thu. Chi cục Thuế TP Hải Dương luôn có chủ trương lấy tôn chỉ ngành thuế làm đầu trong mọi hoạt động thu thuế, đó là: “minh bạch, liêm chính, đổi mới”, “thu thuế, thu được cả lòng dân”. Để thực hiện tốt các Luật thuế và các quy trình quản lý thuế mới có hiệu quả, đặc biệt là quản lý tốt đối với sắc thuế GTGT, Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần phối hợp với ban, ngành thực hiện các định hướng sau đây:

Một là, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh thường xuyên công tác tuyên truyền về thuế và thuế GTGT.

Hai là, rà soát lại các đối tượng đã được cấp mã số thuế nhưng chưa gửi tờ khai thuế theo quy định để nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc quy định hiện hành về việc kê khai và nộp thuế GTGT.

Ba là, giải quyết kịp thời việc hoàn thuế GTGT theo đúng quy định của Luật thuế, đồng thời đôn đốc các doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo thông báo thuế.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ hoá đơn chứng từ và hạch toán kế toán, kê khai nộp thuế của các doanh nghiệp để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, tiếp tục theo dõi nắm bắt diễn biến trong quá trình thực hiện các Luật thuế, kịp thời phát hiện những vướng mắc phát sinh và đề xuất các biện pháp xử lý. Đồng thời tập trung chỉ đạo giúp doanh nghiệp sắp xếp lại sản xuất, xây dựng phương án kinh doanh, xử lý giá đầu vào, đầu ra hợp lý để thực hiện nghiêm Luật thuế.

Năm là, phối hợp với cơ quan Kho bạc, ngân hàng để tổ chức việc thu thuế qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, bảo đảm các thủ tục nộp thuế được nhanh chóng kịp thời cho đối tượng nộp thuế. Tiến hành việc nối mạng thông tin giữa Kho bạc

Nhà nước với Cục Thuế và Chi cục Thuế để thường xuyên đối chiếu kịp thời số thuế đã nộp.

Sáu là, tăng cường công tác quản lý nội ngành, thắt chặt kỷ cương, pháp luật, đổi mới phương pháp làm việc, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực chuyên môn của cán bộ thuế, tiếp tục thực hiện tốt việc phòng chống tham nhũng, chống lãng phí và trang bị thêm phương tiện kỹ thuật để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao.

Bảy là, tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, đối thoại với các Doanh nghiệp để nắm được những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong việc thực hiện luật thuế GTGT và đề xuất các biện pháp tháo gỡ. Thực hiện tốt phương châm: Khai thác, phát hiện nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu để bảo đảm nguồn thu ổn định vững chắc, lâu dài.

Tám là, đẩy mạnh linh hoạt sự phối hợp với các cơ quan Tài chính, Kho Bạc, Quản lý thị trường và các ngành liên quan khác trong việc thực hiện các Luật thuế.

Chín là, tiếp tục tăng cường củng cố, phát huy tác dụng quản lý thu theo quy trình Quản lý thuế GTGT. Quy định các biện pháp quản lý chặt chẽ hoá đơn GTGT theo hướng các doanh nghiệp tự in hoá đơn và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoá đơn tự in.

Với các định hướng nêu trên, Chi cục thuế thành phố Hải Dương rất cần có những giải pháp để có thể nhanh chóng hoàn thiện quản lý thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Dương.

3.2. Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương đến năm 2020

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện các thủ tục hành chính thuế giá trị gia tăng

Để hoàn thiện các thủ tục hành chính thuế GTGT đòi hỏi cải cách thủ tục hành chính thuế là yêu cầu bức thiết đặt ra trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác cải cách thủ tục hành chính đối với sự phát triển, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, trong nhiều năm

qua, ngành Thuế đã đẩy mạnh thực hiện lĩnh vực này. Kết quả ban đầu cho thấy đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, tuy nhiên, trước yêu cầu của phát triển, cải cách thủ tục hành chính thuế cần tiếp tục được thực hiện triệt để hơn nữa...

Xử lý nghiêm các vi phạm hành chính về thuế

Việc xử lý vi phạm pháp luật thuế tại Chi cục Thuế thành phố Hải Dương không được các bộ phận thực hiện nghiêm túc, nhiều trường hợp phát hiện nhưng không xử lý, hoặc xử lý không nghiêm minh, có trường hợp cố tình làm ngơ sai phạm của ĐTNT của cán bộ thuế. Do vậy, việc xử lý vi phạm về thuế không có tác dụng răn đe ĐTNT và làm giảm ý thức tự giác của ĐTNT, cũng như chưa phát huy được quyền lực của cơ quan thuế.

Để khắc phục những điểm còn tồn tại Chi cục Thuế thành phố Hải Dương triển khai các giải pháp như:

Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nghĩa vụ đăng ký, kê khai nộp thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế để kịp thời phát hiện những sai phạm có hướng xử phạt hợp lý. Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định mức xử phạt thích hợp

Đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật về thuế phải được phát hiện và đình chỉ ngay. Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế phải được tiến hành kịp thời, công khai, minh bạch, triệt để mọi hậu quả do vi phạm pháp luật về thuế gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt việc xử phạt vi phạm hành chính ở tất cả các khâu như đăng ký thuế, kê khai nộp thuế,....

Cần nâng cao hiệu quả và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động xử lý vi phạm hành chính.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho NNT để họ không mắc phải những lỗi do không nắm chắc về chính sách pháp luật thuế

Xây dựng cơ chế chặt chẽ và đầy đủ đảm bảo cho việc xử lý vi phạm hành chính có hiệu quả và chất lượng, đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đáp ứng yêu cầu quản lý thu thuế GTGT trên địa bàn tỉnh.

Thiết kế thêm phần mềm hỗ trợ trong việc xử lý vi phạm pháp luật theo từng hành vi từ khâu lập biên bản, ra quyết định đến việc gửi biên bản và quyết định đến NNT để xử lý được triệt để đối với NNT vi phạm pháp luật.

Chú trọng công tác phối hợp giữa các phòng chức năng trong cơ quan thuế và các ngành liên quan (Hải Quan, Sở Tài chính...) để kịp thời phát hiện những sai sót và xử lý vi phạm hành chính đối với những sai sót đó.

Tăng cường việc áp dụng tin học vào quản lý thuế giá trị gia tăng

Tăng cường việc áp dụng tin học vào quản lý thuế GTGT nhằm giảm thiểu các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong quá trình kê khai, tính thuế và quyết toán thuế.

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống tin học nhằm đáp ứng yêu cầu của quản lý thuế GTGT trên máy tính, khuyến khích các Doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng. Việc tăng cường phát triển hệ thống tin học phải được thực hiện đồng thời với việc tăng cường đào tạo trình độ tin học cho cán bộ ngành thuế, có như vậy thì chất lượng công tác mới được nâng cao.

Thực hiện công tác giải đáp vướng mắc, hỗ trợ, hướng dẫn NNT cài đặt, sử dụng ứng dụng được thực hiện qua thư điện tử, công cụ hỗ trợ từ xa qua Internet để khắc phục những hạn chế của hình thức hỗ trợ trực tiếp hoặc qua điện thoại.

Kết nối và Tiếp tục đảm bảo an toàn cho hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu thu ngân sách giữa các đơn vị thuế, hải quan, kho bạc, ngân hàng nhằm quản lý số thu được chính xác, kịp thời. Phát triển công tác quản lý trên mạng máy tính, triển khai tích cực và có hiệu quả chương trình quản lý ấn chỉ trên mạng, đưa lên mạng thông tin về những đối tượng gian lận, bỏ trốn và các hoá đơn sai phạm.

Đề nghị với lãnh đạo Chi cục thuế thành phố thành lập một trang thông tin điện tử riêng nhằm giúp các ĐTNT dễ dàng cập nhập các thông tin, các chính sách thuế mới, chế độ kế toán mới.

3.2.2. Nhóm giải pháp tăng cường việc giám sát tuân thủ pháp luật thuế giá trị gia tăng

Về quản lý việc chấp hành các quy định về hóa đơn chứng từ

Tăng cường công tác hạch toán, kế toán để phù hợp với việc quản lý trên máy tính. Hướng dẫn, chỉ đạo các ĐTNT thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định để đảm bảo thực hiện tốt quy trình tự tính, tự kê khai nộp thuế. Đây chính là căn cứ và cơ sở để xác minh việc tự tính, tự kê khai thuế của ĐTNT khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra. Tiếp tục triển khai, củng cố duy trì và nâng cao chất lượng lập và ghi chép sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế của ĐTNT. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán, kế toán, quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ, công tác ấn chỉ thuế, kịp thời phát hiện và xử lý ngay những trường hợp vi phạm. Khi doanh nghiệp đến mua hoá đơn, yêu cầu phải có đầy đủ các giấy tờ cần thiết kèm theo như: giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, các giấy tờ liên quan để xác định trụ sở, sự tồn tại thực tế của doanh nghiệp. Đối với ĐTNT mới đến mua hoá đơn lần đầu hoặc doanh nghiệp mới thành lập thì chỉ nên bán với số lượng hạn chế và phải kiểm tra ngay tờ khai thuế tháng đầu. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in nhưng phải có quy định chặt chẽ hơn. Đối với những doanh nghiệp tạm nghỉ kinh doanh hoặc bỏ kinh doanh phải kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn để thu hồi những hoá đơn chưa sử dụng. Tăng cường công tác quản lý hoá đơn, chứng từ góp phần lành mạnh hoá thị trường, chống gian lận thương mại và tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp nếu phát hiện ra sự gian lận trong sử dụng hoá đơn, chứng từ kế toán của ĐTNT GTGT để trốn thuế, Chi cục cần đưa ra biện pháp xử phạt nghiêm minh, ngoài phạt hành chính, phạt theo tỷ lệ số thuế gian lận, còn có thể đưa ra cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết, nếu vi phạm nghiêm trọng và đã tái phạm nhiều lần để răn đe và nâng cao ý thức chấp hành luật thuế của các ĐTNT.

Tăng cường phối hợp với các ngành, chức năng để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát, phát hiện sai phạm trong việc tuân thủ pháp luật thuế giá trị gia tăng

Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng trong việc quản lý đối tượng nộp thuế. Ngoài việc chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan chuyên môn, Chi cục thuế nhất thiết phải tranh thủ sự lãnh đạo, phối hợp giúp đỡ của chính quyền các cấp, các ban, ngành. Ngành thuế cần tăng cường phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng có liên quan như Hải quan, Công an, Quản lý thị trường, Chính quyền địa phương và hội đồng tư vấn thuế các cấp để tạo thành sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, thu nộp thuế. Vừa đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, chống các hiện tượng gian lận, trốn, tránh thuế, vừa tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh, thực hiện công bằng trong chính sách động viên của ngân sách Nhà nước. Để công tác phối hợp đạt kết quả tốt cần xây dựng các quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin tài liệu, quy trình chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng có thẩm quyền và hồi đáp khi giải quyết các vụ việc liên quan đến người nộp thuế. Phối hợp quản lý chặt chẽ doanh nghiệp từ khi thành lập, hoạt động đến khi giải thể hoặc phá sản.

3.2.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy trình quản lý thuế giá trị gia tăng

Về quản lý đối tượng nộp thuế

Quản lý ĐTNT là một trong những công tác trọng điểm bởi có thực hiện công tác này thì công tác khác như tính thuế, thu thuế, quản lý nợ đọng, thanh tra, kiểm tra thuế mới không gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Trong thời gian tới, cán bộ thuế cần phải tiếp tục bám sát địa bản, tăng cường theo dõi ĐTNT theo từng ngành nghề, lĩnh vực, phân loại doanh nghiệp theo quy mô hoạt động để áp dụng biện pháp quản lý thích hợp đồng thời tích cực thanh tra, kiểm tra, phát hiện về sự thay đổi cơ cấu, ngành nghề kinh doanh của các đơn vị, các đơn vị báo nghỉ kinh doanh, giải thể hay phá sản để kịp thời thống kê một cách chính xác số đơn vị kinh doanh trên địa bàn quản lý.

Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành liên quan trong việc quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn để giám sát chặt chẽ mọi hoạt động và biến động của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp bỏ trốn, chuyển địa bàn, những đối tượng có hoạt động kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp mã số thuế để đưa

vào diện quản lý thu thuế. Theo dõi chặt chẽ các DN kinh doanh mới ra hoạt động, bỏ kinh doanh, xin nghỉ kinh doanh, phân tán, di chuyển địa điểm. Thường xuyên thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, đã xin cấp mã số thuế nhưng nhiều tháng không kê khai, nộp thuế; sau đó đề nghị thu hồi đăng ký kinh doanh, tránh tình trạng doanh nghiệp lợi dụng mã số thuế và hóa đơn làm ăn phi pháp.

Đối với các doanh nghiệp ngừng, nghỉ kinh doanh đề nghị thực hiện kiểm tra tại doanh nghiệp đảm bảo hoàn tất nghĩa vụ thuế cho NNT để thực hiện thủ tục đóng mã số thuế đúng quy định.

Xuất phát từ những khó khăn trong việc tra cứu thông tin của các doanh nghiệp, nhiều khi để xác minh, cán bộ thuế còn đến tận nơi đơn vị để lấy thông tin điều này làm lãng phí thời gian và làm giảm hiệu quả quản lý thu thuế do vậy nên chủ động đưa thông tin doanh nghiệp lên internet, đẩy mạnh triển khai công nghệ tin học vào tất cả các khâu quản lý thuế và đặc biệt là quản lý ĐTNT. Nâng cấp kịp thời các ứng dụng để phù hợp với sự thay đổi của các quy định về thuế. Đồng thời tổ chức xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống ứng dụng để phục vụ việc thu thập, xử lý thông tin NNT.

Về quản lý kê khai

Quản lý kê khai trong những năm qua tuy đã đạt được những thành tích đáng kể tuy nhiên vẫn cần được tăng cường trên tất cả các khâu, cụ thể có thể xem xét một số vấn đề sau:

Thứ nhất, công tác kiểm tra tờ khai cần phải được tiến hành chặt chẽ trước khi nhập tờ khai vào cơ sở dữ liệu ngành tại đội KK - KKT – TH và sau khi được nhập tại đội kiểm tra, trên cơ sở khai thác triệt để thông tin về các DN trong dữ liệu ngành. Do vậy, cần phải thu thập thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp từ nhiều kênh khác nhau để có thể kiểm định được tờ khai một cách nhanh chóng, chính xác, hạn chế thực hiện kiểm tra tại doanh nghiệp. Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần xây dựng một bộ phận cộng tác viên để thu thập thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của DN, bổ sung thông tin vào cơ sở dữ liệu quản lý ngành.

Điều quan trọng là Chi cục thuế cần có cơ chế để sử dụng và phát huy như cơ chế thường cho việc cung cấp thông tin và giữ bí mật về người cung cấp thông tin.

Thứ hai, Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đối chiếu, xác định chính xác số liệu, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế nhằm phát hiện những trường hợp kê khai không đúng, không đủ, không đúng hạn để có biện pháp chấn chỉnh, kê khai bổ sung nộp. Đồng thời phải lập danh sách các DN thường xuyên nộp chậm hoặc không nộp hồ sơ khai thuế để tăng cường tập trung chú ý đến các DN này, có thể kết hợp với các hình thức phạt nặng để răn đe.

Thứ ba, nâng cao chất lượng tờ khai, hạn chế các sai sót khi áp dụng chương trình phần mềm HTKK tại các doanh nghiệp. Nội dung này đòi hỏi cần thường xuyên mở các lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm HTKK cho các doanh nghiệp kết hợp với các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ; đồng thời về phần mềm cần có sự sửa đổi, nâng cấp kịp thời đáp ứng thay đổi của chế độ chính sách liên quan cũng như phát sinh trong quá trình thực hiện.

Thứ tư, đội KK&KTT sau khi nhập tờ khai phát hiện thấy các trường hợp kê khai sai, tăng giảm đột biến số thuế phát sinh, hoặc doanh nghiệp có phát sinh chứng từ nộp tình ngoài nhưng không kê khai doanh thu, hoặc các trường hợp điều chỉnh tăng giảm có nghi vấn trên tờ khai, bộ phận kế toán thuế chuyển phiếu phối hợp cho phòng kiểm tra và giải quyết, sau đó thông báo kết quả cho đội KK - KTT - TH phối hợp theo dõi và đôn đốc.

Về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Quản lý nợ và cưỡng chế nợ là công tác quan trọng vì mục đích cuối cùng là số thu vào NSNN. Để nâng cao chất lượng quản lý nợ thuế, giảm số nợ thuế của các DN, cán bộ quản lý thuế phải thường xuyên tổng hợp số liệu nợ, thu nợ, phân tích đánh giá tình hình thực hiện, phân tích nguyên nhân số nợ tăng. Hàng tháng, lập kế hoạch đối chiếu đôn đốc nợ cụ thể với từng đội kiểm tra. Tăng cường quản lý nợ, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về NNT.

Với cơ chế thành lập doanh nghiệp thông thoáng như hiện nay, nhiều DN đã lợi dụng vấn đề này để thành lập DN rồi chây ì, nợ đọng thuế, gây khó khăn trong

công tác quản lý thu thuế và thất thu NSNN. Để kiểm soát và hạn chế được nợ đọng thuế, cần phải áp dụng những biện pháp tích cực, kiên quyết để cưỡng chế và truy thu thuế như phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản đấu giá để truy thu nợ thuế. Đối với những trường hợp vi phạm nghiêm trọng cần xử lý hình sự theo quy định của Luật quản lý thuế. Có như vậy mới có tác dụng răn đe, ngăn chặn được các trường hợp vi phạm về sau.

Công tác thu hồi nợ đọng thuế:

Tăng cường phạt nộp chậm, đưa lên phương tiện thông tin đại chúng về DN chậm nộp thuế, nợ thuế. Thường xuyên chuyển tải thông tin đối tượng nợ thuế chây ỳ từ 90 ngày trở lên lên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài, trang thông tin điện tử ngành để các DN khác nắm bắt được tình hình, tránh rủi ro cho DN và có những biện pháp cưỡng chế mạnh hơn. Kiên quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các trường hợp dây dưa, chây ỳ nộp thuế.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan như: Kho bạc nhà nước, hệ thống ngân hàng nơi đối tượng nộp thuế có tài khoản để nhắc nhở các doanh nghiệp nộp đúng, nộp đủ số thuế vào NSNN. Khi nhắc nhở mà doanh nghiệp vẫn không chịu thực hiện cần có sự phối hợp với các ban ngành có liên quan tổ chức truy thu và phạt.

- Thực hiện đầy đủ chức năng của hệ thống quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, bố trí công chức quản lý nợ theo hướng tập trung nguồn lực cho những địa bàn có số thu lớn. Giao chỉ tiêu thu nợ thuế cho từng cán bộ trực tiếp quản lý nợ, coi đây là tiêu chí đánh giá, bình xét hoàn thành nhiệm vụ của từng cá. Đồng thời có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời cho những cán bộ thực hiện tốt.

- Cán bộ thuế phải theo dõi thường xuyên, đôn đốc thường xuyên việc thu nộp thuế hàng tháng, hàng quý, không để doanh nghiệp dây dưa tiền thuế, khoán mức thu thuế đối với từng cán bộ làm công tác thu thuế, và gắn trách nhiệm vật chất đối với từng cán bộ về số thuế khoán thu nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu thuế và trách nhiệm của cán bộ thuế.

- Cần tăng cường công tác phân loại nợ thuế để có biện pháp xử lý số thuế nợ đọng. Đối với những khoản nợ do những DN đã giải thể, mất tích cần lập hồ sơ

trình Bộ tài chính làm thủ tục xoá nợ thuế, đối với những khoản nợ có khả năng thu cần áp dụng các biện pháp mạnh như phát lệnh thu qua ngân hàng để trích tiền từ tài khoản nhằm đảm bảo thu đủ tiền thuế.

Bên cạnh đó, các bộ phận chức năng khác trong Chi cục cần phối hợp chặt chẽ với bộ phận quản lý nợ để có sự rà soát số nợ thực, nợ ảo, có các biện pháp đôn đốc kịp thời nhằm hạn chế nợ phát sinh và thu nợ cũ đạt hiệu quả.

Về quản lý hoàn thuế

Chi cục thuế Thành phố Hải Dương cần thực hiện tốt công tác hoàn thuế nhằm thực hiện tốt các mục đích của hoàn thuế như: trả lại cho doanh nghiệp phần vốn mà doanh nghiệp đã ứng ra để trả thuế GTGT thay cho người tiêu dùng khi mua hàng hóa dịch vụ nhưng chưa thu lại được hết qua bán hàng; khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ; tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ để đủ điều kiện hoàn thuế. Tại Chi cục thuế Thành phố Hải Dương hiện nay công tác kiểm tra hoàn thuế được tiến hành dưới 2 hình thức là “hoàn thuế trước, kiểm tra sau” và “kiểm tra trước, hoàn thuế sau”. Nhờ vậy mà hạn chế được khá nhiều tiêu cực.

Cơ chế tự tính tự khai nộp thuế ngày càng được rút gọn trong quy trình quản lý, cơ quan thuế không phải ra thông báo thuế. Tuy nhiên, cơ quan thuế phải có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, kiểm tra bộ hồ sơ hoàn thuế, không gây nhiều bất lợi cho phía các doanh nghiệp. Tránh tình trạng hoàn thuế quá chậm, thủ tục rườm rà, kéo dài gây thiệt hại cho doanh nghiệp xin hoàn thuế. Vì vậy, Chi cục thuế cần phải cải thiện tình trạng này tránh gây sự bức xúc đối với các doanh nghiệp xin hoàn thuế.

Để nâng cao hiệu quả quản lý hoàn thuế cán bộ quản lý nên:

- Xác minh chặt chẽ và cụ thể hóa đơn đầu vào, đầu ra. Khi kiểm tra kết hợp với sổ chi tiết mua hàng, bán hàng để xác định chính xác số lượng hàng hóa mua vào, bán ra trong kỳ và tránh hiện tượng dùng hóa đơn khống. Đối với doanh nghiệp vừa sản xuất hàng hóa chịu thuế GTGT vừa sản xuất hàng hóa không chịu thuế GTGT thì phải tính số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu.

- Đối với cơ sở sản xuất hàng hóa để xuất khẩu thì cần phải kiểm tra tờ khai hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu thông qua sổ chi tiết và Tờ khai hải quan đã xác nhận, hợp đồng xuất khẩu...nếu doanh nghiệp thực hiện ủy thác xuất khẩu thì cần phải có tờ khai đơn vị được ủy thác.

Về thanh tra, kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế là một trong những chức năng quan trọng của cơ quan thuế và luôn được quy định trong các Luật thuế. Đặc biệt, khi thực hiện mô hình quản lý thuế theo chức năng thì chức năng kiểm tra lại càng đóng vai trò quan trọng. Để đảm bảo cho cơ chế tự khai, tự nộp thuế hoạt động hiệu quả, mà chức năng thanh tra, kiểm tra càng cần phải được tăng cường. Trong đó mục tiêu của công tác kiểm tra không chỉ nhằm phát hiện các hành vi gian lận thuế mà còn nhằm đánh giá ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế.

Theo cơ chế này, công tác kiểm tra cần phải được tiến hành thường xuyên hơn. Theo đó, đối tượng kiểm tra được xác định dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau, nhưng cơ bản nhất vẫn là nguồn thông tin phân tích rủi ro từ phía cơ quan thuế. Tuy nhiên, để đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong hoạt động kiểm tra đối với ĐTNT, hoạt động kiểm tra nên có quy chế rõ ràng về số lần kiểm tra tối đa hoặc tối thiểu trong một khoảng thời gian nhất định cho từng loại ĐTNT. Cần hoàn thiện quy trình kiểm tra thuế GTGT. Xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm. Công việc kiểm tra phải tiến hành theo phương thức có hiệu quả nhất. Tùy từng đối tượng cụ thể mà có phương pháp kiểm tra khác nhau cho phù hợp: kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra theo điểm, kiểm tra từng vụ việc, kiểm tra thường xuyên hay thanh tra đột xuất... Lực lượng kiểm tra phải đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao, kiên quyết đấu tranh với những trường hợp sai phạm.

Sử dụng kỹ thuật phân tích rủi ro và phân loại DN để xây dựng kế hoạch thanh tra theo kế hoạch phù hợp, cụ thể: Đối với những DN thường xuyên sai phạm thì cần phải có kế hoạch kiểm tra mỗi năm một lần; đối với DN có sai phạm nhưng không thường xuyên thì khoảng 2 – 3 năm kiểm tra một lần; các doanh nghiệp còn lại 5 năm kiểm tra một lần. Với việc lập kế hoạch kiểm tra như vậy vừa đảm bảo

hiệu của công tác kiểm tra vừa chống gian lận về thuế vừa không gây khó khăn cho những DN làm ăn chính đáng.

Cùng với việc đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra ĐTNT, cần chú trọng thanh tra, kiểm tra nội bộ ngành, chú trọng đến đạo đức, tác phong, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật của cán bộ thuế trong toàn ngành. Phát hiện chấn chỉnh kịp thời những sai phạm của cán bộ thuế; xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp cán bộ thuế tham nhũng, lấy tiền thuế làm của riêng, gây những nhiễu, phiền hà cho các ĐTNT khi thực thi công vụ làm mất lòng tin của nhân dân, gây nhiều dư luận xấu, làm cho tâm lý chung của các DN là sợ bị kiểm tra. Từng bước tổ chức lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra thanh tra. Các cán bộ thanh tra tuyển chọn phải có năng lực cao và đạo đức tốt, làm tròn trách nhiệm được giao giúp cho lãnh đạo Chi cục xử lý kịp thời tình huống có thể xảy ra, khai thác có hiệu quả nguồn thu từ đối tượng nộp thuế GTGT giàu tiềm năng. Lực lượng kiểm tra phải đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao, kiên quyết đấu tranh với những trường hợp sai phạm.

Ứng dụng công nghệ tin học vào công tác kiểm tra thuế, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, đầy đủ thống nhất về NNT.

Bên cạnh đó, cần có quy chế phối hợp đồng bộ, chặt chẽ thông suốt giữa ngành Công an, ngành Thuế, Hải quan, Quản lý thị trường và các ngành liên quan để tiến hành thanh tra, điều tra điển hình, có trọng tâm, trọng điểm, xử lý nghiêm ĐTNT để răn đe các đối tượng khác, thực hiện chống thất thu một cách có hiệu quả từ gốc đến ngọn, từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất kinh doanh.

Về tuyên truyền, hỗ trợ thuế phổ biến chính sách thuế mới, chế độ kế toán mới

Tình trạng trốn thuế, lậu thuế còn khá phổ biến vừa làm thất thu cho NSNN vừa không đảm bảo công bằng xã hội và đưa công tác quản lý thu thuế vào nề nếp. Nguyên nhân trước hết là do NNT chưa hiểu sâu sắc về nghĩa vụ nộp thuế và đặc biệt là chưa hiểu được quyền thụ hưởng lợi ích từ khoản tiền thuế mà mình đóng góp; chưa hiểu rõ về nội dung, chính sách thuế, kê khai và nộp thuế; chưa nhận thức

đúng trách nhiệm pháp luật về nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của mình. Do đó tính tuân thủ tự nguyện chưa cao. Tuyên truyền - hỗ trợ là một trong những chức năng quan trọng trong các chức năng quản lý thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, điều này càng được thể hiện khi thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm. Vì vậy, cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục nhằm nâng cao trình độ hiểu biết của DN về thực hiện nghĩa vụ thuế. Để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền – hỗ trợ Chi cục thuế cần nghiên cứu áp dụng đến một số giải pháp:

Thứ nhất, xây dựng cơ sở dữ liệu tin học, thiết lập trang web của Chi cục thuế qua đó các thủ tục hành chính về thuế được chi tiết công khai là cơ sở NNT thực hiện, cũng thông qua trang web các chế độ chính sách thuế thường xuyên cập nhật, các thông tin khác cần truyền tải đến NTT được tiến hành nhanh chóng, kịp thời và chi phí thấp.

Xây dựng trang thông tin điện tử (Website) của Chi cục Thuế. Đa số các DN hiện nay đã sử dụng công nghệ thông tin như một công cụ hữu hiệu để phục vụ cho việc SXKD. Để khai thác thế mạnh này, Chi cục Thuế cần xây dựng và vận hành trang Web của Chi cục Thuế với nội dung phong phú và thiết thực cho DN như thông tin trong việc thay đổi chính sách thuế, thông tin về DN giải thể, phá sản, bỏ trốn, vi phạm... để các DN cảnh giác khi thực hiện các hợp đồng kinh doanh cũng như giao nhận hóa đơn. Bên cạnh đó cũng có thể đưa lên trang Web này thông tin về các DN thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, các DN còn nợ thuế, chây ỳ không thực hiện nghĩa vụ thuế.

Thứ hai, nâng cao năng lực tuyên truyền - hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ thuế làm công tác tuyên truyền hỗ trợ:

+ Xây dựng nhiệm vụ cụ thể đối với công tác tuyên truyền - hỗ trợ cho từng giai đoạn, tiến hành tổ chức thực hiện nghiêm túc; định kỳ tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm và có điều chỉnh kịp thời.

+ Trước mắt, để đảm bảo công tác tuyên truyền - hỗ trợ phát huy hiệu quả Chi cục thuế thành phố Hải Dương cần thường xuyên tổ chức hoặc cử cán bộ thuế tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thuế, nghiệp vụ tuyên truyền (kỹ

năng truyền đạt, giao tiếp...). Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thuế vừa tinh thông nghiệp vụ vừa có kỹ năng giao tiếp, lý luận cho cán bộ, công chức làm công tác tuyên truyền.

Thứ ba, phân loại các doanh nghiệp quản lý theo nhóm tiêu chí từ đó thực hiện các biện pháp tuyên truyền - hỗ trợ thích hợp cho từng nhóm. Đối với các nhóm doanh nghiệp thường xảy ra sai phạm cần xác định rõ nguyên nhân, trên cơ sở đó có biện pháp tuyên truyền - hỗ trợ hay ngăn chặn phù hợp và kịp thời. Đồng thời tuyên dương đối với các DN có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế.

Thứ tư, tăng cường số lượng, chất lượng, mở rộng hình thức hoạt động tuyên truyền thông qua các hình thức:

+ Xây dựng, triển khai đa dạng các phương pháp tuyên truyền hỗ trợ NNT giúp các ĐTNT nắm vững chính sách, quy trình, thủ tục thu nộp thuế, trên cơ sở đó thực hiện việc nộp thuế đúng, đủ, kịp thời vào NSNN.

+ Nâng cao chất lượng hướng dẫn, hỗ trợ tại CQT.

+ Cần tăng cường hơn nữa hình thức tuyên truyền thông qua ấn phẩm, phát thanh, truyền hình, internet. Đây là các kênh dư luận hai chiều, vừa có thể phổ biến pháp luật đến NNT đồng thời có thể nhận được phản hồi lại của NNT.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, hội thi với chủ đề tuyên truyền chế độ chính sách nói chung trong đó có các chính sách pháp luật thuế...

+ Tổ chức đối thoại giữa Chi cục thuế (đại diện là lãnh đạo Chi cục thuế hoặc người được ủy quyền) và NTT; qua đó phổ biến chế độ, chính sách đồng thời tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi của NNT. Tổ chức đối thoại thường xuyên với NNT theo quy chế đã ban hành và cần nhân rộng mô hình tổ chức các “tuần lễ lắng nghe ý kiến NNT”, tạo điều kiện để ĐTNT thực hiện tự khai, tự tính, tự nộp thuế, giảm dần những sai phạm mà ĐTNT thường mắc phải.

Thứ năm, tiếp tục duy trì đường dây nóng để giải đáp vướng mắc cho các đơn vị, cá nhân. Định kỳ, mở các cuộc hội nghị giữa cơ quan thuế và các doanh nghiệp

để lắng nghe và giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động liên quan đến các quy định về Thuế.

Chúng ta có thể thấy rằng, nếu quy định của Luật thuế quá phức tạp hoặc thay đổi thường xuyên thì khối lượng công việc của cơ quan thuế sẽ rất lớn, điều này sẽ chiếm một khối lượng lớn về thời gian và nhân lực của cơ quan thuế. Vì vậy, để giảm bớt gánh nặng này cần có sự phối hợp giữa Nhà nước và tư nhân, nên khuyến khích các loại hình kinh doanh mới là làm dịch vụ tư vấn pháp luật về thuế và các vấn đề có liên quan được phép thực hiện. Khi đó cơ quan thuế có điều kiện để tập trung vào việc biên soạn các tài liệu giải thích, hướng dẫn về nghĩa vụ nộp thuế một cách chi tiết và cụ thể, đồng thời tổng kết những vướng mắc của đối tượng nộp thuế, định hướng các nội dung cần hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế.

3.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao trình độ của cán bộ thuế

Xây dựng cơ cấu, tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh, vị trí công việc. Đảm bảo tạo được đội ngũ cán bộ chuyên gia theo từng chức năng quản lý thuế. Phân cấp cán bộ theo năng lực và hiệu quả công việc.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế, có hình thức xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với cán bộ có vi phạm nhằm nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong ngành thuế.

Trong quản lý thuế thì yếu tố con người đóng vai trò quan trọng nhất. Từ khâu tiếp nhận thông tin, đăng ký thuế đến khâu thanh tra, kiểm tra, quản lý nợ... đều do cán bộ thuế tra thực hiện. Do đó để quản lý thu thuế có thể đạt được chất lượng và hiệu quả, cán bộ thuế phải là những người đáp ứng toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cao.

Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức thuế tại Chi cục thuế

Yếu tố con người bao giờ cũng đóng vai trò rất quan trọng, quyết định hầu như toàn bộ quản lý thu thuế. Vì vậy, công tác cán bộ luôn được Đảng ủy, Lãnh đạo, Công đoàn Chi cục Thuế thành phố Hải Dương quan tâm. Thực hiện tốt việc rà soát, giới thiệu bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020. Việc đề xuất chủ

trương bổ nhiệm và bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo kịp thời. Việc bố trí sắp xếp cán bộ phù hợp theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác.

Để thực thi công tác thuế một cách hiệu quả Chi cục thuế luôn tạo mọi điều kiện cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quản lý thuế. Công tác quản lý cán bộ đã được chú trọng, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại yếu kém trong công tác quản lý, xử lý cán bộ vi phạm nhằm xây dựng đội ngũ thuế vững mạnh. Nâng cao kỹ năng giao tiếp của công chức thuế khi giao tiếp với NNT. Đặc biệt, hàng năm cán bộ Chi cục Thuế TP luôn đạt kết quả cao trong các đợt thi nghiệp vụ do Cục Thuế tỉnh tổ chức, bởi lẽ cán bộ Chi cục Thuế TP luôn luôn không ngừng học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ với tinh thần trách nhiệm cao. cần tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên đào tạo cán bộ làm việc tại các chức năng quản lý thuế cơ bản như tuyên truyền, hỗ trợ NNT, thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý nợ, kê khai, chú trọng công tác đào tạo tin học, ngoại ngữ, kiến thức tài chính, kế toán, nghiệp vụ về hiệp định thuế cho các cán bộ tại Chi cục Thuế thành phố Hải Dương Hải Dương.

Điều chỉnh dần cơ cấu cán bộ, công chức của từng bộ phận quản lý thuế, từng chức năng cho phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế và thông lệ Quốc tế: tăng cường lực lượng cán bộ có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức cho những chức năng quản lý thuế chính, đặc biệt là chức năng thanh tra, kiểm tra thuế (bao gồm cả thanh tra, kiểm tra người nộp thuế và kiểm tra giám sát nội bộ) đảm bảo tốt nhất quản lý thuế theo chức năng, hạn chế những sai phạm xảy ra trong quản lý thuế.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thuế có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, liêm khiết

Đồng thời với nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thuế, ngành thuế còn cần giáo dục phẩm chất đạo đức, tăng cường học tập 10 điều kỷ luật của Cán bộ thuế, những điều cần xây và chống đối với cán bộ công chức thuế, phát huy vai trò Đoàn thể, Chính trị –Xã hội của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Ban thanh tra nhân dân trong việc giám sát thực hiện của Cán bộ thuế trong cơ quan, kỷ luật nghiêm, đồng thời khen thưởng, nêu gương người tốt, nhân tố tích cực.

Đối với các bộ phận có tiếp xúc trực tiếp với người nộp thuế cần thường xuyên đào tạo cho công chức ở các bộ phận này kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng khai thác thông tin, trình bày, nắm bắt kịp thời quá trình và xu hướng phát triển của ngành thuế để thực hiện tốt quản lý thuế, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của người nộp thuế.

Kiểm tra, đánh giá trình độ của cán bộ, công chức ngành thuế, có chế độ khen thưởng cụ thể nhằm khuyến khích công chức thuế phấn đấu nâng cao trình độ

Thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm tra, sát hạch nhằm rà soát, đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ công chức hiện có theo yêu cầu của cải cách hành chính và hiện đại hóa ngành thuế, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo lại công chức thuế, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu theo chức năng quản lý thuế, nắm vững các kỹ năng quản lý thuế hiện đại. Bên cạnh đó nâng cao trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, tính tuân thủ pháp luật của cán bộ thuế. Đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ, nhằm bố trí đúng người đúng việc, cũng như phát huy đúng năng lực làm việc của từng người. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thuế.

Khuyến khích việc sáng tạo, tìm tòi, nghiên cứu trong cán bộ ngành. Phát huy tinh thần năng động, nắm bắt thực tiễn, nhằm xây dựng hình ảnh cán bộ thuế nhanh nhạy, am hiểu thực tế. Không những nắm vững chuyên môn nghiệp vụ thuế mà còn nắm vững nghiệp vụ kế toán để công tác quản lý thực sự hiệu quả hơn.

Thường xuyên đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các phòng, cá nhân. Bên cạnh đó công tác khen thưởng và phê bình cũng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Tuyên dương những cán bộ đạt thành tích cao trong công việc, đồng thời nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những cán bộ có hành vi tham ô, nhận hối lộ, tiếp tay cho DN vi phạm quy định pháp luật thuế.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương

3.3.1. Kiến nghị với Nhà nước

Chính sách thuế GTGT ở nước ta hiện nay đã được thiết kế theo hướng tiên tiến, hiện đại, áp dụng đồng bộ đối với mọi loại hình đối tượng chịu thuế GTGT thuộc mọi ngành nghề kinh doanh với phương pháp khấu trừ và phương pháp tính thuế trực tiếp. Về thuế suất, bên cạnh thuế suất tiêu chuẩn 10% và 0% áp dụng chung cho xuất khẩu như đa số các nước, Việt Nam còn có chính sách ưu đãi thuế suất 5% cho các mặt hàng nông, lâm sản và một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất. Tuy nhiên so với một số nước trong khu vực, chính sách thuế GTGT ở nước ta vẫn còn bất cập. Để khắc phục được một cách có hiệu quả những bất cập trong chính sách thuế hiện hành, đảm bảo tính đồng bộ, hài hòa và ổn định tương đối của hệ thống chính sách thuế trong tương lai, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước trước bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế thì chính sách thuế GTGT cần được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng:

+ Mở rộng cơ sở tính thuế thông qua giảm danh mục nhóm hàng không chịu thuế, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam (Chỉ bao gồm các loại nông sản do nông dân tự sản xuất bán ra, các loại dịch vụ xã hội cơ bản và phúc lợi xã hội, các hàng hóa chuyên dụng cho an ninh quốc phòng và các loại hàng hóa không chịu thuế theo thông lệ quốc tế như vận tải biển, hàng quá cảng)

+ Áp dụng thống nhất về thuế suất tiêu chuẩn 10% theo mức chung với các nước trong khu vực, xóa bỏ mọi phân biệt đối xử về thuế, trong khi vẫn duy trì thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu sẽ làm tăng thu cho NS.

+ Chỉ nên áp dụng một phương pháp tính thuế khấu trừ đối với các doanh nghiệp thực hiện đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ. Điều này giúp đảm bảo tính nhất quán, chính xác và phù hợp với thông lệ quốc tế trong xác định nghĩa vụ thuế phải nộp của các đối tượng.

+ Xác định các tiêu chuẩn rõ ràng về hoàn thuế, đơn giản hóa quy trình thủ tục và cải tiến phương pháp hoàn thuế để đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật quy về thuế vẫn đang tiếp tục, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta nên các quy định thủ tục về thuế còn nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, làm cho các tổ chức cá nhân khó theo dõi, thực hiện. Một số thủ tục về thuế còn rườm rà chưa đồng bộ, đặc biệt là các văn bản pháp quy liên quan tới công tác thu nợ và cưỡng chế thuế. Chính vì vậy mà hiệu quả quản lý thuế còn hạn chế. Do đó, trong thời gian tới cần phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống các văn bản pháp quy về thuế:

- Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về xử lý nợ của đối tượng chịu thuế GTGT, phạm vi điều chỉnh phải toàn diện và công bằng giữa các loại hình ĐTNNT và các nguyên nhân gây nợ thuế.

- Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của ĐTNNT với Nhà nước, đề cao tính tự chịu trách nhiệm của họ trước pháp luật trong việc xác nhận nghĩa vụ thuế của mình, như: tự giác đăng ký thuế, tự kê khai và nộp thuế, tự quyết toán số thuế phải nộp, có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật thuế cũng như các quyết định thuế của cơ quan thuế. Đồng thời quy định quyền lợi của ĐTNNT đó là: được hưởng các phúc lợi xã hội mang lại từ thuế, quyền được khiếu nại khi lợi ích bị xâm phạm do nguyên nhân từ chính sách thuế, cơ quan thuế, cán bộ thuế.

- Giao chức năng điều tra, khởi tố các vụ án vi phạm pháp luật thuế cho cơ quan thuế. Bởi lẽ hiện nay, các vụ án lớn về thuế, đặc biệt là các hành vi chiếm đoạt tiền hoàn thuế GTGT không được phát hiện kịp thời và làm rõ. Đó là do cơ quan thuế chưa được giao chức năng điều tra, khởi tố các vụ án vi phạm pháp luật thuế mà phải chuyển qua cơ quan công an, song cơ quan công an không có hệ thống thông tin về thuế, không có trình độ chuyên môn về quản lý thuế nên việc điều tra tiến hành rất chậm và kết quả rất hạn chế.

3.3.2. Kiến nghị với các đơn vị liên quan

3.3.2.1. Kiến nghị với Cục Thuế tỉnh Hải Dương

Đội ngũ công chức, viên chức đang làm việc trong Chi cục Thuế là nguồn nhân lực quan trọng giúp ngành Thuế Hải Dương thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và tăng tổng thu NSNN cho tỉnh Hải Dương. Chính vì vậy, đội ngũ công

chức, viên chức của Chi cục cần có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ. Tuy nhiên, đội ngũ công chức, viên chức hiện nay còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế như năng lực chuyên môn của một bộ phận chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là về kinh nghiệm thực tiễn; một số thiếu nhiệt tình công tác, ý thức trách nhiệm chưa cao, không yên tâm công tác; việc tuyển dụng, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận chưa được thực hiện tốt; số cán bộ trẻ, cán bộ nữ giữ chức vụ lãnh đạo còn ít; cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ chưa nhiều. Do vậy, kiến nghị Cục Thuế Hải Dương xây dựng và luân chuyển đội ngũ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn, tâm huyết với nghề nghiệp; đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu cho Chi cục để Chi cục hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoàn thành dự toán thu ngân sách hàng năm.

* Thứ nhất, về tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng công khai, minh bạch và tăng tính cạnh tranh.

- Bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm; thực hiện chế độ thi nâng ngạch đối với công chức theo cơ cấu ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế miễn nhiệm công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

* Thứ hai, đa dạng các hình thức đào tạo công chức, viên chức. Ngoài việc tiếp tục coi trọng đào tạo công chức, viên chức nâng cao trình độ về chuyên môn như thạc sĩ, tiến sĩ; đào tạo, bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước, về lý luận chính trị theo quy định chung, kiến nghị Cục Thuế tập trung thực hiện các hình thức đào tạo khác như:

- Điều động, biệt phái công chức giữa các cơ quan, đơn vị trong ngành là việc làm thường xuyên, có kế hoạch để góp phần đào tạo kiến thức sâu, rộng về quản lý nhà nước.

- Biệt phái công chức, viên chức về công tác tại địa phương, cơ sở để góp phần đào tạo về kiến thức thực tiễn.

- Mở rộng diện, địa bàn luân chuyển công chức, viên chức để đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý; đưa công tác luân chuyển cán bộ trở thành việc làm thường xuyên.

- Thực hiện chế độ đào tạo bắt buộc khi được bổ nhiệm lần đầu về kỹ năng lãnh đạo, quản lý và chế độ bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, hành chính, kỹ năng quản lý... định kỳ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.

* Thứ ba, về quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, vừa đáp ứng yêu cầu ngắn hạn vừa có tầm nhìn cho giai đoạn dài; hợp lý về cơ cấu, độ tuổi, tỷ lệ nữ, cán bộ trẻ, người dân tộc thiểu số.

- Thí điểm tập sự một số vị trí lãnh đạo cấp phó để đào tạo, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bồi dưỡng, đào tạo cấp phó và chuẩn bị nguồn thay thế cấp trưởng; lựa chọn, giới thiệu để đề nghị bổ nhiệm cấp phó.

* Thứ tư, tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về thuế cho các ĐTNT, cung cấp dịch vụ thuế cho DN một cách tốt nhất, thực sự coi NNT là người bạn đồng hành; tăng cường công tác đối thoại, gặp gỡ DN để thông qua đó nắm bắt được những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của DN nhằm tìm biện pháp tháo gỡ cho DN.

* Thứ năm, tổ chức công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến chính sách thuế khi có thay đổi nhằm giúp DN tiếp cận được các chủ trương, chính sách mới để DN thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ của mình; tổ chức tốt các biện pháp quản lý thu thuế như; quản lý ĐTNT, đối tượng tính thuế và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

Trong chương trình cải cách hiện đại hoá ngành thuế nói chung thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc kê khai, quản lý thuế là rất cần thiết. Việc tổ chức cho các doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng là một tất yếu của ngành thuế. Chi cục Thuế TP Hải Dương đã được nâng cấp hệ thống quản lý thuế cấp cục thuế, nhưng trình độ tin học của cán bộ còn yếu, nhiều cán bộ chưa thể khai thác hết các

ứng dụng quản lý thuế, nên ngành thuế cũng cần đào tạo và tuyển dụng cán bộ tin học có trình độ và bồi dưỡng nâng cao các kiến thức tin học cho toàn thể cán bộ, công chức để cán bộ thuế có thể vận dụng và khai thác được tất cả các ứng dụng quản lý thuế; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cần nâng cấp hệ thống máy tính hiện có lên hệ điều hành cao hơn, có tốc độ chạy nhanh hơn và đảm bảo an toàn thông tin tốt hơn.

Ngoài ra Cục thuế cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ ngành và tại địa phương. Đồng thời đội thanh tra nên hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ thanh tra trong chi cục để thực hiện tốt chức năng của mình. Mặt khác, Cục thuế nên đặt ra kế hoạch thu thuế GTGT cho Chi cục thuế Thành phố Hải Dương hợp lý hơn, phù hợp với thực trạng của Thành phố.

3.3.2.2. Kiến nghị với UBND thành phố Hải Dương và các ngành, các cấp liên quan

Quản lý thu thuế không chỉ là trách nhiệm của riêng ngành thuế mà có phần trách nhiệm của tất cả các cấp, các ngành. Do đó để nâng cao hiệu quả của quản lý thuế, đòi hỏi các cơ quan hữu quan phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế hoàn thành nhiệm vụ huy động nguồn thu cho ngân sách. Các cấp chính quyền cần phải coi lãnh đạo và chỉ đạo quản lý và thu thuế trên địa bàn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Bởi vì quyền lực của nhà nước không có gì khác hơn là quyền lực công cộng và quyền thu thuế cho nên nhiệm vụ của chính quyền các cấp là phải nắm lấy công cụ thuế mà cụ thể là: nắm chắc chính sách thuế và các cơ chế quản lý thu thuế trong đó có bộ máy thuế các cấp để thực hiện mục tiêu thu ngân sách và các mục tiêu kinh tế - xã hội khác. Trong điều hành nền kinh tế thị trường thì bàn tay của chính quyền tác động và quản lý nền kinh tế không có gì sắc bén hơn là dùng công cụ thuế. Chính vì thế, chính quyền các cấp từ Tỉnh xuống xã phải đặc biệt quan tâm đến công tác thuế và phải có trách nhiệm lãnh đạo các cấp, ngành phối hợp với cơ quan thuế thực hiện mục tiêu này.

UBND thành phố cần cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, có chính sách phát triển sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư, thay đổi cơ cấu kinh tế, bảo hộ và khuyến khích tiêu dùng hàng sản xuất trong thành phố một cách phù hợp... để phát

triển nguồn thu trên địa bàn thành phố cũng như thu hút nguồn thu ngoài địa bàn, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp của thành phố đưa các nguồn thu do kinh doanh ở địa phương khác về trong thành phố. Hàng năm UBND các cấp cần có các hình thức khen thưởng kịp thời để động viên, tôn vinh các danh nhân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh giỏi có nhiều đóng góp cho ngân sách góp phần phát triển kinh tế xã hội. Nhân rộng các mô hình kinh sản xuất kinh doanh tiên tiến, tích cực. Tăng cường chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành của các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố để có sự kiểm tra, giám sát hoạt động của đối tượng nộp thuế sau đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi địa phương quản lý. Tạo điều kiện cho Hiệp hội doanh nghiệp phát triển; triển khai có hiệu quả đề án hỗ trợ.

Báo, đài truyền thanh, truyền hình thường xuyên đăng bài tuyên truyền về nội dung, chính sách pháp luật thuế, tuyên dương những người nộp thuế thực hiện tốt chính sách thuế, cũng như đưa tin những cá, nhân, tổ chức không có ý thức chấp hành pháp luật thuế như là trốn thuế, gian lận thuế, trây ỳ nợ thuế... Thường xuyên phối hợp với các chi, đảng bộ cơ sở, tổ dân phố đưa vào sinh hoạt các chuyên đề về thuế để kiến thức thuế đi đến từng người dân.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cũng như phòng đăng ký kinh doanh, ngành thống kê tỉnh nên cùng với cơ quan thuế cần thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó rà soát các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, các doanh nghiệp kinh doanh không có hiệu quả và qua đó nắm được số doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh và số doanh nghiệp kinh doanh nộp thuế thật sự. Cơ quan công an, quản lý thị trường, kiểm lâm cùng hợp tác với cơ quan thuế xác định các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế để có biện pháp ngăn chặn xử lý theo quy định.

Ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại phối hợp cung cấp các thông tin tài khoản của người nộp thuế một cách kịp thời hơn nữa để phục vụ công tác cưỡng chế nợ thuế của ngành thuế được nhanh chóng đảm bảo thu NSNN đúng quy định.

KẾT LUẬN

Để đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội ổn định, bền vững và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách tài chính trong đó hệ thống chính sách thuế nói chung, thuế giá trị gia tăng nói riêng là hết sức cần thiết, nhằm đảm bảo công bằng, minh bạch và lành mạnh hóa môi trường kinh doanh. Hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng nói chung và đối với các doanh nghiệp tư nhân nói riêng có ý nghĩa hết sức to lớn, không chỉ bổ sung một phần lớn vào nguồn ngân sách nhà nước mà còn là một công cụ điều tiết kinh tế hữu hiệu của nhà nước. Tuy bước đầu còn gặp nhiều khó khăn, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của Nhà nước, chính quyền các cấp, sự phối hợp giúp đỡ của ban ngành, cơ quan hữu quan, sự cố gắng nỗ lực phấn đấu của cán bộ Chi cục thuế thành phố Hải Dương, cùng sự hưởng ứng chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đối với NSNN của các ĐTNNT nên luật thuế GTGT đã thực sự đi vào cuộc sống, việc áp dụng luật thuế GTGT đã đạt được những thành công to lớn, phát huy vai trò tích cực trên các mặt của đời sống KT-XH, đảm bảo được yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu mà NN đề ra.

Quản lý thu thuế giá trị gia tăng là vấn đề lớn, rất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả luận văn không có tham vọng trình bày toàn bộ vấn đề mà chỉ tập trung phân tích, luận giải để đưa ra những quan điểm cơ bản, những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng là doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương trong điều kiện hiện nay.

Để thực hiện quản lý thu thuế giá trị gia tăng có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt Luật Quản lý thuế, đảm bảo nguồn thu cho NSNN, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: hoàn chỉnh chính sách thuế; thực hiện tốt công cuộc cải cách hành chính thuế; cải tiến tổ chức bộ máy tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nộp thuế, đẩy mạnh mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện thực hiện nghĩa vụ thuế; nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từng bước hoà nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Với trình độ nhận thức và năng lực phân tích, đánh giá còn hạn chế, nên việc nhận định trong luận văn này có thể chưa được toàn diện, sâu sắc và cũng không thể tránh khỏi những sai sót, khiếm khuyết. Nhưng bằng sự cố gắng và nỗ lực, bản thân tôi hi vọng những ý kiến trong luận văn sẽ góp phần nhỏ bé nhằm hoàn thiện quản lý thuế GTGT tại Chi cục thuế Thành phố Hải Dương.

Được sự giúp đỡ tận tình của GS.TS. Đinh Văn Sơn tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sĩ với đề tài **“Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Dương”**.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài này do vẫn còn hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên luận văn không tránh khỏi thiếu sót, tác giả mong nhận được sự đóng góp của các Giáo sư, Tiến sỹ, các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2012), *Thông tư 06/2012/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng*.
2. Dương Đăng Chinh – Phạm Văn Khoan (2009), *Quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính.
3. Ths. Phạm Ngọc Dũng (năm 2013), *Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn của Cục thuế tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Thương Mại.
4. Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Liên (2007), *Giáo trình thuế*, Nxb Tài Chính, Hà Nội.
5. Học viện Tài chính (2011), *Giáo trình thuế*, nhà xuất bản Tài Chính.
6. Ths. Bùi Văn Luyện (năm 2004), *Nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Gia Lâm*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân.
7. Ths. Nguyễn Thị Mai (năm 2015), *Quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế trường Đại học Thương Mại.
8. Quốc hội nước CHXHCNVN (2006), *Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006*.
9. Quốc hội nước CHXHCNVN (2008), *Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008*.
10. Quốc hội nước CHXHCNVN (2012), *Luật số 21/2012/QH 13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11*.
11. Quốc hội nước CHXHCNVN (2013), *Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 06 năm 2013*.
12. Quốc hội nước CHXHCNVN (2013), *Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2014*.

13. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình quản lý thuế*, nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
14. Tổng cục Thuế (2010), *Chương trình cải cách và hiện đại hóa ngành Thuế đến năm 2015*, Hà Nội.
15. Tổng cục Thuế (2007), *Luật quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
16. Tổng cục Thuế (2009), *Quy trình quản lý đăng ký thuế*, Ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2014 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế.
17. Tổng cục Thuế (2008), *Quy trình quản lý thu nộp tiền thuế*, ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-CCT ngày 22/4/2008.
18. Tổng cục Thuế (2015), *Quy trình quản lý thu nợ thuế*, Ban hành kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế.
19. Tổng Cục Thuế (2015), *Quy trình kiểm tra thuế*, Ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế.
20. Tổng Cục Thuế (2015), *Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế*, Ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế.
21. Tổng cục Thuế (2011), *Quy trình hoàn thuế*, ban hành kèm theo Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.
22. Ths. Lương Thành Vinh (năm 2005), *Thực trạng quản lý thuế của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Thái Nguyên.
23. www.gdt.gov.vn, website Tổng cục Thuế
24. www.gdt.gov.vn/portal/haiduong, website Cục thuế tỉnh Hải Dương
25. www.gdt.gov.vn/portal/hanoi, website Cục thuế Hà Nội
26. www.gdt.gov.vn/portal/vinhphuc, website Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc